KỶ NIỆM

116 NĂM

NGÀY SINH

ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH

15-6-1882 o 15-6-1998

1882 o1936

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI
1906 o 1936

85 NĂM

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

15-5-1913 ÷ 15-5-1998

BƯỚC NGOẶT QUYẾT ĐỊNH CỦA

CÁCH MẠNG VĂN HOÁ CHỮ QUỐC NGỮ

TUYỂN TẬP SỐ 3 1913

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

志雜洋東

NGUYỄN THỊ MƯỜI VÀ BÙI TƯỜNG TRÁC

KHAI DÂN TRÍ

85 NĂM

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

15-5-1913 ÷ 15-5-1998

BƯỚC NGOẶT QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁCH MẠNG VĂN HOÁ CHỮ QUỐC NGỮ

TUYỂN TẬP SỐ 3 **1913**

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

志雜洋東

NGUYỄN THỊ MƯỜI VÀ BÙI TƯỜNG TRÁC

KHAI DÂN TRÍ

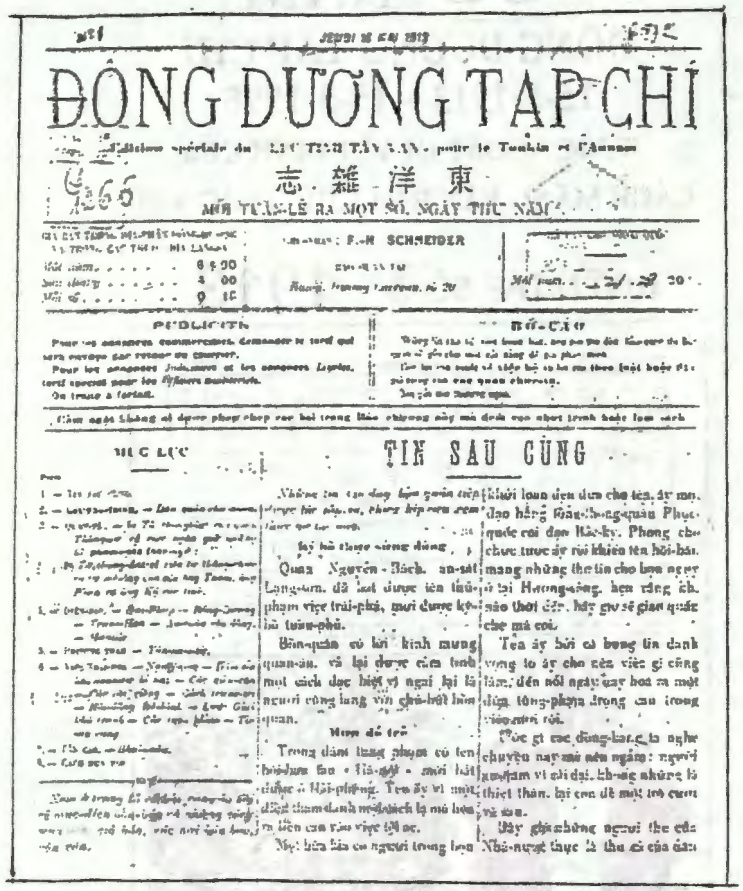

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

志雜洋東

MỖI TUẦN LỄ RA MỘT SỐ, NGÀY THỨ NĂM

MỤC LỤC

TIN SAU CÙNG

Khởi loạn đến đưa cho tên ấy mạo hàng Bảo-hoàng-quân Phục-quốc coi dạo Bắc-kỳ. Phong cho chức trước ấy rồi khiến tên hồi-bản mang những thư tín cho bọn ngụy tại Hương-cảng, hẹn rằng khi nào thời cơ hãy giờ sẽ giao quốc chẳng mà coi.

Tên ấy bởi có lòng tin danh vọng to ấy cho nên việc gì cũng làm, đến nỗi ngày nay bọn ta một đứa tông-phạm trong cau trong vòng pháp rồi.

Độc giả các đồng-bang ta nghe chuyện này mà nên ngẫm: người xưa làm vì cái đại, khi-mạng nhược là thiệt thân, lại coi để một trò cười về sau.

Xét giả những người theo của Nhà-nước thực là thu cái của dân

Số 1 15-5-1913

NGUYỄN THỊ MƯỜI, BÙI TƯỜNG TRÁC

KHAI DÂN TRÍ 1913

TUYỂN TẬP SỐ 3

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ 1913

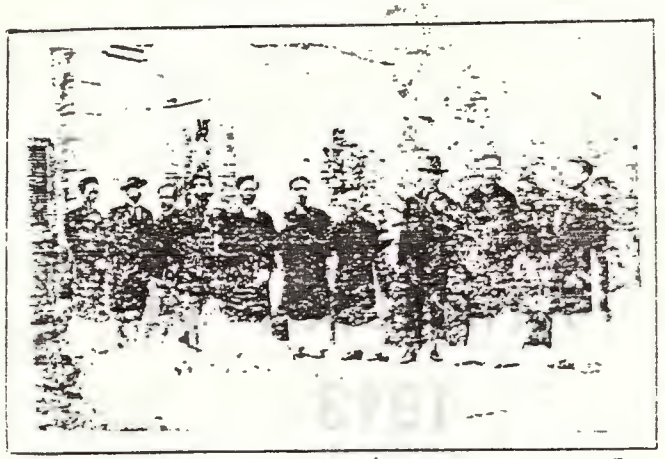

NHÂN VIÊN NHÀ IN TRUNG BẮC TÂN VĂN 61-63 HÀNG BÔNG HÀ NỘI ẢNH CHỤP 1917

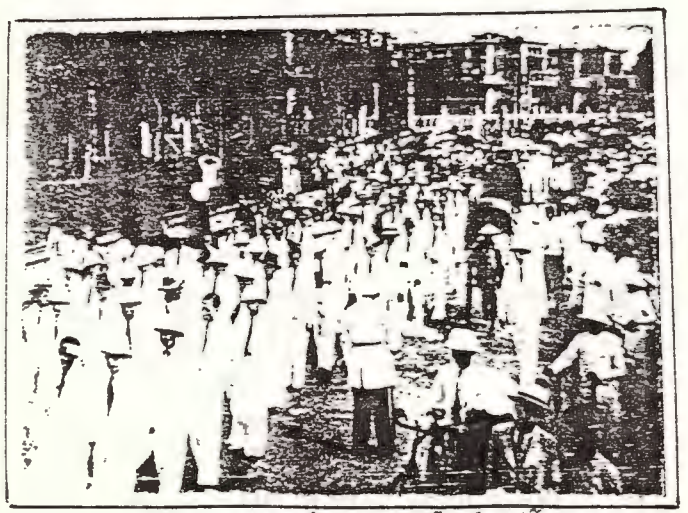

3-5-1926 ĐÁM TANG ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH

THẾ KỶ THỨ XX LÀ THẾ KỶ CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI THÀNH CÔNG Ở NƯỚC TA

---***---

Chỉ còn hai năm nữa hết thế kỷ XX.

Thế kỷ XX là thế kỷ thành công của Cách mạng đổi mới ở nước ta:

❶ Thế kỷ chúng ta đã từ bỏ được Nho học đã ngự trị trên đất nước ta hàng ngàn năm, để xây dựng thành công nền văn minh chữ Quốc ngữ.

❷ Thế kỷ Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam đã làm Cách mạng tháng 8 thành công, đã xoá bỏ chế độ phong kiến, đã đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược và chiến thắng đế quốc Mỹ, thống nhất đất nước, xây dựng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

❸ Thế kỷ cách mạng đổi mới đưa đất nước ta lên thành một con rồng ở Đông Nam Á.

*
* *

Đúng 100 năm trước đây 15 năm cuối cùng của thế kỷ XIX thực dân Pháp đã xâm chiếm được nước ta, và đã dựa được vào thế lực của nước ta đã có từ trước để chinh phục được cả hai nước Lào và Miên *(Căm - Pu - Chia)*.

Và sau khi đã ký kết được với Trung Quốc hòa ước Patenôtre *(1884)* Pháp thành lập Phủ toàn quyền Đông Dương vào năm 1887 với viên toàn quyền Pháp đầu tiên là Constant. Năm 1888 Vua Hàm Nghi bị bắt và bị đầy sang Algérie, Vua Thành Thái lên ngôi, đã nhượng 3 thành phố lớn ở miền Bắc là: Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng cho Pháp làm thuộc địa như ở Nam Kỳ. Từ đó triều đình nhà Nguyễn chỉ còn là bù nhìn, làm công cụ

toàn quyền Pháp, dùng làm bình phong để che dậy tội ác thực dân của chúng, mọi quyền hành đều nằm trong tay toàn quyền Đông Dương.

Toàn quyền thứ 2° 1889 là toàn quyền Richaud.

Toàn quyền thứ 3° 1891 là toàn quyền De Lanessan.

Toàn quyền thứ 4° 1895 là toàn quyền Rousseau.

Toàn quyền thứ 5° 1897 là toàn quyền Doumer.

Toàn quyền thứ 6° 1902 là toàn quyền Beau.

Toàn quyền Beau chủ trương khai hóa dân trí, mở mang học hành và đặt y tế cục, xây dựng các bệnh viện, chính là những điều chúng ta đang cần. Trong lúc đó Văn Thân tan rã, nho học suy tàn, sau những cố gắng cuối cùng bị thất bại, vào tháng 11/1908 đinh dặng lực lượng có dấu ở phố Hàng Giấy để phá hội Tây ở Bờ Hồ và đốt khu dấu xảo mới xây dựng xong. Thất bại những nhà nho còn lại người thì dấu hàng, người thì sang Tầu, người thì sang Nhật để cầu cứu. Nhân dân hoang mang không có ai lãnh đạo.

May thay cho nước ta, trong thời buổi đen tối và nhiễu nhương đó, có ông Phan Chu Trinh, một nhà cách mạng lão thành, một nhà nho yêu nước tiến bộ: 1900 đỗ cử nhân, 1901 đỗ phó bảng, thu chức thừa biện ở Bộ Lễ, 1903 từ quan đi làm cách mạng; 1903 cùng với các ông Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quí Cáp đi vào Nam để khảo sát tình hình, 1905 ông ra Bắc gặp ông Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế, rồi xuất dương sang Nhật gặp ông Phan Bội Châu, rồi sang Trung Quốc gặp những nhà cách mạng khác.

1906 ông trở về nước viết bức thư gửi toàn quyền Đông Dương và vạch ra đường lối Cách mạng đổi mới với ba phương châm: Khai dân trí, Hưng chí khí, Hậu dân sinh.

1907 thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục *(Đông Kinh (Tonkin) là miền Bắc, nghĩa thục là trường học không lấy tiền)* để truyền bá chữ Quốc ngữ, dạy chữ nho và dạy tiếng Pháp.

Và lấy Đăng Cổ Tùng báo làm cơ quan ngôn luận của Cách mạng đổi mới viết bằng chữ nho và chữ quốc ngữ.

Ông chủ trương tự lực tự cường làm cách mạng ở ngay trong nước, tạm thời chấp nhận thực trạng Pháp làm chủ, chung sống hòa bình với Pháp, dấu tranh đòi hỏi Pháp khai hóa văn minh thực hiện Tự do - Bình đẳng - Bác ái, nhiệm vụ trước mắt là phải học cho được văn minh Châu Âu, giữ vững lòng yêu nước, và phải tồn tại để làm cách mạng. Muốn học được phải có thầy và ông thầy tốt nhất là nước Cộng hòa Pháp, đã ở ngay trong nhà mình không phải đi kiếm đâu xa.

Và cũng may thay có ông Nguyễn Văn Vĩnh con nhà nghèo, 8 tuổi đã phải đi làm, vừa làm vừa tự học lấy một mình mà sớm tiếp thu được văn minh Châu Âu, trưởng thành vào đúng đầu thế kỷ XX. 1906 sau khi đi tham quan nước Pháp về, ông xin từ chức Thông ngôn tòa đốc lý Hà Nội để làm nghề tự do làm nhà in và làm báo và ông đã trở thành người chiến sĩ cách mạng đổi mới trung thành nhất, dấc lực nhất, và thực hiện có hiệu quả nhất và sáng tạo nhất đường lối cách mạng đổi mới của ông Phan Chu Trinh.

Trong suốt 30 năm liền từ 1906 đến 1936, bắt đầu từ hai bàn tay trắng ông đã trở thành chủ một nhà in lớn và chủ nhiều tờ báo và tạp chí, chủ nhà xuất bản có uy tín nhất. Trong suốt 12.000 ngày không ngày nào ông nghỉ cầm bút: từ Đăng cổ tùng báo 1907 đến Notre Journal 1908-1909, Notre revue 1910 đến Lục tỉnh tân văn 1911-1912, Đông dương tạp chí 1913-1917, Trung bắc tân văn 1917-1930, "L'annam Nouveau" 1931-1936.

1/5/1936 ông Nguyễn Văn Vĩnh chết một mình với hai bàn tay trắng giữa rừng Trường Sơn ở bên Lào, tay ông vẫn cầm cây bút máy đang viết dở dang bài phóng sự "Một tháng với những người đi tìm vàng" cho báo "L'Annam Nouveau".

Nhưng gia tài ông để lại cho gia đình chúng tôi là vô giá và vĩ đại nhất: là hàng vạn bài báo và hàng ngàn cuốn sách viết về cuộc "Cách mạng văn hóa chữ Quốc ngữ" và về cuộc vận động "Cách mạng đổi mới" trong 36 năm đầu thế kỷ XX.

Năm nay 1998 kỷ niệm 116 năm ngày sinh ông Nguyễn Văn Vĩnh, 62 năm ngày giỗ của ông và 85 năm ngày Đông Dương tạp chí ra đời, chúng tôi in lại 5 tuyển tập những bài báo Đông Dương tạp chí năm 1913.

Tuyển tập 1 - Nhời đàn bà.

Tuyển tập 2 - Xét tật mình.

Tuyển tập 3 - Khai Dân Trí

Tuyển tập 4 - Thực hiện hai mục tiêu: Phổ biến khoa học thường thức, và xây dựng ngôn ngữ viết: Chữ Quốc ngữ.

Đây là những viên gạch đầu tiên để xây dựng nền móng vững chắc của nền văn minh chữ Quốc ngữ.

Chúng tôi mong rằng những tài liệu lịch sử quí giá này sẽ giúp đỡ được những người yêu lịch sử Việt Nam đầu thế XX có thêm tài liệu chính xác để tham khảo.

Làng Phượng Vũ - Phú Xuyên - Hà Tây

Tiết thanh minh năm Mậu Dần 1998

CÁC CON VÀ CHÁU CHẮT ÔNG

NGUYỄN VĂN VĨNH

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ ĐƯA DÂN TỘC VIỆT NAM VÀO CUỘC ĐỔI MỚI HỌC TẬP, NÂNG CAO DÂN TRÍ

Hàng nghìn năm dưới sự đô hộ của phong kiến Trung Hoa, lại trực tiếp dưới ách phong kiến của Việt Nam, dân tộc ta chìm đắm trong một xã hội trì trệ về kinh tế, chính trị, xã hội. Là một dân tộc thông minh và anh hùng, biểu hiện sáng chói trong những giai đoạn lịch sử chống ngoại xâm giành độc lập. Vậy mà đất nước đã độc lập rồi, dân tộc vẫn không thoát khỏi trì trệ, không tiếp thu được văn minh, tiến bộ, đại đa số vẫn mù chữ, lại bị đô hộ.

Tại sao vậy? Đó là vì dân tộc Việt Nam, vua quan, trí thức, mọi tầng lớp sĩ, nông, công, thương, hàng nghìn năm tự trói buộc vào một cách học tập theo nho học, học tiếng và chữ viết Trung Quốc, không học gì ngoài Tứ Thư Ngũ Kinh. Vì vậy nhiệm vụ cấp bách bây giờ là: toàn dân phải cải cách học tập, về cả nội dung và phương pháp, từ bỏ hẳn lối học hư văn trong nho học, tích cực đi vào tân học. Đông Dương tạp chí ra đời chính nhằm mục đích này mà chìa khoá quyết định thành công là phải quyết tâm dùng mọi biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện đưa cuộc vận động nhân dân học và sử dụng chữ Quốc ngữ thành phong trào rộng lớn. May mắn thay người Việt Nam học chữ Quốc ngữ rất dễ. Ai muốn biết đều học được ngay, chỉ cần mấy ngày cho đến một tháng là nắm được, đọc được, viết được, mà đã đọc được là hiểu được mọi người được nghe cũng hiểu. Gắn với việc xuất bản sách, và tổ chức rất nhiều lớp dạy học Quốc ngữ Đông Dương tạp chí sẽ thường xuyên có những bài phổ biến các học thuật thái tây viết bằng chữ Quốc ngữ, trình độ phổ thông, cách viết dễ hiểu, thuận lợi cho việc tự học. Cũng như vậy những kỹ thuật nông nghiệp đang rất cần thiết cho nông dân, những kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi tằm, làm đường và vô vàn nghề thủ công, cách buôn bán, kể cả cách sống, rất hữu ích cho xã hội, sinh lợi chắc chắn mà dân ta chưa thành thạo, cũng sẽ thông báo những tin tức và hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội nổi bật trong nước và trên thế giới, nhằm kích thích sự suy nghĩ và mở mang trí tuệ cho người đọc sẽ dịch những tác phẩm thể hiện nền văn minh Âu -

Tây, rất khác lạ với ta và rất tiến bộ. Quả thật các vấn đề đều mới mẻ Đông Dương tạp chí mời các độc giả tham gia ý kiến, bàn bạc để rộng đường ngôn luận, cùng nhau tìm ra đường đi đúng đạt mục tiêu nhanh.

"Chủ nghĩa" Đông Dương tạp chí số 2

Cái sai lầm của học cũ là chỉ bo bo học sách mà chẳng học dùng sách. Thánh kinh thuộc lầu lầu, đọc vanh vách, không sai một chữ, tiếc rằng không qua hành động mà có sáng tạo. Đời sau không góp phần nâng cao thành tựu của đời trước.

Từ 2500 năm nay, thiên hạ học chữ Thánh mà chưa có ai hơn được thánh thì phải biết rằng đạo nho hỏng ở nơi đó.

Học hành. TNT (ĐDTC số 2)

Phạm Quỳnh nêu vấn đề: "Học cũ học mới" đi sâu phân tích để tìm ra phương châm học mới đúng, đề phòng bị lạc hướng sẽ mất thời gian và khó sửa chữa. Học cũ đã sai lầm; tôn: "Tứ Thư Ngũ Kinh" làm thánh thư, cho là đã tổng hợp đầy đủ mọi sự vật trong trời đất và trong loài người, không có thể thêm bớt và bất biến. Thật ra, khoa học mênh mông bao gồm, lý học, thực học, văn tự học. Cái tác hại của học cũ là chỉ tập trung học văn tự, không học tư tưởng, chỉ dùi mài học hư văn, sinh ra hư tưởng. Học mới thì khác hẳn, triệt bỏ lối học hư văn cả ba lĩnh vực: Lý học, thực học, văn tự học đều được coi trọng, đều phát triển và thúc đẩy nhau phát triển không ngừng. Người đời sau học những thành tựu trí tuệ của đời trước, đưa vào hành động, đồng thời góp thêm những thành tựu của đời mình. Phạm Quỳnh đề nghị Đông Dương tạp chí mở ra 2 mục mới: "Tân học bình luận" và "Cổ học bình luận" để cùng bạn đọc tìm hiểu các lý tưởng làm gốc cho tân học và cổ học, phá bỏ hư văn nhưng vẫn có thể dung hoà cái tốt của cổ học nước ta với tân học thời nay. Cải cách học tập như vậy sự học hành của ta không đến nỗi thất bản mà cũng không đến nỗi chậm thời.

Phạm Quỳnh ĐDTC số 5.

Đến ĐDTC số 8, chữ Quốc ngữ đã ghi được một thắng lợi đáng kể đó là trong lễ phát phần thưởng ở trường Quốc Tử Giám có quan khâm sai Charles chủ toạ, quan học vụ Thượng thư, vốn là người không muốn dùng

chữ Quốc ngữ, đã công khai chịu là chữ Quốc ngữ thật tiện diệu, Ngài đã viết và đọc diễn văn bằng chữ Quốc ngữ. Tuy nhiên quan điểm của ngài về học cũ học mới còn bảo thủ, ngài nói "học cũ học mới chẳng nên chuyên một bên nào, phải học cả 2 thứ ngang nhau"... "Các nghĩa lý, các điều cốt tử trong hai cách học bao giờ cũng thế". Bởi vậy Nhà nước ngày nay tìm cách hợp hai lối học cũ học mới làm một. Học quy trường Quốc Tử Giám đã định rằng: Buổi sớm học chữ nho, buổi hôm học chữ Lang Sa là cũng theo nhẽ ấy.

Quốc ngữ Nguyên Huân ĐDTC số 9.

Cũng chẳng lạ gì, nho học vẫn là ưu thế duy nhất của ông và hàng ngũ quan lại trong triều. Chính nhờ nó mà các ông mới được quyền thế, được "Ngồi mát ăn bát vàng" và yên tâm làm tay sai cho Pháp. Nếu Ngài học Bộ thượng thư được toàn quyền thực thi ý mình thì quả là cuộc canh tân học sẽ gặp khó khăn nho học vẫn chiếm ưu thế, chữ Quốc ngữ không thể chiếm trận địa văn hoá xã hội nhanh. Nhưng không, điều kiện lịch sử đã thay đổi! muốn củng cố chế độ xã hội của mình ở Việt Nam, Pháp phải có chính sách khai hoá thuộc địa nhằm khai thác tài nguyên và nhân công rẻ mạt, làm giầu cho chính quốc, trong đó làm thay đổi rất nhiều học quy và thể lệ thi cử. Một số khoa mới thuộc tân học được giảng dạy ở trường chữ Quốc ngữ được coi trọng và khuyến khích, dùng chính chữ Quốc ngữ để giảng dạy và học tập đủ mọi môn khoa học cần thiết thật hơn hẳn học chữ nho.

Quốc ngữ Nguyên Huân ĐDTC số 9.

Đó là yêu cầu bức thiết của Đế quốc Pháp phải nâng cao kiến thức của tay sai, làm bù nhìn cho chúng cai trị thuộc địa, và một số vấn đề khác rất quan trọng là tách Việt Nam ra khỏi ảnh hưởng nghìn năm của Trung Quốc. Ý đồ của Pháp Quốc là như vậy, nhưng thực thi được chính sách này cũng rất có lợi cho dân tộc Việt Nam. Đông Dương tạp chí ý thức được thuận lợi khách quan rất quý này phát huy nó trong một quá trình đấu tranh kiên trì để thực hiện mục tiêu đã đề ra.

Trong văn chương ta hiện có 3 thứ tiếng hợp với nhau mà thành ra Quốc âm của ta thời nay.

- "Một là những tiếng nguyên âm của nước Nam vốn từ khi chưa học chữ Tầu cũng đã có".

- "Hai là những tiếng do chữ nho mà thành".

- "Ba là những chữ nho mượn mà dùng lâu vào tiếng ta. Đấy là văn cũ để lại, tiếng nói bây giờ lại giầu thêm ra do mượn thêm một số tiếng "Lang Sa". Làm như vậy thì tiếng An Nam mình cũng đã đủ tiếng mà lập nên được một văn chương riêng, làm ra sách vở có ích được cho cả nước, nam phụ lão ấu cũng hiểu được "Bổn quán mở ra tờ Đông Dương tạp chí này là cốt trông mục đích ấy".

Văn chương An Nam - Tân Nam Tử - ĐDTC số 9.

Điều khó khăn nhất là làm sao xây dựng tiếng việt từ một ngôn ngữ trao đổi thông thường, nói là chính, trở thành một ngôn ngữ nói và viết phong phú, có khả năng biểu hiện một cách mềm dẻo, chính xác các vấn đề thuộc mọi lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, kinh tế, chính trị, và các môn khoa học đang ngày càng phát triển trên thế giới. Trong bài "Văn chương An Nam" Tân Nam Tử đã rút ra sự hình thành tiếng Việt Nam cũ và xác định tiếng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới này cũng theo con đường đó mà nhanh chóng trở thành phong phú, vì Quốc ngữ ta được rất nhiều người dùng, dùng trong mọi lĩnh vực của đời sống, trong mọi ngành khoa học, trong quan hệ Quốc tế rộng rãi.

Sự vay mượn tiếng nước ngoài là một quy luật phát triển của mọi ngôn ngữ. Là quy luật nên đòi hỏi phải có cách làm hợp lý, thống nhất để những tiếng vay mượn được mọi người nhanh chóng chấp nhận và sử dụng. Hiện đang có nhiều ý kiến khác nhau, Tân Nam Tử tạm đúc rút lại, suy nghĩ và đưa ra những kiến nghị sau đây trước công luận, mong rằng được các độc giả tham gia bàn bạc để sớm có cách làm khoa học và thống nhất.

"Về cách viết các tên riêng, tên người hoặc tên xứ ra chữ Quốc ngữ". Đây là việc cần thường xuyên khi dịch các sách Âu Tây, khi viết các bài tin thời sự Quốc tế, viết các bài nghị luận khoa học. Tân Nam Tử phân tích

kỹ và tóm tắt là: "Nói chung không nên dùng mãi cái lối của Tầu" như Voltaire Tầu dịch là: "Phúc - Lộc - Đặc - Nhì"

Thiết nghĩ đối với chữ Quốc ngữ thì cứ nên viết nguyên tên tây và mở ngoặc ghi theo âm ta - ví dụ Nestlé (Net-lê), Doumer (Dô-me)... còn tên nước thì cũng ghi đúng theo cách ghi của nước ấy và có chữ mở ngoặc ghi tên nước ấy theo như ta đã quen gọi. Ví dụ: La France (Đại Pháp hoặc Lang Sa) La Russie (Nga), thảng hoặc đối với những nước ta chưa có tên quen gọi thì cũng cứ ghi đúng theo họ và có mở ngoặc ghi chú theo âm Việt Nam. Ví dụ: Bulgarie (Bungari) Les Balkans (những sứ Ban căng)...

Tân Nam Tử ĐDTC số 7

"Về cách dịch các tiếng triết lý (từ triết lý) phải công nhận với nhau đây là điều cực khó vì tiếng Việt Nam còn thô sơ, làm sao dịch, diễn giải được sát đúng những vấn đề triết lý vừa trừu tượng, vừa sâu sắc, mới lạ đối với nhận thức của ta.

Ai viết, ai dịch, về triết lý phải tự mình tìm tòi đặt ra hoặc dùng những từ cũ của ta mà cho thêm nghĩa mới hoặc mượn từ chữ nho. Dùng lâu ngày, số đông công nhận là sát nghĩa sẽ thành từ đúng, ngôn ngữ được hình thành qua sử dụng, ngôn ngữ được lựa chọn, cái không hợp lý mất đi, cái hay, cái đẹp được giữ lại, sinh sôi nảy nở, thêm phong phú, thêm chính xác. Mỗi từ phải được giải nghĩa minh bạch, đầy đủ theo kiểu tự điển làm. ĐDTC định khởi sự làm việc này.

Tân Nam Tử - ĐDTC số 10.

Đông Dương tạp chí đi vào thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển chữ Quốc ngữ, tích cực đổi mới việc học tập theo những quan điểm đã trình bày trong những số đầu.

Trước hết cần giải quyết dứt khoát: trẻ con Việt Nam được học và dạy học như thế nào?.

Đây là vấn đề cực kỳ quan trọng, vì sự học của trẻ em được đúng đường hợp lý sẽ quyết định tương lai của dân tộc. Nguyễn Đỗ Mục, một nhà hán học uyên thâm đã viết một loạt bài tựa đề "Gõ đầu trẻ", phê phán

lối học cũ theo nho học, khẳng định cho trẻ con học vỡ lòng chữ Quốc ngữ, theo Tân học, sửa đổi những cách dạy học cổ xưa làm trẻ ngán học.

Việc dạy bảo con trẻ, nước nào cũng lấy làm hệ trọng, cần nhất là phải học chữ nước mình, tiếng nước mình, để có cơ sở mà học tất cả các môn cần thiết khác. Sử, địa cũng phải học bắt đầu từ nước mình.

Những người cho là nên học vỡ lòng chữ nho vì lý do chữ nho khó phải học trước tiên, hoặc tập tục nước mình thế, vỡ lòng phải học chữ nho đã, quá lắm thì vừa học chữ nho vừa học Quốc ngữ... Lại có kẻ nói nhà nghèo học Quốc ngữ tốn tiền sách vở, giấy bút, không theo được. Tất cả chẳng qua là thiếu suy nghĩ lệ thuộc thói quen cổ xưa nên không thấy cái lợi hiển nhiên học Quốc ngữ, chỉ sau vài tháng học là biết, có thể miệng đọc tay viết, cứ dần dần mà tự học ngày càng hoàn chỉnh.

Nguyễn Đỗ Mục - Gõ đầu trẻ I (ĐDTC số 20).

Nhiều người nói: "Trẻ ham chơi và nhác học", hiện tượng này có thật, khá phổ biến, nhưng vì sao? Các thầy cô giáo phải truy tìm nguyên nhân mà phần lớn trách nhiệm tại thầy cô. Trẻ ham chơi vì chơi hợp ý nó, làm cho nó vui thích. Thế thì học, một quá trình học sinh (dù là còn bé hay già) tìm hiểu và được giải đáp các điều chưa biết, người thầy phải biết làm cho quá trình này trở nên hấp dẫn, làm cho người học vui thích và ham học.

Nguyễn Đỗ Mục - Gõ đầu trẻ II (ĐDTC số 21).

Ham học là tính tự nhiên của trẻ con, cũng như hay làm đẹp là tính tự nhiên của phụ nữ. Hãy xem từ lọt lòng ra, trẻ ê a được mụ dạy, học cười, học chuyện rồi học ăn, học nói, học đi, học đứng, cái gì cũng học một cách thoải mái. Tính hay học đã bày ra đấy, lớn dần lên, có đứa tăn đầu rắn cổ không chịu học đó là vì những hành động sai lầm của người lớn, đã làm mất cái tính tự nhiên hay học của nó. Dạy không biết cách dạy lại lấy câu: "Yêu thì cho đòn cho vọt...." thì làm sao mà trẻ không ngán học?

Nguyễn Đỗ Mục - Gõ đầu trẻ III (ĐDTC số 22).

Tại sao phải triệt để đổi mới việc học? Cách học cổ lỗ của nho học khác hẳn cách học ngày nay. Xưa học bằng mồm nay học bằng mắt, đưa đến kết quả trái ngược nhau. Học bằng mồm chủ yếu là học truyền khẩu, người thầy đọc, các trò đọc theo cho đến thuộc lòng, ra rả như cuốc kêu mùa hè. Học Thánh kinh, tất cả đều là ngôn ngữ Trung Quốc, đọc khó, viết khó, hiểu khó việc truyền khẩu, học thuộc lòng là lẽ tất nhiên, đọc vanh vách chữ Thánh hiền mà chẳng thêm được mảy may ý tứ sáng tạo.

Học bằng mắt thì quá trình học là quá trình mục kích sờ thị, tai nghe nhưng mắt phải được nhìn, cái mới được thấy cụ thể truyền lên óc tạo điều kiện cho người học biết tự tìm tòi và suy nghĩ. Dạy vỡ lòng cho trẻ cũng thế, phải cho trẻ thấy tận mắt. Học đếm, học cộng, trừ... thì dùng hột dẻ để trẻ đếm, trẻ cộng 2 + 3 thành 5; 4 - 1 còn 3... học thực vật thì cho trẻ ra vườn thấy cây, cành, lá, hoa, từ hoa ra quả non, quả xanh, quả chín... làm gì mà con trẻ chẳng vui thích, thầy dạy một nó tự hiểu ra hai, ba.

Nguyễn Đỗ Mục - Gõ đầu trẻ IV (ĐDTC số 23).

Gà tức nhau tiếng gáy, nghề gì cũng vậy, mà nhất là nghề học càng cạnh tranh bao nhiêu thì càng tiến bộ bấy nhiêu, càng tiến bộ lại càng cạnh tranh, cạnh tranh không ngừng thì tiến bộ cũng không ngừng. Từ thời xa xưa đó Nguyễn Đỗ Mục đã có sáng kiến đề ra vai trò thi đua nói chung trong sự tiến hoá mọi mặt của xã hội, và cụ thể hoá vấn đề thi đua trong học tập, ông đề nghị.

- Sự cạnh tranh, sự chọi nhau bằng trí khôn nên gây dựng từ thuở bé.

- Làm ông thầy phải đem cái tài riêng của mình mà nhằm luôn hai chữ cạnh tranh.

- Vấn đề tổ chức thi và khen thưởng hàng năm để khuyến khích học sinh học tốt, không riêng Nhà nước và các trường học phải lo mà rất cần sự tham gia tích cực của các vị có chức có quyền, các nhà phú hộ cùng góp công, góp của kém gì đổ tượng, đúc chuông, xây chùa.

Nguyễn Đỗ Mục - Gõ đầu trẻ VI (ĐDTC số 25).

Trẻ em là tương lai của đất nước - Thầy dạy trẻ con từ vỡ lòng qua ấu học, tiểu học, giữ một trọng trách to lớn, hoàn thành tốt là góp phần

xứng đáng cho sự tiến bộ của toàn dân tộc. Thật là một vinh dự mà thầy có quyền tự hào một cách chính đáng. Vậy mà tại sao lại có tình trạng thầy dạy trẻ mà lại ngại ngùng không muốn nói ra? Đó là một nhận thức sai lầm từ cổ xưa còn lại.

Xã hội chỉ biết các thầy dạy, mở lớp đông học trò đại tập, để thi cử nhân, tú tài, mà coi thường các ông đồ dạy trẻ.

Chương trình dạy học là tuỳ theo người dạy, khác từ nội dung đến phong cách, học đi học lại, kéo dài mà chẳng biết tiến bộ được bao nhiêu.

Tình trạng này bắt đầu được khắc phục từ khi Nhà nước đề ra chương trình thống nhất cho các trường Ấu học. Lúc đó mới nhận ra dậy trẻ em, một đối tượng đặc biệt quả thật là khó khăn, đòi hỏi ở người thầy trình độ sư phạm cao, cách uốn nắn phải rõ ràng, cụ thể, mềm dẻo nhưng dứt khoát. Thật vất vả nhưng thật vinh quang.

Nguyễn Đỗ Mục - Gõ đầu trẻ VII (ĐDTC số 26)

Đã đi học thì phải chăm chỉ, có chí lập thân, phấn đấu để có tài, mai sau phục vụ xã hội tốt, được xã hội công nhận, làm nên danh tiếng, được xã hội mến phục. Đó thật là danh thơm rất quý. Vụ danh như thế thì rất nên, hiếu danh như thế thì chẳng ai chê. Cái nên trách là đừng có chuộng hư danh không tài cán gì, không làm lợi ích gì cho xã hội chỉ lo làm lợi cho mình, tìm cách tạo ra danh tiếng mà thực tế đâu có được xã hội công nhận.

Nuyễn Đỗ Mục - Gõ đầu trẻ VIII (ĐDTC số 27).

Trong cách học cũ của ta thiếu hẳn thể dục. Tuy rằng trẻ con, đại đa số thích trò chơi, chạy nhảy vận động chân tay, cũng là một hình thức thể dục tự do. Nhưng chính vì tự do nên sinh ra lúc thái quá, lúc bất cập. Hứng lên thì chơi suốt ngày, suốt tuần, mệt phờ chẳng lợi cho sức khoẻ và cả công việc học hành. Lại có thời gian dài tự do chẳng động chân tay chỉ tập trung bút nghiêng đó là nguyên nhân làm cho học trò và những người làm nghề trí óc thường yếu đuối, trói gà không nổi. Đừng có nghĩ trời phú tính bẩm sinh ra làm vậy, để ngồi xếp bằng tròn mà làm đầu tứ dân. Thưa rằng: Học trò cũng như kẻ sĩ, làm việc tĩnh tại thì nhất thiết phải tập thể dục rất

nhiều, rất đều hàng ngày, có phương pháp thích hợp thì mới bảo đảm được sức khoẻ, để đưa tài năng ra phục vụ.

Mong các thầy chú ý.

Nguyễn Đỗ Mục - Gõ đầu trẻ IX (ĐDTC số 28)

Dù là cựu học hay tân học, dạy trẻ học cần trước nhất là làm cho trẻ thấu hiểu yêu cầu: "học để rèn tập lấy tư cách làm người". Trong mọi hoạt động phải giữ gìn phẩm hạnh. Chỉ khi nào đại đa số người trong xã hội có phẩm hạnh thì xã hội mới có kỷ cương pháp luật được tôn trọng, có khi thế thịnh vượng, có cơ sở vững bền. Con người muốn có phẩm hạnh nhất thiết phải rèn luyện từ khi còn bé và không ngưng trau dồi. Các thầy dậy trẻ phải thấy đây là trách nhiệm lớn của mình phải theo dõi sít sao trẻ, thấy rõ cái xấu cái tốt của trẻ để kịp thời phê phán hoặc khen thưởng. Thầy trò phải thống nhất một quan điểm tài mà vô hạnh cũng chẳng ích gì cho dân, cho nước và cho chính mình dù trước mắt có lợi nhưng cũng chẳng lâu dài.

Nguyễn Đỗ Mục - Gõ đầu trẻ XI (ĐDTC số 30).

Lại còn vấn đề các hủ tục trong dân gian, tại sao biết bao lời chê bai, biết bao bài nghị biện, ý tứ cao xa, phân tích đến nơi đến chốn mà hủ tục vẫn hoàn hủ tục, không bớt? Trả lời câu hỏi này, câu trả lời của Nguyễn Đỗ Mục thật tiến bộ, hoàn toàn phù hợp với phong trào đổi mới. Muốn cải cách giáo dục không gì bằng cải tạo việc dạy trẻ, để theo lối tân học đúc thành bộ óc mới. Thế hệ trẻ, hết lớp này đến lớp khác, ngày càng đông, có hiểu biết khoa học, hủ tục không có đất phát triển, sẽ mất dần và các phong tục tốt đẹp sẽ nẩy nở trẻ em gái được học tập sẽ góp phần cải thiện phong tục mạnh hơn.

Nguyễn Đỗ Mục - Gõ đầu trẻ XII (ĐDTC số 31)

"Dục tất bất đạt" dạy học thì phải theo phương châm này thì mới thành. Đối với người lớn cũng thế đối với trẻ em lại càng thế. Con người cũng từ ăn lông ở lá mà tiến dần lên hàng nghìn năm mới được như ngày nay. Trẻ con, mới sinh ra cũng phải từng tý một: học lẫy, học bò rồi mới đến học đứng, học đi, học hả, học nhìn chán ra rồi mới học cười, học nói. Đó là lẽ tự nhiên. Vạn vật đều tuần tự như tiến. Từ hạt nảy mầm thành cây

con, ươm cây con đủ lớn mới đem ra trồng, quá trình trưởng thành mỗi giai đoạn đòi hỏi một cách chăm bón riêng, mới sống, mới tốt. Vì vậy việc giáo dục, việc học tập, phải đi từ thấp đến cao, mỗi lớp mỗi tuổi phải có chương trình và cách học thích hợp. Thầy phải dạy tuần tự theo chương trình, trò phải học kỹ theo chương trình, học đầy đủ, không bỏ quãng.

Nguyễn Đỗ Mục - Gõ đầu trẻ XIII (ĐDTC số 32).

Nhà nước bảo hộ đã mạnh tay đổi mới việc học tập trong nước, lập nhiều trường mới, cấp tiểu học nhiều, trung học cũng bắt đầu có, dạy cả học trò nam và nữ. Quan trọng nhất là đổi mới chương trình dạy cho mỗi cấp, cho mỗi lớp, chữ Quốc ngữ được quan tâm ngay từ lớp đầu, coi là phương tiện để truyền đạt các môn khoa học khác. Hoan nghênh sự đổi mới này, Đông Dương tạp chí đã có một loạt bài nghị luận về học cũ học mới, về chữ Quốc ngữ, về dạy và học cho đối tượng trẻ em từ vỡ lòng trở lên.

Trong phong trào đổi mới học tập đó, việc du học Đại Pháp cũng bắt đầu được đặt ra. Từ đó ra đời "Hội du học bảo trợ". Bốn năm đầu gặp trắc trở (Hội cử sang Pháp du học 9 người thì có 2 người bị nạn mà chết) lửa nhiệt tình hầu như muốn tắt. Một số người đã nói đến: Nên bãi hội. Thế nhưng hội đồng họp để tan hội bàn kỹ mới ra cái lý không thể tan hội, mà trái lại phải ra sức chấn chỉnh tổ chức, củng cố và mở rộng hội. Lý lẽ là:

Việc du học đại Pháp là vô cùng cần thiết cho sự đổi mới của dân ta. ta phải phấn đấu có người đạt Cao đẳng Pháp, trực tiếp học khoa học thái tây tại Pháp, khỏi phải tiếp thu qua trung gian Tầu, có nhiều chỗ không chính xác, rất bất lợi.

- Du học ở Pháp, được trực tiếp tiếp thu những văn minh Pháp, học và hành theo các đức tính tốt của người Pháp, cần kiệm, sống thật thà ngay thẳng, chọn ra cái tốt của người ta mà học.

Hội đồng cũng bàn: ra nước ngoài thì nên học gì? Những ngành nghề đất nước ta đang cần nhưng phải ở bậc cao học, đào tạo bằng được, trước ít sau nhiều, những người thật giỏi, quảng bác, để thuyết phục và dẫn dắt nhân dân học thêm mãi, đi theo cái tốt và tiến bộ lên. Đó là những con chim đầu đàn mà nhân dân ta đang cần.

V.Luận về du học (ĐDTC số 30)

Chữ nho nên để hay nên bỏ?

Chỉ một điều này mà bàn mãi, biết bao nghị luận mà người bảo để vô điều kiện, người lại yêu cầu bỏ, bỏ hẳn không. Học làm gì? Để hay bỏ, để như thế nào, bỏ như thế nào, không rõ ràng thì trận địa chữ Quốc ngữ còn có phần bị hạn chế, phong trào học chữ Quốc ngữ chưa thật mạnh mẽ, mặc dù trong năm khai sinh này ĐDTC đã có rất nhiều bài nghị luận vạch rõ cái hay của chữ Quốc ngữ, cổ động toàn dân nên học và tạo điều kiện cho việc học được dễ dàng và có hiệu quả. Cho nên giải quyết vấn đề này rõ ràng, có tình có lý, thì là mở rộng cửa cho chữ Quốc ngữ bay bổng, đồng thời chừng vạch cho chữ nho một trận địa hẹp hơn nhưng hợp lý, tồn tại vững chắc lâu dài.

Nguyễn Văn Vĩnh đã phân tích sâu đặc điểm hình thành ngôn ngữ Việt Nam, vai trò đặc biệt của chữ nho trong quá trình hình thành này và ông đề nghị:

-Ai học sâu văn chương, Nhất định phải học văn cũ, phải biết lịch sử, gốc tích ngôn ngữ mình, thì tất phải học chữ nho để nghiên cứu và phát triển ngôn ngữ Việt Nam.

-Còn những người làm các nghề khác, khi học ở bậc sơ đẳng thì không nên dạy chữ nho, càng không nên dạy chữ Pháp. Còn ở bậc trung đẳng thì phải giỏi tiếng ta nhưng cũng có học chữ nho và chữ Pháp.

V.Chữ nho nên để hay nên bỏ (ĐDTC số 31)

Chữ Quốc ngữ so với chữ Nho và chữ Nôm thì vô cùng tiện lợi. Điều này là hiển nhiên nên ai cũng dùng, nhưng không phải vì thế mà ta không thấy những chỗ không hoàn hảo cần sửa chữa. Nguyễn Văn Vĩnh tự thấy mình đã lấy việc cổ động cho chữ Quốc Ngữ làm chủ nghĩa, thì càng phải có nhiệm vụ tìm ra những chỗ chữ Quốc ngữ chưa thuận tiện, đưa lên mặt báo để mọi người cùng bàn. Còn việc có nên sửa chữa hay không? sửa như thế nào là tuỳ xã hội. Ngôn ngữ hình thành qua sử dụng thì việc sửa sang, hoàn chỉnh chữ Quốc Ngữ cũng do quá trình sử dụng nó quyết định

V.Chữ Quốc Ngữ (Đ DTC số 32)

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA ÔNG NÔ-V-VIỄNH TRONG RỪNG TRƯỜNG SƠN Ở BÊN LÀO.

CHỦ NGHĨA

Kỳ đầu bổn báo vội vàng mà in ra cho nên chủ nghĩa còn ở điều gì, các chương mục báo này định làm ra thế nào, mới nói đại cương, chưa kể ra minh bạch được.

Nay xin bàn lại rõ để các ngài biết.

Bản báo dụng nên là còn ở việc đem các học thuật Thái-tây, dùng tiếng nôm ta, mà dạy phổ thông cho những người An-nam, không phải đi nhà-trường cũng học được, hoặc đã đi học rồi mà học thêm.

Điều ấy thi-hiện thực khó, vì nhật báo thì làm cho cả bàn dân xem, mà trong bàn dân thì người đã có học rồi thực ít, nên mà nói cao xa quá, hoặc dùng những tiếng riêng về bác-vật hoá-học thì cũng ít người biết, mà dùng cách dạy sơ học quá cũng không được, vì nên nhật báo thành ra sách dạy trẻ, thì người học đã giỏi chẳng ai muốn coi nữa.

Bởi vậy cho nên bổn-quán định dùng một cách dạy, vừa dễ lại vừa hay, người chưa biết thì xem mà học lấy phương-thuật mới, người biết rồi thì coi mà học lấy lối dậy phổ-thông thế nào mà làm cho sự học như một cuộc chơi được, học điều khó mà lại có vui thì ai chẳng muốn học.

Bản báo chuyên nhất việc nông. Nông ta bắt chước của Tàu, mà bắt chước lối thượng cổ. Đất ruộng trong nước lại sau sẻ ra vật vụn quá cho nên mỗi người chỉ có một mẫu đất, ai cũng chỉ cốt làm lấy đủ nuôi miệng thì thôi, chớ không kiếm cách làm cho nghề giàu giột lợi thêm ra. Của riêng mỗi người có ít, dẫu có nghĩ ra chước gì hay thì cái lợi cũng không bõ công thí-nghiệm. Bởi vậy cho nên nghề nông mình kém các nước lắm. Dân không có học cho nên cách lý-tài thực vụng, nhiều khi tưởng là lấy lợi to mà hoá ra hại lắm dài, mà hại chung cả nước; vì như việc trồng ngô, thấy ngoại quốc dùng nhiều thì đem bán hạt non, làm cho những nhà đại-thương mua ngô bị mấy tấn ngô non hóngk,hông dám mua nữa.

Các công nghệ thì làm việc thực dễ làm, chẳng phải cơ khí riêng mà có thể dùng được nhiều người, tranh được việc làm của khách, mà ta chỉ vì không học, khó có chút dính,không mấy người chịu học, thành ra nghề bí hiểm. Như nuôi tằm, làm đường, làm pháo, làm hương, làm giấy, dúc bát, vân vân. Toàn là những nghề đại lợi, mà chỉ hiềm tính người An-nam đã chẳng biết, lại hay gàn guộc, lẽ phải không chịu nghe, dị tin những mưa mãnh thần thánh gì cho nên ít người làm.

May bây giờ Nhà-nước đã mở trường bách-công để thí-nghiệm những các tạp nghệ ấy, đã xét kỹ những cách làm, vì những cớ gì mà được mà hỏng, mà lợi ít lợi nhiều, thì đã có đăng vào các Lý-tài quan-báo, nhưng thí nghiệm để cho An-nam, mà đăng báo thì đăng báo chữ Lang-sa, thành ra người cần đến thì không dùng được, mà các quan tây xem thì chỉ như một việc xét phong tục mình mà thôi, không lợi được việc gì, cho nên bổn-quán định đem hết những bài luận hay về các công nghệ, về việc buôn bán, dịch ra quốc-văn cho người An-nam được tận hưởng những cách thí-nghiệm của Nhà-nước.

Có động cho dân An-nam ai cũng

dùng chữ quốc-ngữ mà thôi vào cái lối chữ khó-khăn, học suốt đời người mà chẳng mấy người biết được lấy cách dùng chữ mà thôi, chớ đừng nói học nữa. Đó lại là một việc tối yếu của bản-báo.

Chữ quốc-ngữ tiện cho người An-nam dường nào, gặp mấy lần chữ nho, thì không phải nói dông dài cho lắm.

Cái quà quí của người Âu-châu đem cho ta ấy, quyết rằng có ngày kia, Tàu với Nhật-bản sẽ phải ghen tị với ta.

Mở ngay tờ nhật-báo này ra, mà ngẫm xem bày nhiêu điều luận trong báo, thử nghĩ : giả thử luôn bằng chữ nho thì có mấy người đọc được, mà trong những người đọc được, thì có mấy người hiểu cho hết nghĩa. Thế mà chữ quốc-ngữ, thì không những là người biết chữ quốc-ngữ đọc được, hiểu được, một người đọc cả nhà nghe cũng hiểu được, từ đàn ông cho đến các bà (không dám nói đàn bà sợ các bà quở), con trẻ cũng nghe được mà dự với chúng ta trong cuộc luận bàn thế sự, thì có phải nó vui việc ra là bao nhiêu.

Chữ quốc-ngữ dễ học thì ai cũng biết, ai có ý chí vài ngày, ngu dân là một tháng cũng phải thông. Vả bổn-quán định nay mai phát không cho những người mua báo, một quyển sách dạy phép rút tiện cho các ông đó, không phải đem sách đi hỏi ai cũng tự học được chữ quốc-ngữ, sách ấy bổn-quán đã thí nghiệm rồi thực diệu.

Vài ba kỳ nữa, chúng tôi sẽ trình để các ngài biết cái phép rút dân dị, rút tiện thông ấy.

Bổn báo lại định làm một cách cho dân an-nam có thể trực tiếp được với Nhà-nước Bảo-hộ. Bổn-quán chủ-nhân đã được thừa tiếp quan Toàn-quyền và quan Thông-sứ thì hai ngài đã tỏ ra lòng rộng rãi, thực có ý thương dân, muốn biết hết dân tình và thực dân tình mà cai trị một cách cho dân an-nam được nhờ hết ân huệ của nước Lang-sa.

Việc ấy bản báo xin nhờ những tay hào kiệt, ông nào để tâm vào những cách lợi chung, có ý kiến gì hay mà thực ích cho quốc-dân, nên đem mà dăng báo, trước nữa để người khác biết mà bàn cho sác ra, sau nữa để bổn quán lựa những lời thực mà hay dịch ra Pháp-văn quan trên xét.

Nhưng mà xin các ngài hiểu rõ cho thế nào là ích chung. Ích chung không phải ở trong mấy việc dinh dáu chanh cạnh nằm trên chiếu dưới, không phải ở việc thù hằn riêng nhau trong dám kỵ-mục, tổng-lý, không phải ở mấy việc chanh ruộng đất. Ai muốn biết việc lợi chung là thế nào, phải biết quên mình đi mà nghĩ đến việc người mà thôi mới được. Mà nghĩ đến dân, nhiều khi lại phải quên cái lý tưởng riêng của mấy người học rộng quá, vụ những đạo mới rất hay mà lại quên tình-tình riêng, nhân-chất riêng của người An-nam mình, cho nên lắm khi lắm, những sự ao-ước cao-xa riêng của mình, tưởng là ước-ao của dân.

Bổn báo tưởng phải nói rõ điều ấy, vì một sự lầm mới trông ra nhỏ mọn như thế, mà hoá ra lầm sự chẳng hay.

Những kẻ muốn gây nên loạn, thường nói rằng Nhà-nước Lang-sa từ khi bảo-hộ, chẳng làm cho dân nhờ được việc gì. Muốn tỏ cho biết rằng lọn nó nói không biết nghĩ, thì chỉ bằng đem những công việc hay của Nhà-nước mà kể ra cho dân nghe. Các việc ấy tuy còn sờ sờ trước mắt, nhưng kể ra nó lại càng rõ cái công cô gắng của Nhà-nước.

Kỳ này bản-quán hãy kể một việc khai đường thông-thủy cho lợi ruộng đất của dân an-nam. Ai này cũng đã đủ biết bụng vì dân của nước Lang-sa.

Nay bổn quán đã nói rõ chủ nghĩa như vậy, thì lại là một cách thi-hiệu một cái mục đích rất cao, để mà theo một cái phương-châm chắc nhất, mà đưa cái thuyền Nam-Việt cho đến bến văn-minh, có lẽ tránh được phong-ba, khỏi phải vập vập những nơi núi ngầm bãi cạn, san sát trong Tiến-hoá đại-dương.

Chớ có thấy mấy nước liệt-cường, có hồi đại loạn mà tưởng rằng sự tiến-hoá phải có cách-mệnh mới được. Cách-mệnh là sự bất đắc dĩ chớ có cho là một việc nên. Phàm cách-mệnh chỉ làm cho bĩ hãm sự khai hoá lại, chớ không có làm cho tiến bộ bao giờ.

Sách tây có nói rằng Tạo-hoá không nhảy bao giờ, cứ tuần tự mà đi, hễ nhảy thì ngã lúc nào, thiệt mất quãng đường mà thôi, chớ không có nhanh thêm được chút nào.

Trong báo-trường này ở mục *« Pháp-văn tạp thái »* có dịch một bài của một ông danh-văn nước Pháp, bài đó nên đem mà ngẫm, cực là phải lý.

Bổn-quán.

TẠP LUẬN

Học hành

Khoa thi mới rồi đây bài văn sách có ra một câu hỏi rằng : ta không khéo nghề làm ruộng và giống dâu là tại thánh-hiền dạy không phải, hay là tại không biết học, và hỏi có nên vừa học sách vừa học làm ruộng, giống dâu hay không ?

Trong Kinh Thi, về mục «Mân phong» có bàn đến hai nghề ấy. Ở đâu Đại-học cũng dạy người ta phải học cách vật.

Cứ theo như ý thánh-hiền thì những điều ấy phải có thực dụng, nhưng mà giống dâu làm sao, làm ruộng thế nào không dạy, mà Đại-học thì dạy người ta cách vật, nhưng thế nào là cách vật chẳng biết. Cho nên mấy nghìn năm nay ta học sách thánh-hiền mà nghề nông tang vẫn không thấy ai giỏi.

Xét ra là tại người đi học không hiểu sách, chớ không phải thánh-hiền dạy có hợp gì.

Nhà nho ta đi học thường cứ cho những kinh sử thánh-hiền để lại, là tóm cả bao nhiêu những điều phải biết ở cả đó rồi, lại không biết cho rằng nước nào cũng vậy, thánh-hiền kế thứ nhau, ông đời trước dạy điều biết trước, ông đời sau lại nhân điều dạy trước mà học thêm ra và dạy thêm ra, mỗi ngày một rộng.

Thánh-hiền trước dạy nghề làm ruộng giống dân là nghề hay, thì đáng nhẽ thánh-hiền đời sau cứ ông phải nhân đấy mà chuyên nghề làm ruộng, giống dân làm ra sách riêng mà dạy mới phải. Sách Đại-học dạy phải học cách-vật, thì các hậu-nho phải nhân đó mà chuyên-môn cách-vật, xét nghiệm các hiện-tượng thế-giới, từ việc nhỏ đến việc to, mà học dần cho thành một khoa riêng, mới phải. Giả thử bên nước Tàu và nước Nam học chăm [illegible], thì mỗi chữ trong sách Đại học [illegible] bàn Tề-gia, Trị-quốc, Bình-thiên-hạ, Trí-tri, Cách-vật, văn vân, đến đời nay đã thành ra một khoa học riêng rồi.

Nhưng chỉ chết về một điều hễ học sách mà chẳng học đúng sách. Không biết rằng đời trước phác họa ra một cái chương-trình, nói tóm cả các lối nên học, đến đời sau phải dần dần giải rộng cho thành mỗi lối một khoa chuyên-môn.

Nhà Nho mình lại không thế. Học sách thánh thì muốn học hết cả, mà chỉ học chữ thánh mà thôi, chứ ngoài kinh-truyện không còn gì nữa.

Đến bây giờ ai có đem tứ-thư ngũ-kinh ra bàn khác cách thầy Chu-tử ít nào, thì coi như một điều ngạo-lình, có bàn phải cũng không mấy kẻ nghe. Có biết đâu rằng bàn nhời thánh, dù có bài được nhời thánh điều gì nữa, cũng là thờ phục, cũng là nhân cái nhời thánh dạy trước làm bậc thang, mới trèo được lên nơi hay hơn. Mà nếu từ 2.500 năm nay, thiên-hạ học chữ thánh mà chưa có gì hơn được thánh, thì phải biết rằng đạo Nho hỏng ở nơi đó.

Mấy thay-đổi đem sách ra mà dò người học mới bài bác, thấy không ai bài được điều gì có lý, thì lại càng chịu là sách có hay, chẳng nên học gì nữa.

Tôi thiết nghĩ rằng đạo Khổng Mạnh đến tận ngày nay cũng không ai bài bác được, là vì chỉ dạy những lý tất-nhiên trong xã-hội, chứ không dạy ra ngoài. Mà những lý tất-nhiên thì người ta dù không học tất cũng phải biết đại khái, mà biết lắm cũng chẳng được việc gì.

Nhân, nghĩa, lễ, chí, tín, năm điều ấy thì dù không dạy, hỏi đứa trẻ cũng biết thế nào là phải, thế nào là chái. Còn đạo Quân-thần, Phụ-tử, Phu-phụ thì vốn là một cái thành-quách của vương-chính, mà Tàu với Ta từ xưa đến giờ là nước Quân-chủ, thì sao có suy chuyển được.

. . . .

Nói tóm lại thì đạo Khổng Mạnh là một đạo nên học để mà biết lý tưởng đời trước, nhưng mà ai nấy học sách thánh phải muốn biết được hơn thánh, vì [illegible] bây giờ ta học không bằng người [illegible] nhà Châu thì [illegible] hóa ra sự tiến [illegible] của giống ta [illegible] lùi dư.

Phải biết rằng các ông già đời thượng-cổ là những trẻ-con nhân-loại, mà thiếu-niên đời nay phải là người nhớn nhân-loại. Tính tuổi cả loài, chứ tính tuổi một người. Loài còn non biết ít, loài lớn lên phải biết nhiều.

T. N. T

Học cũ học mới

Sự học-hành nước Nam ta đương gặp buổi giao-thời, học cũ đã mất, học mới chưa thành. Buổi giao-thời là buổi khó, một bước nhầm đi hoa trăm năm. Vậy nên phải có phương-trâm nhất định, để đưa đường chỉ lối cho mai sau. Mai sau hay cũng bởi lúc này, mai sau dở cũng bởi lúc này. Đến khi đường lối đã thành rồi, có điều gì chếch-lệch muốn đổi cũng khó. Chi bằng liệu liệu từ bây giờ để khỏi ân-hận về sau.

Tôi không dám quyết đã tìm thấy đường học mới mai sau. Nhưng tôi thiết tưởng cũng nên xét bởi duyên cớ gì mà học cũ ta không giữ được nữa, để làm răn cho sự học-hành về sau. Sự đời không có việc gì thình-nhiên mà sinh ra, việc gì cũng có căn-nguyên, căn-nguyên gần lại có căn-nguyên xa, căn-nguyên xa lại có căn-nguyên xa nữa, mãi cho đến kỳ cùng. Biết rõ căn-nguyên một việc, dẫu có muốn dự đoán kết-quả việc ấy cũng không đến nỗi sai nhầm lắm.

Cái căn-nguyên thứ nhất sự học-hành nước Tàu nước ta là cái hiếu hư-văn. Các sự tệ-hại về sau cũng do một cái căn-nguyên ấy mà ra cả.

Phàm học-vấn có thể chia ra làm ba bực (1):

Ba bực học ấy bên Âu-châu đều phát-đạt ngang nhau. Có lý-học, có thực-học, có văn-tự học. Người nào chuyên học văn-tự cũng không cho văn-tự là gồm hết tri-thức người ta, và cũng biết rằng một câu văn hay không thôi, thì chỉ đủ vui thú cho một người ngâm-nga xướng-vịnh, nhưng không được thực ích gì cho sự học-hành trong xã-hội. Bởi thế bên Âu-châu học-thuật mỗi ngày một phát-đạt, văn-minh mỗi ngày một tiến-hóa, vì người học hiểu tư-tưởng không hiếu hư-văn; và muôn sự tiến-hóa là do tư tưởng cả.

Các nước phương đông ta thì thực khác. Trong ba bực học chỉ chuyên học bực thứ ba là học văn-tự. Thời-hồ cũng có người chuyên lý-học, thực-học, nhưng không những tư-tưởng không phát được điều gì sáng-ý sâu sắc, thường chuộng uẩn áo huyền-diệu hơn là rõ ràng thực-nghiệm; quan-sát sự-vật cũng không có phép-tắc nhất định, mỗi người xét một cách, người nào cũng lấy ý-kiến riêng làm nhẽ-thực chính-sác. Thuần-lý học như ông Lão ông Trang, thì mập-mờ quá thành ra viển-vông vô-nghĩa, triết-lý học, luân-lý học như các môn-đồ ông Khổng, thì tỉ-mỉ quá không khỏi vòng tam-cương ngũ-thường. — Thành ra rút lại thì chỉ có văn-tự là học kỹ. Bao nhiêu tinh-lực cũng chú vào một việc ấy. Người đi học lấy cái sắp-đặt câu cho song-đôi, tìm những tiếng thực khó, chữ thực lạ, điển-cố thực xa-xôi, làm cái thú tuyệt phẩm ở đời này. Cái tệ-tập ấy nhân-tuần mãi thành ra tính-chất tự-nhiên. Lấy chín quyển sách tứ-thư ngũ-kinh làm thánh-thư, cho là tổng-hợp cả các sự-vật trong giời đất, trong loài người. Tiền nho bàn đi, hậu nho bàn lại, hậu nho nữa lại bàn lại tiền nho, biện-nan cho đến vụn nát ra không còn nghĩa lý gì nữa. Trong ba nghìn năm nước Tàu chỉ học « huấn-

(1) [illegible] chia phân ra để rõ cái địa vị văn-tự trong sự học-hành, chứ không phải muốn phân loại các môn học.

có », nghĩa là bàn sách cũ, mà sách cũ là tứ-thư ngũ-kinh mà thôi. Tinh-thần dụng mãi về một việc ấy cũng phải vụn-vặt tỉ-mỉ ra, không sáng nghĩ được cái tư-tưởng gì lạ, không sáng lập được cái học-thuyết gì mới. Từ đời nhà Hán đến giờ, trong hai nghìn năm nay, nước Tàu không được một người nào gọi được là đại tư-tưởng, sánh được với các tây nho như *Bacon, Spinoza, Kant, Comte*, nghĩa là đem cái tư-tưởng mới của mình mà thay đổi lại sự học-hành trong nước. Văn-tự chuyên học mãi, chữ mỗi ngày một nhiều, suốt một đời người học cũng không hết được. Học chữ còn chưa đủ, lúc nào học được tư-tưởng ? Bởi vậy suốt đời chỉ chuyên tập hư-văn, mà hư-văn sinh ra hư-tưởng, tinh-thần thường theo dịp cầu văn mộng-du những cảnh bồng-lai không thực.

Một là : học các sự-vật ở ngoài hình-tích, nghĩa là những sự-vật mắt không trông thấy, tai không nghe thấy, chỉ ức-lượng được bằng tư-tưởng suy-lý mà thôi, — như các môn triết-học (thuần-lý học, tâm-lý học, luân-lý học, vân vân...) ;

Hai là : học các sự-vật ở trong hình-tích, nghĩa là những sự-vật mắt trông thấy được, tai nghe thấy được, có phương pháp thí nghiệm được, — như các môn bác-vật (vật-lý học, hóa-học, vân vân...) ;

Ba là : học văn-tự. Văn-tự bất quá là cái hiệu người ta đặt ra để thông-đạt ý-tứ tư-tưởng. Các môn học kia có sáng hoạch được điều gì cũng nhờ văn-tự mới thông truyền đi được, không những trong một đời, nhưng mãi-mãi đến muôn đời về sau. Nhưng ngoài cái việc ấy, văn-tự không còn việc gì nữa. Những môn học kia chú-ý là để thêm hay thêm biết cho tri-thức người ta. Văn tự chỉ là cái đó dùng để lưu truyền cái ý hay ý tốt ấy thôi.

Chính bởi cái hiệu hư-văn ấy cho nên sự học-hành không tiến-hóa được.

Nước ta còn học lại nước Tàu, thì cái tệ hư-văn lại còn lại hơn nữa. Điều đó không phải bàn ai cũng rõ.

Vậy bây giờ muốn cho học mới khỏi nhàm như học cũ, thì phải tiệt cái tinh-chất hư-văn ấy đi. Tôi thiết tưởng chỉ có một cách, là đem các lý-tưởng làm gốc cho sự học cũ đời xưa cùng sự học mới thời này mà thích-giải cho thực rõ-ràng, để mọi người biết cái chỉ-thú hai sự học ấy, cùng điều gì giống nhau, điều gì khác nhau, điều gì phản đối nhau, điều gì dung-hòa được ; vì tôi tin rằng sự học mới ta mai sau này là ở cách dung-hòa cái cổ học nước ta với cái tân-học thời nay. Dung-hòa khéo ra thì sự học-hành ta không đến nỗi thất-bản mà cũng không đến nỗi trệch thời.

Vậy tôi định mở ra trong bản báo hai mục mới, đề là « *Tân học bình luận* » và « *Cổ học bình luận* ». Trong mục « Tân học bình luận », tôi định xét các lý-tưởng làm gốc cho sự học bên Âu-châu thời nay (như văn-minh, tiến-hóa, xã-hội, khoa-học, mĩ-thuật, tôn-giáo, v. v). — Trong mục « Cổ học bình luận », tôi định xét các lý-tưởng làm gốc cho sự học bên Á-châu đời xưa (như tam-cương, ngũ-thường, lục-nghệ, v. v).

Muốn khỏi cái lệ hư-văn thì tiếng gì chữ gì cũng phải phá cái vỏ hư-văn ra để lấy ý-tưởng chính sác. Học-thức chỉ khác thường-thức có một điều ấy thôi. Thường-thức là biết bằng truyền khẩu ; Học-thức là biết bằng suy-lý. Truyền khẩu có khi quện khi nhầm. Suy-lý lúc nào suy cũng được, mà có nhầm thì nó rõ ngay ra. Trình-độ văn-minh cách nhau cũng là ở cái học-thức nhiều hay là cái thường-thức nhiều. Nước Nam ta bây giờ đương cần phải nhiều học-thức, và bớt thường-thức đi.

PHAN-KHÔI.

Quốc-ngữ nguyên huân

(Le Triomphe du Quốc-ngữ)

Phát phần thưởng tại trường Quốc-tử-giám ở Huế

Quan Hiệp-Cao diễn thuyết quốc-ngữ

(Học Bộ Thượng thư Cao Xuân Dục)

Hôm 22 juin mới rồi ở Huế có lễ phát phần-thưởng cho học trò trường Quốc-tử-giám. Quan Khâm-sứ Charles đến chủ-tọa. Quan Học-bộ Cao tướng-công có đọc một bài diễn bằng chữ quốc-ngữ.

Bản-quán đã đánh giây-thép về kinh để xin quan Học-bộ cái bài nguyên-văn hay sẽ làm một tích kỷ-niệm cho lịch-sử văn-chương quốc-ngữ ấy. Nay hãy tạm dịch lại ở Pháp-văn ra, vì mới có bản dịch Pháp-văn gửi ra cho các báo-quán mà thôi.

Bản-quán muốn ghi việc ấy, vì quan Hiệp Cao nguyên khi xưa ở Hội-đồng cải-lương học-vụ đã tỏ ra rằng ngài muốn giữ nho-học, không nên dùng chữ quốc-ngữ. Tháng-chín năm-ngoái chủ-nhân bản-báo có vào Kinh đưa trình Cao tướng-công một quyển sách mới của chủ-nhân nghĩ ra, để dạy chữ quốc-ngữ. Cao tướng-công xem xong sách ấy, thì chịu ngay cái thuật dạy là tài, mà chữ quốc-ngữ thực là tiện diệu.

Ngày nay quan Học-bộ thượng-thư ngài lại dùng ngay chữ quốc-ngữ mà diễn-tại một tràng-học to nhất trong nước, thực chủ-nhân lấy làm hân-hạnh, khác nào như người đi giảng đạo mà đã mộ cho Chúa được một người sùng mới, cao sang quyền thế trong nước.

Nhà-thờ mới *Quốc-ngữ* ta, quyết bền nay mai nhờ đó mà nên to nhớn, muôn vàn ức triệu đệ-tử sẽ noi gương nhớn của Cao tướng-công mà trọng dụng cái tiếng nói nước nhà.

Bài diễn của quan Học-bộ Cao

Khoa thi mới rồi, đầu bài văn-sách thứ nhất ra rằng : « *Lời chữ bây giờ khác lời chữ ngày xưa, nhưng mà chữ nào cũng có một đạo* ». Đầu bài văn-sách cuối thì ra rằng : « *Học chữ Lang-sa với học chữ Hán, trong sách mới cũng là sách cũ, mỗi bức đàng những điều khác, làm thế nào cho đi-học, nhu-học hợp với nhau được?*

Xem hai đầu bài đó cùng có một ý chung, là học-trò thời nay vừa phải học sách đời xưa, vừa phải học sách mới bây giờ.

Và các quan ai là người đã bàn đến việc cải-lương học-vụ, cũng nghĩ như thế cả, học cũ học mới chẳng nên chuyên một bên nào mà bỏ một bên kia. Phải học cả hai thứ song song nhau.

Các bậc thánh-hiền làm ra sách nào cũng vậy, làm ra sách Lang-sa cũng vậy, chỉ dạy những điều phải mà thôi. Có học những sách cũ thì mới hiểu được sách mới, mà có học sách mới thì mới biết yêu, biết học sách cũ. Và sách cũ, sách mới cùng làm cho kiến-thức người ta mỗi ngày một rộng ra.

Tỏ thêm chúng ta ngày xưa cùng như chúng ta bây giờ, bất quá cũng chỉ học lấy đức-hạnh, lấy công-lý, lấy văn-minh, trong điều lợi riêng cũng như trong điều ích-chung, cốt cho xã-hội một ngày một hay ra.

Việc học bây giờ thì cũng cốt ở các lý ấy. Các bậc hay-chữ đời nay làm ra sách Luân-lý, chẳng qua cũng theo những nhẽ công-minh, đức hạnh ở trong các sách đời xưa. Những sách Cách-trí mới, thì có khác gì những sách ngày xưa luận về các vật trong giới đất, mục-đích chẳng qua cũng vậy. Sách dạy Tài-chính, Kinh-tế thời nay thì cũng chỉ dạy cách thêm của chung trong nước, như là các sách Nông-chính ngày xưa.

Vậy thời các bậc làm sách đời xưa với đời

nay cũng chỉ có một mục-đích mà thôi. Các nghĩa-lý, các điều cốt-tử trong hai cách học bao giờ cũng vẫn thế.

Các nguyên-lý cương-thường của các Tiên-nho thì nay cũng lại thấy ở trong các sách Luân-lý chiết-học Lang-sa. Vậy thì người đi học không cần phải tìm những điều phản-đối khác-biệt của hai lối học, vì thực thì không khác điều gì cả.

Bởi vậy Nhà-nước ngày nay tìm cách hợp hai lối học cũ học mới làm một. Học-quí trường Quốc-tử-giám đã định rằng buổi sớm học chữ-nho, buổi hôm học chữ Lang-sa là cũng theo nhẽ ấy.

Tôi chắc rằng cái học-quí ấy rồi sẽ công hiệu. Mới đây tôi xét các bài-thi tốt-nghiệp của học-trò, thì tôi mừng vì tôi thấy về phần chữ-nho thì tàn-tới lắm. Còn về phần chữ Lang-sa thì tôi không xét được. Tôi ước ao rằng các quan chấm bài-thi chữ Lang-sa của học-trò cũng thấy tàn-tới như chữ nho.

Thi hội năm nay trong mười người trúng, có một người được cả Pháp-văn. Tôi tiếc rằng người ấy lại không phải học-trò Quốc-tử-giám. Tôi ước gì từ nay học-trò Quốc-khoa tử-giám chăm học chữ Lang-sa để đến sau nhiều người trúng ra.

Và cách thức thi cử mỗi năm cũng dần dần sửa đổi đi. Hội-đồng cải-lương học-vụ, kỳ mới rồi có bàn rằng hạn tuổi cho các thí-sinh khoa hương 1915, khoa-hội năm 1916, đến 40 tuổi.

Điều bàn ấy thực là các quan có lượng với các học-trò, thì dã tỏ bụng Nhà-nước ân cần đến việc học. Nếu quan trên y nhời ấy, thì Nhà-Vua sẽ phát lệ mới chuẩn ngay, và sẽ yết ra ngay cho cần nhà đi học biết.

Lại còn một việc nữa rất hay cho học-trò là việc làm sách mới để dạy trong các trường.

Quan Khâm-sứ mới, ngài vừa đến trọng-nhậm, đã bận ngay đến việc ấy. Ngài đã xét ra thì ngày nay học-trò thực hiếm sách học, và ngài có cấp ngay tiền cho mà mua sách. Đó là một việc đã tỏ ra rằng Nhà-nước Bảo-hộ trù nghĩ đến việc khai hóa cho người đi học nước Nam mỗi ngày được thêm kiến thức.

Vậy tôi ước rằng từ nay học-trò lại thêm cần mẫn để cho xứng đáng cái ơn Nhà-nước. Các anh nên cố đi, để lên khoa thi sau mà đỗ rồi một mai nên tôi ngay thảo của nước. Như thế thì mới bõ công đèn sách, mới giả nợ được Quốc-gia.

Các nhời khuyên-bảo, tôi cũng đã hằng nói, mà học-trò chắc cũng không quên, thì chẳng lọ phải nói lại ở đây nữa, nhưng sau hết tôi muốn dặn học-trò một lời :

Thánh-nhân có dạy rằng : Làm người ta phải biết *thích ư thời dụng*. Mà mới đây các anh lại có nghe thấy những tin ở Nam-kỳ và ở Bắc-kỳ, có những đứa không bằng-lòng làm ra những tội ác tệ, không tên nào gọi được. Những đứa ấy đã làm chái phép nước, thì là những đứa ác-phạm không dong thứ được, thì dù chúng nó có hỏi bận chậm chạp, cũng sẽ hành hình một cách đáng tội.

Các anh nên lấy gương đó mà giữ mình chớ nghe những quân ấy sui siểm cản-dỡ, chớ thấy chúng ước hẹn những điều vô-lý để lường gạt mà mèch lòng.

Điều phải, gương hay, dã có thầy dạy học, các anh nên nghe đó mà theo. »

Quan Hiệp-Cao diễn xong, thì quan Khâm-sứ đọc bài sau này :

Kính trình liệt-quí đại-thần,
Thưa các ngài,
Các anh em học-trò,

Tôi tiếc rằng Hoàng-thượng năm nay không đến ngự được lễ ban-thưởng cho học trò Quốc-tử-giám. Chốn Kinh-thành mấy bữa nay nóng nực, cho nên Bệ-hạ ngài ra ngự mát ở bờ biển. Vậy tôi kính dâng mấy nhời vàn-an, xin các quan chuyển tâu hộ cho.

Ngày nay Nhà-nước mới trọng-dụng cử tôi vào nhậm chức to nhớn này, mà lại được dịp đến chủ tọa lễ này, thực lấy làm hân hạnh. Nhân có dịp ấy, thì tôi mới tỏ được để các quan biết rằng bụng tôi ân cần về việc học, từ sơ-đẳng đến cao-đẳng, bậc nào tôi cũng lo nghĩ mà học lối nào cũng chăm nom, muốn làm sao cho sự-học lan đi khắp bản-dân An-nam.

Này các anh học trò, nước Lang-sa đã hẹn trước mặt-giời rằng : sẽ hết lòng khai-hóa để nâng nước này lên cõi hay hơn. Nước Lang-sa sẽ theo ý cực-tiểm văn-minh, sẽ theo nền sử-ký còn truyền lại, nhất-quyết đưa nước An-nam cho tuần-tự tiến hóa, để một ngày kia cũng dự được vào tiến-bộ chung của nhân-loại và của xã-hội ở trên thế-giới. Cái mục-đích cao xa của việc cố gắng chúng tôi ấy, thì chỉ lấy việc dạy học lan khắp đi, làm chính-trâm, vì việc học gây nên và tô nhân-phẩm, hoán tân các nước các dân. Việc ấy cốt ở sự học, chỉ cốt ở sự học mà thôi. Bởi vậy, từ nay trở đi, tôi xin ước rằng hết lòng trù liệu các việc học, xin sẽ hết sức nhiệt-thành mà bận đến chẳng hề chán mỏi.

Mấy năm nay, nhân có Hội-đồng cải-lương Học-vụ bàn, thì trong học-qui và trong lệ thi cử Nhà-nước đã đổi đi nhiều.

Nhà-nước Bảo-hộ đã khéo gỡ cái lệ thi cho nó nhẹ bớt những lối phú thơ tinh-nghĩa, đã đem thực-học mà tô điểm vào, nhưng mà Nhà-nước vẫn khéo giữ cho khỏi phạm đến những nghĩa nên kính ở trong luân-lý các tiên-thánh tiên-nho và tổ tôn di lại cho. Văn-chương thì Nhà-nước cũng đã dần dần giữ lại vừa đủ cho óc người có ít văn nó dễ hội những tư-tưởng quảng đại.

Như thế thì từ nay các anh có thể học được mấy khoa mới, xưa nay chưa từng được học, những kiến-thức mới ấy tất là khí-giới mạnh để mà quyết thắng trong cái trường cạnh-chanh sinh-lý. Có học thì dời người cũng thành hay ra, êm ái hơn, mà các anh có học thì mới hưởng được mọi cách hay của văn-minh buổi mới này.

Mới được mấy tháng nay tôi có được chịu ân to Nhà-nước cử ra thay mặt quan Toàn-quyền làm chủ-tọa lễ tiên-trường khoa thi Nam-định năm ngoái. tôi có kể cho mấy người thiếu-niên có học-thức nước Nam rằng việc cải lương học-vụ ở bên Tàu mấy năm nay chóng là bao nhiêu, mà việc làm cho sự học được thực-dụng, được dân tiện của tàu làm vội vàng ấy, Nhà-nước cũng tuần tự cho chắc từng bước mà đem vào nước Nam.

Nguyên từ năm 1901, Chính-phủ Tàu đã ra chỉ-dụ, rồi sau lại có lệ mới các học-đường, cải lương việc học, nhưng các chỉ-dụ ấy có định rằng : tuy khoa-cử theo kiểu mới, song những khoa-thi lối cũ cứ đỗ vậy trong ít lâu, làm cách tuần tự. Học trò ai này nhiệt-thành mà theo lối học mới cả. Thành ra chưa hết hạn bãi khoa-cử, mới được hai năm, đến năm 1906, thì cử cũ chẳng có ai ứng nữa, đã phải bỏ đi rồi.

Xem như thế thì biết rằng sự học một nước cần phải theo thời thế mà đổi đi, phải cho kịp cái trình-độ của tư-tưởng và của học-thức người ta nó đã chỉ ra đấy.

Có một điều khi ấy tôi ân cần đó dặn các thí-sinh trường Nam, nay tôi cũng lại dặn các anh học-trò đấy. Là các anh càng ngày càng nên tập lấy lối văn quốc-ngữ. Cái lối chữ dán tiện lợi ấy, chính là cái máy qui-hóa để mà buông thả cho trí-khôn người An-nam được bay bổng đó. Người An-nam mà dùng chữ quốc-ngữ thì có thể lấu-la học được đủ mọi khoa, dễ hơn gấp mấy lần chữ-nho là một lối tốn công-phu năm-tháng mới học được đủ chữ mà dùng. Dùng chữ quốc-ngữ thì người An-nam mới thu được cái vốn sẵn của nhà, là cái tiếng nói của mình, có từng tiếng thì lấy ngay tiếng Lang-sa mà bỏ thêm vào, học lấy Âu-thuật ở tại chính-nguồn, ở ngay sách các bậc danh-bút, các bậc chiết-học, các nhà bác-vật Âu-châu.

Như thế thì người An-nam mới gỡ ra được khỏi cái lao-lung văn-chương của nước Tàu nó đè nén nước Nam đã mấy mươi đời.

Thế thì họa-chăng người An-nam mới gây được thành một cái thể diện riêng cho nước mình.

Sau hết tôi muốn nói lệ-thường và lại muốn chiếu cái tinh-thần đức Khổng-tử ở nơi này là nơi từ xưa nay vẫn chỉ đặc dạo ngài. Vậy tôi xin đem mấy nhời của ngài ở sách Luận-ngữ, thiên thứ chín, để khuyên các anh cần học :

« Cũng có cây lúa nó kì-công ra bông, cũng có cây ra bông mà hột lại lép. Người đi học mà chẳng nên, thì cũng như cây lúa ấy vậy. *(Miêu nhi bất tú, tá nhi bất thực. Học nhi bất thành, hữu như thử dã.*

Văn-chương An-nam

(Etude sur la langue et la littérature annamites)

Thực là một vấn-đề gấp, mà quan-hệ mà không mấy người lo đến.

Các nho-gia nước Nam, tuy phần nhiều cũng đã chịu rằng từ nay học phải lấy quốc-văn làm gốc, nhưng mà coi ý thì nhiều người chịu bỏ ngoài, vì cái lý nhiên-hậu nó bắt phải chịu, mà trong lòng còn tiếc cái cao-thi ngâm-ngợi.

vì phải bỏ đi thì thực đau lòng sót ruột

Ấy cũng là vì xưa nay, ở nước Nam mình, các bậc thượng-lưu, chỉ nhờ cái cách học riêng khó khăn ấy mà được ở trên nhân-chúng. Giùi mài biết mấy mươi năm, mới được làm đầu bốn dân, mà nay một chốc từ chối hẳn cái tài ấy đi, nói rằng từ rầy học-vấn mọi người không ở như chữ nôm xe nữa, chỉ do ở tiếng nôm mình là một tiếng ai cũng nói, ai cũng biết, ai cũng có thể rèn tập lấy hay, mà cái hay ấy chúng để phân xử, thì họ để đã mấy kẻ có lượng nhớn mà bỏ được cái quyền lợi riêng, khôn khó mới chiếm được ấy.

Bởi vậy thực nhiều người, bề ngoài nói rằng vụ quốc-văn mà trong lòng không muốn cho quốc-văn được nên gọi nghề học, có khi việc vụ quốc-văn lại thành ra một dịp để khoe cái tài *chi hồ dã giả*. Lấy văn nho mà khen văn nôm : dùng Hán-tự mà phú-dụ người ta nên học quốc-ngữ : đó là mấy kẻ phản-gián rất thiểm.

Trong các quan An-nam kẻ hay chữ nho mà hay cả nôm cũng nhiều chớ có ít đâu, nhưng mà ông nào kiêm được cả hai tài ấy, đến lúc này cũng có ý dập cái tài nôm là tài dễ đi, mà chỉ cho cái tài khó này ra mà thôi.

Thành ra thực vụ quốc-văn, đăng vào phe quốc-ngữ, chỉ có bọn Tây-học.

Trong đám Tây-học thì không mấy người biết chữ-nho, mà nguyên-âm mình thì nghèo, phàm văn-chương

người làm văn hay câu lấy tuyệt, phát ra cho thiên-hạ coi rồi về sau lại sửa đi sửa lại, hoặc lại để cho người hay hơn sửa, cho nên những văn nhất-bút không có, mà người coi sách cũng không nệ, tìm lấy nguyên-thảo, thành ra bây giờ ai muốn khảo cứu những danh-văn, không biết bằng cứ vào đâu.

Nhưng mà xét trong một vài tập văn nôm còn di lại, tuy đã tam sao thất bản, nhưng cũng còn có vết tích, chứng lại cái thần-tình quốc-văn ngày xưa. Xem ra ngày nay có thể gây lại cho chấn-hưng lên được.

Tuy rằng trong những sách vở còn lại, chỉ có những lời thơ phú, lời lục bát, và các lời có lệ có vần, không có văn suôi, văn luận, nhưng mà lời văn luận cũng có thể mượn cái cốt văn-chương cũ ấy mà mỗi ngày một rộng ra được.

Tiếng An-nam mình chỉ lạ một điều, thực tỏ ra rằng giòng ta từ có đến giờ cũng đã trải nhiều lời văn-minh, cũng đã có nhiều tư-tưởng, là tiếng An-nam tuy nguyên-âm có ít, phải mượn của Tầu, nhưng mà dùng văn mà diễn tư-tưởng kể cũng không hiếm cho lắm. Chỉ hiếm người tài thời nay mà thôi, chớ cứ một văn-chương An-nam, diễn dịch điều gì, về khoa nào, cũng có thể diễn được dịch được.

Được như thế, là nhờ tiếng An-nam mình vẫn có hai thứ tiếng, một thứ tiếng thường dùng, nhời nhẽ tùy thời mà đổi đi, một thứ tiếng nghĩa-sách là một lối tiếng-ước, để mà giảng các sách nho. Ta nhờ có thứ tiếng ước ấy, cho nên ý hỏi điều gì, khá lấy nhời mà truyền được.

Hiện những tiếng dùng trong văn chương ta có ba thứ hợp với nhau mà thành ra quốc-âm của ta thời nay :

Một là những tiếng nguyên-âm của nước Nam, vốn từ khi chưa học chữ Tầu cũng đã có, như những tiếng : *Người, một, hai, ba, bốn, giời, đất, ăn, uống*, vân vân.

Hai là những tiếng do chữ nho mà nôm muốn đàm luận đến những việc hơi cao một chút, phải có pha chữ Hán mới xong, vì chữ Hán đã thấm nhiễm vào tiếng An-nam mình. Thành ra đằng quốc-ngữ ta vẫn kém lực.

Kém nhưng chắc không đến nỗi phải đánh thoái, vì sự học quốc-ngữ là một sự bất-đắc-bất-nhiên, là một việc sống chết của nước Nam ta, và Nhà-nước Bảo-hộ lại hết lòng giúp cho dân ta thoát khỏi được cái lao-lung chữ Tầu.

Nhưng mà Nhà-nước hết lòng thử, ta cũng phải hết lòng làm cho thử được nghiệm, chớ có để cho nho-gia chê rằng việc cải-lương của Nhà-nước bỏ mất người tài, mà tác danh-mệnh cho mấy người học kém, văn-chương còn non nớt.

Khoa thi Hà-Nam năm nay thì kể văn quốc-ngữ khí non thực, nhưng mà ta phải biết đó là bước trước.

Xưa nay có ai dạy làm văn nôm đâu, mà có được người hay nôm ?

Từ bây giờ, nhà học-trò biết rằng phải thi quốc-văn, thì mới có người rèn tập. Họa chăng mất vài ba khoa nữa thì mới thấy được tài.

Văn-nôm bây giờ mới bắt đầu làm, cho nên ai cũng chỉ cốt nói lấy đủ ý, chưa có lối điệu nào.

Nhưng mới đầu mà nói được đủ ý, còn cái hay nữa, tất có ngày phải nên, mà cái hay này mới thực là cái hay nẩy nở, chớ không có hay vô-lường như hay chữ nho, bất quá câu văn thú, chỉ đến rung đùi là cùng, chớ chẳng động được lòng ai, vì người đọc biết hay, mà người nghe như vịt nghe sấm vậy.

Kể những sách của các bậc tài-nôm nước Nam để lại, mà làm nên được cho quốc-văn thì thực hiếm, nhưng tuy hiếm mà thực là quí, thực là hay. Như văn Kim-vân-kiều mà đem vào kho-tàng văn-chương thế-giới kể cũng sừng, chớ không đến nỗi để người An-nam mình phải hổ thẹn rằng nước không có văn.

Chỉ tiếc rằng các nhà-học nước Nam không hay trọng các bản-thảo, vì

thành ra, như những tiếng : *Năm (niên) ; trong (trung) ; chữ (tự) ; cuộc (cục) ; xanh (thanh)*, vân vân.

Ba là những chữ nho mượn mà dùng lẫn vào tiếng An-nam như là : *Tài, mệnh, phong, tình, vương, quan, gia, tinh, thần*, vân vân.

Lấy một trang truyện Kiều ra mà đếm từng tiếng thì trong 143 tiếng, có 80 tiếng nguyên-âm, 10 tiếng lờ chữ tầu; và 53 chữ nho. Mà xem trong 53 chữ nho mượn làm văn nôm, thì chỉ có 8 chữ, như *bi, sắc, tư, phong*, là những chữ người thường không hiểu được, còn 45 chữ kia như *tài, sắc, phong, tình*, thì tuy là chữ tầu nhưng mà đã vào làng An-nam rồi, đàn-bà con-trẻ nghe cũng hiểu, bây giờ cho làm tiếng ta cũng được.

Ấy là kể những văn cũ để lại. Trong tiếng nói bây giờ thì lại giầu thêm ra được mấy tiếng Lang-sa như : canh *gác*, nhà *ga*, và những tiếng riêng về các công-nghệ mới, và các học-thuật Thái-tây mới đem sang.

Xem như vậy thì tiếng An-nam mình hiện bây giờ cũng đã đủ tiếng mà lập nên được một văn-chương riêng, làm ra sách vở có ích được cho cả nước, nam phụ lão ấu cũng hiểu được.

Bổn-quán mở ra tờ « Đông-dương tạp chí » này là cốt trông mục-đích ấy.

Ước gì các bậc cao-minh trong nước Nam, ông nào cũng lo việc gây văn-chương của nước mình, và đồng-tình với bổn-quán, sẽ hết lòng mà giúp cho bổn-quán thành được việc hay và có ích lâu dài cho người An-nam ấy.

T. N. T.

Số 7

Công luận

về cách viết các tên riêng, tên người hoặc tên xứ, ra chữ quốc-ngữ

(Référendum sur le mode de transcription en quốc-ngữ des noms propres).

Ngày nay An-nam ta cần phải dịch các sách ngoài ra quốc-ngữ mà học, thì việc này nên quyết tìm lấy một lối phải mà theo nhất-định cho tiện các nhà làm sách cũ tiện cả cho người đi học nữa.

Nhưng bản-quán nghĩ việc đó là một việc nên công-luận cho kỹ rồi hãy nên quyết một bề.

Nay có người đã tỏ ra những ý sau này, xin in để các quan xem báo nghị-luận. Ông nào có ý kiến nào phải nữa về việc ấy xin cho bản-quán biết để bàn cho thực sắc ra, trước khi dùng nhất luật.

Khi dịch những sách Tây ra tiếng An-nam, cùng khi luận đến các việc ngoại-quốc có một điều lấy làm khó nghĩ thế nào cho phải, là cách viết các tên nước tên xứ, tên người ra chữ quốc-ngữ.

Cách của bản-báo dùng từ đầu đến giờ cũng chưa được nhất-định, nay đã được mấy kỳ, tay viết luôn, nghĩ đến luôn, thì tự hồ cũng đã vững ít nhiều các lẽ nên viết thế nào là phải, xin kể ra sau đây, để các quan duyệt-báo xét.

Nếu mà cứ dùng mãi cái lối của Tàu, thì là nhận một cách đã sai mà lại làm sai nữa đi.

Ví dụ như tên ông danh-sĩ Pháp là *Voltaire*, Tàu dịch ra là *Phúc-lộc-đặc-nhĩ*, thì tiếng quan-hoại đọc bốn chữ ấy là *Pho-lô-tê-eul*, cũng đã sai chính-âm của người ta nhiều rồi. Mà người Tàu dùng cách dịch ấy cũng đã bất tiện, vì bốn chữ, Phúc-lộc-đặc-nhĩ, mỗi tỉnh Tàu đọc một cách khác, sang đến An-nam nó mới thành ra *Phúc-lộc-đặc-nhĩ*.

Giả thử An-nam ta cũng dùng nguyên-lý của cách dịch tàu, mà dịch ra nam-âm, thì đáng lẽ phải dịch là *Vo lờ te rờ*.

Theo một lối lấy tương-tự mà dễ nghe hơn, thì có lối dịch là *Von-te*.

Xét ra hãy nhiều lối, thì lối nào cũng có điều bất-tiện, vì không có lối nào trúng âm của người ta. Thành ra tên người ta một đường, mình dịch ra một nẻo.

Như thế thì bản-quán nghĩ không cách nào dịch tên người Âu-châu ra nam-âm hơn là cách cứ nguyên-âm người ta viết thế nào mình lại viết như thế.

Cách ấy thì phải lý, nhưng cũng có điều bất-tiện, nay xin kể các lẽ lợi hại ra các ngài xét.

Lợi là may ta có được lối quốc-ngữ là lối dùng chữ cái Âu-châu mà viết, thì in thêm chữ Âu-châu vào nó cũng trông được, mà rồi tiếng mình mỗi ngày có thể nhiễm thêm được những tiếng mới ấy vào trong tiếng bản-quốc, giàu thêm tiếng nói ra.

Lối quốc ngữ ta lợi hơn lối chữ nho, chữ nòm là chính ở đây, là chính ở cái thế chữ quốc-ngữ có thể dấn dấu bỏ cho thêm âm, thêm vận, thêm tiếng Âu-châu vào mà thành ra một thứ tiếng

giàu gấp trăm gấp nghìn lần tiếng bây giờ. Nếu mà ta không dùng thì thực là dể uổng mất một cái thế hay ấy.

Nhưng mà dùng tiếng Lang-sa và tiếng Âu-châu khác, lẫn với chữ quốc-ngữ thì có một điều bất-tiện, mà điều bất-tiện lại ở ngay trong sự thêm âm mới, vận mới, tiếng nói. Làm cho những người chỉ biết chữ quốc-ngữ mà thôi, không biết chữ Lang-sa, không biết cách đọc vần Lang-sa, (là phần nhiều), đọc đến chữ lạ ấy phải ngừng lại, không đọc được nữa.

Người nói rằng theo lối dịch của Tàu tuy sai nhưng dễ nhớ, mà lại lợi được một nhẽ rằng nhân được những điều đã nhờ sách tàu mà biết đại-cương rồi.

Điều ấy kể thì có thực. Thí-nghiệm cách sau này thì biết ngay.

Mấy thầy-đồ đã xem qua tân-thư tân biết vô vẽ tây-sử, đã nhớ những tên như Nã-pha-luân, Lư-thoa, Mông-đức-thư-cưu, Phúc-lộc-đặc-nhĩ, vân vân. Nếu ta đem chính sách tây ra mà giảng cho các thầy ấy nghe, mà lại dùng những tiếng ấy để gọi tên các danh-nhân, thì hình như các thầy dễ nghe, thích nghe, dù có điều gì trái hẳn mấy nhời sách Tàu, thì cũng chịu là sách Tàu có lẽ sai, nay nghe giảng ở chính sách Tây ra chắc rằng thực hơn. Nếu mà người giảng không xem qua sách Tàu bao giờ, cứ tên thực các ông mà gọi, rồi kể sự thực cho các thầy-đồ ta nghe, thì các thầy có ý lạ tai, nghe chán, không thích lắm.

Thế thì biết rằng cái văn-chương Tàu đã nhiễm sâu vào óc người mình lắm rồi.

Nay bản-quán nghĩ có một cách sau này là hợp lý hơn cả mà lại chiều được thói quen của nhà-nho ta.

Tên người thì phải dùng ngay nguyên chữ tên tây mà đem lẫn vào mấy vần quốc-ngữ, nhưng mà ngộ có tên nào, đã nhiều người nhớ được sách tàu mà biết lắm rồi, thì đem cái tên ấy chua vào hai cái vòng bên cạnh.

Thí dụ :

NAPOLÉON	(*Nã-pha-luân*)
LOUIS XVI	(*Lộ-y thập lục*)
ROUSSEAU	(*Lư-thoa*)

Còn những tên nào chưa biết lắm hoặc là ta không phải nhờ sách tàu mà biết, thì cũng viết thế, nhưng mà không chú theo âm Tàu, phải chú bằng âm ta, tương tự cho dễ đọc dễ nhớ.

Thí dụ :

NESTLÉ	(*Nết-lê*)
DUMAREST	(*Du-ma-rết*)
RENOUK	(*Rơ-nuc*)

Vả cách ấy là cách hợp với sự thường, như tên các quan Tây ở đây thì người An-nam thường vẫn đặt chệnh đi một chút cho hợp với âm vận An-nam mà nói với nhau cho tiện. Mà khi có gặp phải tiếng ta khí trọc, thì nói chệnh đi một tí nữa, theo lộ kiểng nẻ của mình.

Như là :

DOUMER	(*Đô-me*)
DE LANESSAN	(*Đa la nét-săng*)
SCHNEIDER	(*Xê-nê-đe*)

Đến như tên các nước thì bản-quán lại có ý riêng này, tưởng cũng hợp với ý các quan xem báo.

Trong hoàn cầu có mấy nước, ta với tàu biết đến đã lâu, hoặc lại là nước lớn trong thiên-hạ.

Như LA FRANCE, đã gọi là nước *Đại-pháp*. hoặc là nước *Lang-sa*.

L'ANGLETERRE	—	nước *Anh* thục gọi lại là *Hồng-mao*.
LA RUSSIE	—	*Nga*.
L'ESPAGNE	—	*I-pha-nho*.
L'ITALIE	—	*I-đại-lị*.
LA GRÉCE	—	*Hy-lạp* (Hellas)

L'ALLEMAGNE — *Đức* (Deutch)
LA PRUSSE — *Phổ-lỗ-sĩ.*
LES ÉTATS-UNIS *Hoa-kỳ* hoặc *Mỹ-quốc.*

vân vân.....

Như những tên ấy đã thành ở trong tiếng nói ta rồi, thì nên để vậy mà gọi, như thế cũng không có điều gì chái lẽ, vì các nước bên Au-châu gọi lẫn nhau cũng không nề phải giữ lấy nguyên-âm.

Như nước Đại-pháp chính tự gọi là *France* người Anh lại gọi là *French*. Mà nước Anh thì người Đại-pháp gọi là *Angleterre*, nhưng chính người Anh lại gọi là *England*.

Còn như những nước khác, ta chưa giao thiệp đến mấy khi, mà cũng chưa biết, đến nỗi đã đặt thành tên, thì nên giữ lấy nguyên-âm và chua nam-âm vào bên cạch, cho tương-tự để dễ đọc dễ nhớ, ai đọc được thì chỗ chua ấy thừa, không kể đến.

Như :

LES BALKANS *(những xứ Ban-căng)*
MONTÉNÉGRO *(Mông-tê-nê-grô)*
BULGARIE *(Bun-ga-rí)*

Còn những vật-danh, những tên đồ gì xưa nay người An-nam ta chưa biết đến, cũng là các tên hóa-học, các tiếng chiết-học thì lại là một điều khó quá. Xin để kỳ báo khác sẽ luận đến, và sẽ bàn các nhẽ nên dùng cách nào là tiện mà hợp-lý nhất.

T. N. T.

---

số 10

Công luận

Về cách dịch các tiếng chiết-lý

(Référendum sur la traduction des termes philosophiques)

Những sách chiết-lý, những tư-tưởng Âu-châu, kể xét trong mấy bài luận của người An-nam mới tập làm, xem thì cũng có thể diễn dịch ra tiếng nôm ta được. Dịch lấy đúng chọi từng ý, cho thật mấu, thì không dám quyết, vì đến như các tiếng Âu-châu rộng nghĩa gần bằng nhau cả, cũng còn chưa dịch lẫn được của nhau, huống chi là tiếng An-nam ta, lại với các tiếng ấy, khác nào như tiếng trẻ con bập bẹ, song tưởng cũng diễn được đủ ra cho người đọc hội được một ý đại-cương để mà hiểu, để mà muốn tìm, muốn học lại nguyên-thư.

Trong những bài luận, bài dịch ấy duy còn một điều khó khăn, làm cho người dịch phải tìm kiếm, mà người xem khó hiểu được cho minh bạch, như là hiểu trong văn tây, tiếng nào cũng có nghĩa riêng, mà dùng ở đâu cũng vẫn chỉ có một nghĩa mà thôi. Điều ấy là sự dùng-tiếng.

Tiếng thì toàn là những tiếng mới, chưa có điển ở đâu mà bảo kê-cứu được, ai dịch ai luận thì phải liệu mà đặt ra, hay là dùng những tiếng cũ của mình mà lấy theo nghĩa mới, hoặc là mượn chữ nho mà dịch. Ba thứ đều là dùng hư họa cả. Cũng một tiếng, nay dịch thế này, mai dịch thế khác. Mà xem sách Tầu thì cũng thế, dùng tiếng không nhất-định.

Tất nhiên bên Tầu cũng đã có người nghĩ đến cái khó này như ta, mà cái khó của Tầu chừng lại to hơn cái khó của ta, vì cách dùng chữ Tầu luật mẹo lại chặt hơn của ta nhiều, có chữ dùng vào câu này thì được, dùng vào câu khác không được. Còn tiếng ta xưa nay văn-chương mách-quế, bây giờ ai khéo thì làm nên hay, thì đặt ra lệ, chớ

không có luật mẹo cũ nào mà ai bẻ bác được, cho nên trong việc dịch cái bút còn được tự-do hơn một chút.

Cái tự-do đó, ta nên khéo dùng, kẻo một mai này lúc văn-chương đã thành luật-mẹo, nó lại thêm một cái khó nữa cho người học đời sau.

Tôi tưởng chớ có nên nói rằng : Phải theo cách dịch này, phải theo cách dịch kia, phải đặt ra một cái sổ các tiếng mới mà đúng cho nhất-định.

Phàm tiếng nói, không có tài thánh-trạng nào đặt ra được, mà có đặt ra phải-lý nhất, người ta cũng không theo.

Lý minh-bạch nào cũng phải thua cái tinh-cờ.

Một người có ý mới, dùng một tiếng mới, hoặc tiếng của ta chắp-lại, hoặc tiếng lang-sa dọc chạnh đi, hoặc mượn chữ nho mà đặt. Hễ may cho cái tiếng ấy, mà nói hợp thời, thành ra một tiếng dùng, hoặc hay, hoặc ngộ, ấy là thành một tiếng. Về sau có người tìm ra một tiếng có-lý hơn cũng không đem mà thế được vào.

Còn như dùng tiếng để dịch cho thực mấu, thì cũng không ai lập-tâm đặt ra trước cho đủ mà dùng được. Cứ được đến đâu hay đến đấy. Nhiều tiếng an-nam mình chỉ có một tiếng mà trong chiết-học tây có nhiều ý tương-tự. Muốn đặt ra cho đủ mỗi ý một tiếng, nhân cái tiếng gốc của mình mà bới ra, trêm tiếng trợ-ngữ vào thì cũng được, nhưng mà phàm chưa có dịp phải phân-biệt mà mình dùng ngay một tiếng phân biệt cho đúng mấu, thì nó nặng câu nói ra, làm văn không nghe được.

Thành ra trước hết phải tạm dùng tiếng an-nam nào gần nghĩa nhất mà dịch, rồi sau đến khi phải so sánh hai ý tương-tự, bây giờ mới đặt ra một tiếng nữa, thì văn mới được nhẹ lại.

Tiếng an-nam mới mình, bây giờ dương thành, cái cách nó thành ra thế nào, không ai nói ra được, sự sinh-chướng ấy nó theo muôn nhẽ không biết trước được.

Vậy thì tôi tưởng không ai nên tự-đắc mà đặt tiếng, đặt lệ dịch được. Chỉ có một cách phải nhất, để khiến tiếng nói cho nó sinh nở ra có mực-thước, là cách ghi chép lấy những tiếng mới, cứ lần lần xem những bài luận, bài dịch hay, có tiếng mới nào thuận tai thì ghi lấy, đến ngày nào có tiếng cần phải minh-bạch thêm ra, và có người sửa lại cho thêm minh-bạch, thì lại ghi vào, mà ghi tiếng nào nên giải-nghĩa cho rõ, như lối tự-điển tây.

Lối giải-nghĩa ấy, an-nam ta xưa nay không có, mà ai giải ra thì cho làm nhàm, không biết rằng : Tiếng nói được minh-bạch ra là nhờ ở cách giải-nghĩa ấy. Học thuật Thái-tây tinh tường là bởi sự giải-nghĩa từng tiếng ấy.

Giải-nghĩa (définition) là kể ra một tiếng chỉ vật gì, hình-dạng tính-chất vật ấy có những gì, mà phải kể làm sao cho ai nghe thì biết được chính là vật ấy, mà chỉ là vật ấy mà thôi, chớ không lẫn với vật khác được.

Thí dụ như một cái hình ba-góc, tiếng lang-sa gọi là *Triangle*, giải nghĩa thì phải giải : HÌNH BA-GÓC, *là một cái hình phẳng, có ba vạch thẳng làm giới-hạn, mà ba vạch thẳng ấy thì liên-tiếp nhau, cứ hai cái một.*

Trong câu giải-nghĩa ấy, tuy nghe thì nhàm, an-nam thì bảo ngay sao không giải-nghĩa : HÌNH BA-GÓC, *là một cái hình có ba-góc*, có được không ? Hà tất phải nói lôi thôi ? Không nghĩ rằng giải-nghĩa thế, thì lại phải giải : GÓC *là cái gì ?*

Trong câu giải trên kia tuy kặn kẽ,

rườm-rà thế mà bỏ đi một tiếng nào cũng không được, mà xem đây thì không có lẫn là cái gì được nữa.

Hình Ba-góc là một cái hình, lại phải nói hình *phẳng*, vì cái gậy cũng là một cái hình, cái mái-nhà cũng là một cái hình, có ánh ra cho mắt trông thấy vị chi *hình*, quí-hồ có giới-hạn để ngăn ra vật ấy đứng chật trong khoảng không mất bao nhiêu thì gọi là *hình*, cái giới-hạn của hình ba-góc là ba cái vạch, lại phải là vạch *thẳng*, không có thì lại lẫn với hình *ngưa-giác*. Ba vạch thẳng ấy liên-tiếp nhau, nhưng phải nói rõ liên-tiếp nhau *hai cái một*, không thì lại nhầm với cách *tụ-tiếp*, như là ba cái châu đầu lại liên với nhau.

Hễ bao giờ tiếng nói an-nam, có giải nghĩa theo lối minh bạch ấy, thì tiếng mới dùng mà học chiết-lý được.

Báo « *Đông dương tạp chí* » định nay mai khởi sự làm việc ấy. Ở cuối báo mở ra một mục giải-nghĩa tiếng, lựa trong các bài luận hay mà dùng tiếng kỹ càng, tiếng nào nghe phải thì lược ra mà giải-nghĩa ra như lối mới nói đây, khi được nhiều tiếng thì sắp lại theo vần A. B. C. mà làm thành tự-vị an-nam. Mỗi tiếng lại có biên tiếng Tây bên cạnh nữa cho nó thực rõ.

T. N. T.

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA ÔNG VĨNH Ở BÊN LÀO
CUỐI THÁNG 4 - 1936

Gõ đầu trẻ

(Opinions d'un professeur de caractères)

I

Việc dạy bảo con trẻ, nước nào cũng lấy làm hệ-trọng từ lúc mới vỡ lòng, vậy nên việc dạy và việc học, phải dùng hết cách mà sửa-đổi luôn luôn ; cần nhất là phải học chữ nước mình, tiếng nước mình, để cho hiểu hết mọi sự cần dùng trước mắt trông thấy, chữ là tiếng nói, tiếng nói là chữ, thì trẻ dễ hiểu và dễ suy-xét được ngay, chưa thấy nước nào dùng chữ nước khác mà vỡ lòng trẻ bao giờ.

Thì thì lúc mới vỡ lòng, phải học chữ nước mình phú-dẫu, cũng như học sử, học địa-dư, tất phải học sử nước mình, địa-dư nước mình trước, nếu chưa học sử nước mình mà tiên-phong học sử vạn-quốc, khác nào như vịt nghe sâm : chưa học địa-dư nước mình mà tiên-phong học địa-dư ngũ-châu, khác nào như chim-chích vào rừng, chỉ tổ làm cho nó rối trí mà lú gan lú ruột, lập mồ lập phồi đi thôi, sao gọi là vỡ lòng được.

Nước An-nam ta cũng lấy việc vỡ lòng làm hệ-trọng mà hệ-trọng lạ đời !

Trước hết phải xem lịch, chọn ngày trực-khai hay là trực-thành, thì sửa lễ lẻ thánh rồi mới cho con đi học ; giá được ông nghè ông cống vỡ lòng cho thì may lắm, rồi sau muốn học ai cũng được. Vô lý nhất là đợi cho ngoài cữ, bảo rằng trong cữ mà vỡ lòng thì trẻ nó tôi dạ, (ngoài cữ là để tháng 2 thì tháng 3 mới vỡ lòng, để tháng 8 thì tháng 9 mới vỡ lòng. Nếu vậy thì dùa nào để vào 30 tháng chạp thì cả đời không được ngày vỡ lòng.) Ngày vỡ lòng coi như : ngày hạ-điền để cấy lúa, ngày mở cửa để bán hàng, ngày cất nóc để làm nhà, chỉ tin mà tin mãnh, cẩn thận bảo, mà tính đường nhân sự thì gặp sao bảo hao làm vậy, muốn khai khiếu cho trẻ mà không biết lựa óc trẻ, làm cho nó chẳng nghe hiểu cái học là cái chi chi cả.

Những tục hủ-lại quá như vậy, thì các nhà tân-học hay là chỗ tỉnh-thành cũng đã nhiều nhà biết mà chữa lại. Chỉ còn một điều : lúc vỡ lòng nên học quốc-ngữ trước, hay là chữ nho trước thì chắc hẳn nhiều người cũng đã vỡ nhỡ, không đợi phải nói nữa. Thì như ngày xưa thì *Tam-tự-kinh*, bây giờ thì *Thiên-địa-ngạt-nguyệt*, lúc mới vỡ lòng mà nhiều ông đã đem ngay cái chữ khó lòng ấy mà bắt trẻ học thuộc lòng. Sao lúc nó mới biết nói, cái ông không dạy ngay tiếng *thực-phẩm* mà cứ dạy tiếng *ăn-cơm*, không dạy ngay tiếng *ẩm-thủy* mà cứ dạy tiếng *uống-nước* làm gì ? Nếu lúc mới biết mà dạy tiếng ngay tiếng *thực-phẩm ẩm-thủy*, thì khó lòng làm cho nó hiểu được. Ý hẳn khó mới gọi là chữ, mà dễ không phải là chữ : chữ nho mới gọi là đạo Khổng-tử, mà chữ quốc-ngữ không phải là đạo Khổng-tử, bút lông-mèo mới học vỡ lòng được mà bút sắt không học vỡ lòng được hay sao ?

Có kẻ bảo rằng : « quốc-ngữ dễ mà chữ nho khó, khó thì phải học trước, còn dễ thì học lúc nào cũng được, cần gì mà vội. » Tôi tưởng quốc-ngữ không phải là chỉ dùng để viết và để đọc mà thôi đâu, cốt là dùng thứ chữ dễ ấy để mà học lấy luân-lý và mọi sự cần dùng của người ta hằng ngày trông thấy cho biết cách cư-xử với cha mẹ, bà hữu và xã-hội, thế là cái tinh-thần chữ quốc-ngữ mà Nhà-nước đã đặt ra chương-trình bậc âu-học để dạy trẻ học phổ-thông làm vậy, rồi dần dần đến bậc tiểu-học, trung-học, cao-đẳng

học, cũng có thể dùng quốc-ngữ mà học cho thành tài được. Vậy thì quốc-ngữ có khi phải học đến 10 năm, mà còn chưa biết thế nào là dủ ; chỉ quí về một nỗi : học bài nào hiểu nghĩa ngay bài ấy, học năm nào kiêu-hiệu ngay năm ấy ; như thế mà không đem học ngay từ lúc vỡ lòng, lại còn bỏ phí thì giờ để học thứ chữ khó mà không hiệu ấy, làm cho nó rối chí. Sao bằng cứ tuần-tự, để thì học trước, để cho nó biết suy-sét, khó thì học sau, để cho nó khỏi ngẫn-chở. Vả lại phép học có hạn tuổi, có phải là chẳng năm này thì năm khác, 40, 50 tuổi hãy còn cắp sách, việc lâu như đời có nữa đâu. Nói rút lại thì từ dễ đến khó, từ gần đến nhớn là cái nhẽ tiến-hóa tự-nhiên của loài người. Nếu mình làm trái cái nhẽ ấy, thì dẫu Thánh nàocũng không có thể phù-hộ cho khỏi cái sự ngẫn-chở ấy được.

Cũng có kẻ bảo rằng : « tập-tục nước mình thế, vỡ lòng phải học chữ nho đã, rồi sau sẽ học quốc-ngữ, hoặc là vừa học chữ nho, vừa học quốc-ngữ, chứ vỡ lòng mà học ngay A. B. C. thì nghe nó ra thế nào ! » Tôi tưởng sự học đời này là một sự cạnh-tranh, đã biết đường nào tiện-lợi hơn thì phải theo ngay, nên cái gì cũng cứ giữ tập-tục, thì sao mình muốn lấy lửa, không dùng đá mà lại dùng diêm, mình muốn đi xa, không kéo-bộ mà lại lên xe-lửa, chẳng hóa ra trái tạo lắm ư ?

Lại có kẻ bảo rằng : « Nhà nghèo chỉ còn cho con học chữ nho, biết năm ba chữ ký ; vả lại học quốc-ngữ thì sách vở, giấy bút tốn tiền, không có thể học được. » Tôi tưởng nhà nghèo chỉ học quốc-ngữ, không học chữ nho, thì phải nhẽ, vì học chữ quốc-ngữ thì tờ-bồi, giấy-má còn có thể xem được, chứ học năm ba chữ nho thì chắc hẳn không làm gì nên thân. Còn như sách-vở, giấy-bút, tốn tiền mà học chóng biết, chẳng hơn là tốn ít tiền mà 5, 7 năm chưa biết một tý gì.

Thế thì vỡ lòng trẻ con, nên cho học thế nào ? Nên bắt đầu học ngay chữ quốc-ngữ là một thứ chữ rất dân-dị mà Nhà-nước đã định lấy làm gốc nghề học, chỉ một vài tháng có thể mệng học tay viết được ngay, theo chương-trình bậc âu-học của Nhà-nước đã đặt ra mà học, rồi sau muốn học chữ tây hay là chữ nho mặc lòng, kể từ lúc mới vỡ lòng, ít ra cũng phải học quốc-ngữ trong 3 năm hay là 5 năm. Vì lúc mới vỡ lòng thì đứa trẻ con chưa biết giời biết đất gì cả, chưa có thể nói nổi một câu truyện, cần nhắt phải cho nó dễ hiểu, để gây cái tư-tưởng từ lúc bấy còn măng-sữa ấy.

Nguyễn-đỗ-Mục.

Gõ đầu trẻ

(Opinions d'un professeur de caractères)

II

Quái lạ ! nhiều đứa trẻ trông thấy ông thầy như chuột thấy mèo. trông thấy quyển sách như vợi thấy nhà-tăng : các thầy cũng có ông thường hay kêu : « Trẻ nó ham chơi mà nhác học », mà không mấy ông suy-nghĩ cho ra cái cớ sự chơi tại làm sao mà nó ham, sự học tại làm sao mà nó nhác, để mà lựa tính trẻ, làm cho sự học cũng vui-vẻ sung-sướng như sự chơi, thì nhà-trường thành ra một chỗ để họp bạn chơi, ông thầy thành ra một người để vẽ trò chơi, mà cái chơi ấy cha mẹ, chú bác, ai cũng khen, ai cũng yêu, không ai cầm đoán gì cả, thế thì chắc rằng : đứa trẻ nào cũng phải vui lòng mà không đến nỗi trốn học.

Học là gì ? Học là phàm những điều mình nghe thấy, trông thấy, mà mình muốn bắt-chước, hay là muốn suy-nghĩ thêm ra, cho mình được vui-vẻ

sung-sướng, thì gọi là học. Thế thì sự học với sự chơi cũng không khác gì nhau, mà làm sao lại một đàng thì ham, một đàng thì nhác, chỉ vì cái gì nó nghe hiểu, nó lấy làm hay, lấy làm thích, thì nó vui-vẻ sung-sướng mà nó ham, không đợi ai phải dỗ mà tự nó trông thấy thì bắt-chước mà làm ngay như : nhảy vò, đi cầu, thả diều, đánh khăng, vân vân. . .

Cũng có cái chơi mà nó không nghe hiểu, không lấy làm hay, lấy làm thích, thì nó cũng không thiết gì cả, như là nhác học vậy. Tôi tưởng người nhớn cũng có tính ấy, không những là trẻ, mà trẻ thì tính nó lại càng thực lắm.

Xem thế thì đủ biết sự học, cốt nhất phải lựa tính trẻ, làm thế nào cho nó nghe hiểu được, để nó lấy làm hay, lấy làm thích, thì chỉ lấy nhời bảo ngọt, mà trí-khôn nó một ngày một mở-mang dần dần, can gì phải nhờ đến uy-linh bà Chúa-Mấy, mấ áp-chế lũ đầu-xanh hãy còn trẻ người non dạ.

Nay Nhà-nước độc một lòng khai-hóa cho dân An-nam, cái-lương việc học, lấy quốc-ngữ làm gốc nghề-học, thì lại càng dễ làm cho trẻ hiểu được, không đến nỗi : nói nghĩa *giời* lại phải lấp chữ *thiên*, nói nghĩa *đất* lại phải lấp chữ *địa*, thậm-chí chữ *chi* là *chưng*, chữ *hồ* là *cây-ôi* ! Thì cả chữ lẫn nghĩa lại càng không hiểu lắm, chẳng thà cứ : « *Chi chi chành chành, cái danh thổi lửa* » lại còn vui tai mà dễ nghe hơn. Nữa là các thầy lại cứ hay bắt nó học thuộc lòng, làm trái tính nó quá, thảo nào mà nó chán.

Vậy xin các ngài có cái trách-nhiệm trông nom lũ trẻ, ai có bụng tin rằng : cơ mai hộn nước Nam, hay dở nhờ về lũ trẻ hay hay là dở, cũng ở trong tay các thầy đời này ; có reo hột thì chắc có ăn quả, nhưng mà khi hột mới nảy mầm, thành ra cây non, cũng phải lựa tính cây, để mà tìm cách vun bón, thì cái nhẽ sinh-cơ của tạo-vật, mới một ngày một phát-đạt lên được.

Thế thì việc dậy trẻ thành ra một cái trách-nhiệm to lắm ! các thầy nên vui lòng mà làm cho hết cái trách-nhiệm ấy, tức là các thầy giúp được Nhà-nước một phần về việc giáo-giục trong dịp cải-lương này.

Nguyễn-đỗ-Mục.

Gõ đầu trẻ

(Opinions d'un professeur de caractères)

III

Ai bảo rằng trẻ con không hay học, thì tôi xin phép các ngài tôi cãi mãi, tôi dám chắc rằng : *hay học* là một cái tính tự-nhiên của trẻ-con, cũng như là *hay làm dáng* là một cái tính tự-nhiên của đàn-bà mà kỳ báo trước Đào-nương đã bàn đến.

Tự khi ở trong bụng mẹ lọt lòng ra, đã reo lên mấy tiếng (A, A, A) là nguyên-âm chữ cái Quốc-ngữ ngày nay, dần dần cho đến khi thấy cười thì học cười, thấy truyện thì học truyện, thế là tính hay học đã bầy ra đó, ta thường gọi là *tính dậy*. Đem ngũ quan mà suy-xét sự đời : học ăn, học nói, học đứng, học đi, điều gì không phải là học, mà học một cách rất tự-do, chẳng đợi ai phải bắt-buộc cả.

Những công-việc của người nhớn đã làm ra hàng ngày, là một cái trường-học bác-vật chung của trẻ-con, mà tai-mắt nó đã nghe thấy, trông thấy những công-việc gì, tức là một bài học của người nhớn đã đưa cho nó, bài học hay thì trí khôn nó mở-mang, bài học nhảm thì trí khôn nó mê-mẩn, thấy người nhớn ăn-uống thì học bầy cỗ, thấy người nhớn cúng-lễ thì học bầy đình, có đứa thấy người nhớn cãi nhau, đánh nhau, đi kiện, thì cũng bắt-chước, giả-cách cãi

nhau, đánh nhau, đi kiện. Vậy nên xem trẻ con cũng có thể biết được trình-độ một thời, mà bất-cứ đời giã-man, đời bán-khai, hay là đời văn-minh cực-điểm, bài học tuy khác nhau, mà tính hay học thì bao giờ cũng thế.

Nếu vậy thì sao lại còn có đứa gián dâu gián-cỏ, gảo thét lâm thì rát cổ bỏng họng, chứ nước đổ lá-khoai, đậu-vịt, có thấy nó hay học bao giờ?

Điều ấy là tại người nhớn, không phải là tại trẻ: dậy học như người nói truyện, đi học như người nghe truyện, mà dậy trẻ học thì lại như một người nói truyện với trẻ, phải lựa óc trẻ mà nói cho gẫy-gọn, câu nào nên nói trước, câu nào nên nói sau, đã dẫn-dị lại phải ngọt-ngào, làm cho nó vui tai mà muốn nghe. Tôi thường thấy trẻ con đứa nào cũng hay nghe truyện cổ-tích, mà phần nhiều nghe rồi thì hiểu, đã hiểu thì nhớ dai, mới biết rằng khéo nói truyện cũng là một cách khéo dậy trẻ. Các nhà giáo-dục bên nước Đại-pháp xưa nay, vẫn hay chọn những truyện cổ-tích có tư-tưởng, có luân-lý, để làm bài cho trẻ học, thực là lựa tính trẻ một cách rất khôn-ngoan.

Nếu mình nói truyện viển-vông không gẫy khúc, hay là gật-gông không êm nhời, mà còn cứ nằm, cứ kéo người ta để nay nói truyện, mai nói truyện, thì dẫu người thích nghe truyện đến đâu cũng phải chán, thấy chán mà bảo người ta tính không hay truyện, chẳng hóa ra nói lẫn.

Tôi xem ra: trẻ con đứa nào chưa đi học bao giờ, dộng nghe thấy cha mẹ nói đến truyện cho đi học, thì chẳng mấy đứa không lớn-nhớ mừng thầm, coi bộ như lấy sự đi học làm vui-vẻ lắm; chỉ trừ có đứa nào đã bị những sự áp-chế của ông thầy, hay là đã trông thấy những anh em nó bị ông thầy áp-chế nhiều lần, thì mới có ý không bằng lòng n thôi.

Thế thì trẻ con mà sợ đến biếng học, đi nói đôi chữ, về nhà nói đôi chú, phần nhiều là tại người nhớn, không nên kêu rằng trẻ con không có tính hay học; cũng như là đàn-bà mà đầu bù tóc rối, gương chẳng buồn soi, lược chẳng buồn chải, phần nhiều là tại đàn-ông ta, chớ nên trách rằng đàn-bà không có tính hay làm đẹp.

Ước gì trẻ con, đàn-bà An-nam ta, ai cũng giữ được trọn-vẹn cái tính tự-nhiên quí-báu của thợ tạo đã phú cho người ta ấy!...

Nguyễn-bỏ-Mục.

Gõ đầu trẻ

(Opinions d'un professeur de caractères)

IV

Cách học ngày xưa với cách học ngày nay không giống nhau, thì cách dậy trẻ ngày xưa với cách dậy trẻ ngày nay, hai đàng cũng khác nhau hẳn:

Ngày xưa thì nghĩ bằng *quả-tim* mà học bằng *mồm*, ngày nay thì nghĩ bằng *óc* mà học bằng *mắt*.

Nghĩ bằng quả-tim thì bảo rằng: quả-tim có nhiều lỗ là người thông-minh, muốn cho mình được thông-minh thì phải uống thuốc *bổ-tâm*; nghĩ bằng óc thì bảo óc có nhiều vân là người thông-thái, muốn cho mình được thông-thái thì phải uống thuốc *bổ-não*.

Tôi chưa dám chắc đàng nào phải, nhưng mà chỉ sợ những ông: ăn rồi thì ngủ, ngủ giậy lại ăn mà không nghĩ; chứ đã biết nghĩ thì dẫu bằng quả-tim, dẫu bằng óc, cũng không hề chi. Vả lại từ độ Nhà-nước cải-lương việc học đến giờ, đã nhiều người biết nói truyện bộ máy thần-kinh-hệ thì sự tri-giác ở đâu mà ra, không dợi phải nói nữa.

Còn như sự học bằng mồm hơn, hay là sự học bằng mắt hơn, thì điều ấy quan-hệ cho việc dậy trẻ nhiều lắm.

Học bằng mồm thì lấy sự kêu nhiều cho quen mồm là có ích, trong sách có những chữ gì, thì lại chuyên-khẩu lại cho đủ ngần ấy chữ, mà không được thêm-bớt, không được nghị-luận, hic sèp-bằng-tròn mà học: thì tự-hồ như nhà sư tụng kinh, *tam-bách-biến*; lúc rung đùi mà ngâm thì tự-hồ như thầy cúng đọc canh, *ê-é-a*, bởi vậy mới có câu: « *học như cuốc kêu mùa hè.* » Cứ đóng cửa ngồi trong nhà mà nung kinh, nấu sử, nghiền câu văn cũ, mà tự-đắc là đạo Khổng, Mạnh, vì rằng ai hỏi đến ông Khổng, ông Mạnh nói những câu gì, thì mồm đọc vanh-vách, thuộc lòng nhất là sách Luận-ngữ, Mạnh-tử. Biết đâu là ông Khổng, ông Mạnh cũng nay du-lịch chỗ này, mai du-lịch chỗ khác, lúc lên núi mà xem cây, lúc dừng bờ sông mà xem nước, ngụ những tình thú lý thú của người ta, giảng những đạo-lý tự-nhiên của tạo-vật, có thấy các ngài chuyên-khẩu một bài học nào cho học-trò, mà bắt phải học thuộc-lòng bao giờ.

Học bằng mắt thì vật gì cũng cần phải mục-kích, nếu chưa được mục-kích thì là một sự đáng-tiếc của người đi học: bắt-lắc-lí thì phải dùng cách tạc tượng bằng đất hoặc bằng gỗ, hay là vẽ hình làm tranh, làm bản-đồ, là mượn cái khôn-khéo ấy để chỉ bảo cho mình được nom thấy thân-thể và kiểu-mẫu của các vật, thì các giây thần-kinh-hệ ở trong đồng-tử con mắt mình, nó mới in vào trong óc, cho mình biết suy-xét, biết tìm nghĩ. Vậy nên các bậc thông-thái bên nước Đại-pháp, cần lấy sự du-lịch làm một cách học truyện đời, độ 5, 7 quyển sách, không chóng khôn bằng đi một con đường dài.

Cách học thế nào thì cách dậy trẻ cũng phải như thế ấy: dứa trẻ con mới đi học vỡ lòng, khác nào như một người xứa nay chưa đi đến chốn tỉnh-thành lần nào, mà mình muốn nói truyện cho người ta biết cái đèn-điện, cái quạt-máy, tất phải đưa cho người ta xem cái đèn-điện, cái quạt-máy, không có thì cũng phải *ra mẫu* nó thế nào, *vẽ hình* nó thế nào, như là mất người ta trông thấy, cho người ta nghe hiểu, đến lúc trông thấy thật thì biết ngay, không lấy làm lạ nữa. Nếu cứ bắt người ta học thuộc lòng: *đèn-điện, đèn-điện*; hay là lòng: *quạt-máy, quạt-máy*, thì đến lúc trông thấy, có nhẽ: đèn-điện ngỡ là *đom-đóm* hay là *nu-chợi*, mà quạt-máy ngỡ là *chong-chóng* hay là *giò-lốc*, tài nào mà không ngỡ-ngẩn.

Các thầy dậy trẻ ngày nay cũng đã nhiều ông hiểu cái nhẽ ấy, bài nào cũng phải cho học bằng mắt cả: học toán-pháp thì hoặc dùng hột-đỗ hay là mũi-quít mà dậy đếm, rồi dần dần đo cái sân, đo cái trường, vân vân... học thực-vật thì hoặc chỏ cây cam hay là cây lúa mà thí-dụ, rồi dần dần xem chùm hoa, xem quả đậu, vân vân... nói rút lại thì học cái gì cũng muốn cho trẻ được mục-kích, hoặc đưa trẻ đi chơi xem chỏ nung-gạch, chỏ đánh cá, mà cắt nghĩa cho có đầu có đuôi, tức là một sự du-lịch nho-nhỏ của các cậu học-trò trẻ con, làm cho mở rộng trí-khôn, mà vui-vẻ sung-sướng về sự học. Thế thì cái bài học bằng mắt ấy, cậu học-trò nào cũng muốn cho ông thầy dậy hết bài này, lại sang bài khác, không phải mỏi mồm mà được thích mắt, chẳng thấy cậu nào phải trốn học bao giờ.

Nguyễn-bỏ-Mục.

Gõ đầu trẻ

(Opinions d'un professeur de caractères)

VI

Gà tức nhau tiếng gáy, nghề gì cũng vậy, mà nhất là nghề học ; càng cạnh-chanh bao nhiêu thì càng tiến-bộ bấy nhiêu, càng tiến-bộ bao nhiêu thì lại càng cạnh-chanh bấy nhiêu ; cạnh-chanh không bao giờ thôi, thì tiến-bộ cũng không bao giờ thôi. Cũng vì cái lẽ đó, mà sự văn-minh của loài người không biết thế nào là cùng-cực : xe lửa chưa tài thì lại có máy bay, máy bay cũng chưa tài, thì lại còn cách lặn dưới giới xuống ; giấy thép chưa tài, thì lại có ông nói, ông nói cũng chưa tài, thì lại còn cách giấy phép không trăng giây ; còn cạnh-chanh ngày nào thì còn tiến-bộ ngày ấy mà cuộc cạnh-chanh đã bày ra thành thế rồi, cái thế ấy nó làm cho người ta phải nghĩ, nghĩ mà phải học, học mà phải cạnh-chanh lẫn nhau, từ kẻ đầu xanh cho chí người tóc bạc, ai đã có đủ : ngũ quan, tứ chi, đầu đội giời, chân đạp đất, thì không ai có cái quyền được ăn no, ngủ kỹ, chơi dong, ngồi rồi, làm cho bõ cái công-phu của thợ tạo, đã khéo đặt-để cho từng người mỗi người một bộ óc.

Phàm cạnh-chanh nghề gì, tất là mình thấy người ta hơn mình, hay là mình muốn hơn người ta, thì mới có bụng cạnh-chanh, nêu một mình với một mình, hay là đóng cửa ngồi trong nhà mà bắt-nạt vợ con, đẩy-tớ, thì không cần phải cạnh-chanh gì nữa.

Nhưng thì-buổi bây giờ, người khôn của khó, có phải là lúc đóng cửa ngồi trong nhà, không cần giao-thiệp đi lại với ai đâu, thế thì sự chọi nhau bằng trí khôn, nên gẩy-dựng từ thủa bé.

Trường học thực là một cái trường cạnh-chanh của các cậu học-trò trẻ-con ngày nay, tự-nhiên làm cho các cậu ấy có một cái tư-tưởng : *thua giời một vạn, còn hơn thua bạn một ly*, mà ganh-đua nhau, bắt-trước nhau, cậu kia chữ tốt, cậu nọ tính nhanh, cậu ấy giỏi địa-dư, cậu này hiểu cách-trí, khoe nhau từng ngón, bầu nhau từng mặt, mà yêu nhau vì nết, mà trọng nhau vì tài, khéo lựa cái tính ấy, thì ngoảnh đi ngoảnh lại, tân-tới lúc nào không biết.

Con ngựa ở trong trường đấu-mã, bao giờ cũng có ý nhanh nhẹn cất, sắc-sảo hơn con ngựa đi một mình, vì ngựa chạy có đàn, nêu mình hơi chậm một bước chân, thì lùi lại chưa biết mấy quãng đường mà kể ; cái thuyền ở trong đám bơi-chải, bao giờ cũng có ý nhẹ nhẹ lên, nhanh-nhẩu hơn cái thuyền đi một mình, vì thuyền bơi có hội, nêu mình hơi chễ một mái trèo, thì lùi lại chưa biết mấy con sào mà kể.

Sự học cũng vậy, mình không hơn người thì người hơn mình, là cái nhẽ nhất định không bao giờ thay-đổi ; nêu mình không biết tự-quí cái thân mình, mà nghĩ lẩn-thẩn, dành một mặt rằng : giời bắt số-phận mình, bao giờ cũng phải đứng sau lưng người ta, thì những bậc người ấy không phải nói cho lắm ; nhược bằng mình biết lập chí : ai cũng là người, cũng mặt, cũng tai, cũng tay chân ; cũng mực, cũng sách vở, sao người ta học được mà mình lại chịu, thế thì phải cố công cùng sức, không khi nào dám quên cái bụng cạnh-chanh.

Làm ông thầy lại phải đem cái tài riêng của mình, mà nhắc luôn hai chữ cạnh-chanh vào bên tai các cậu học-trò. Vậy nên một năm trong nhà trường, tất phải có thi nhau một đôi lần, để cho biết người nào hơn, người nào kém, người nào trăm, người nào lười ; lại phải có lễ phát phần thưởng hoặc cho sách-vở, hoặc cho giấy khen, hoặc đọc bài diễn-thuyết về việc học, để giảng-dụ những đường ăn nhẽ ở ; để tán-tụng những điều phải nết tốt, làm cho các cậu học-trò giỏi được vẻ-vang ở trước mặt mọi người, mà phỏ cái danh-tiếng của mình, để cho thỏa cái công lèn sách trong bấy nhiêu ngày ; thế thì ai là chả nức lòng, tôi tưởng mỗi kỳ phát phần thưởng, các cậu học-trò trẻ con, lại nhớn thêm ra được một ít, ấy, bao nhiêu quà-bánh, không sướng bằng một nhời khen trong lễ phát phần thưởng ; được bao nhiêu đồ chơi, không thích bằng một quyển sách trong lễ phát phần thưởng. Cậu nào được thưởng thì cái bụng cạnh-chanh càng ngày càng mẩy-nở thêm ra, vì con đường cạnh-chanh hãi còn dài ; mà cậu nào không được thưởng, thì cái bụng cạnh-chanh cũng không tài nào mà nguôi được, vì con đường cạnh-chanh cũng còn dài. Đã không bước chân lên con đường cạnh-chanh ấy thì thôi, chứ đã bước chân mà biết cố gắng đi, chả trước thì sau, có công mài sắt, có ngày nên kim, người ta có một phần, thì mình cố một trăm phần, người ta cố mười phần, thì mình cố một nghìn phần ; giả trong một năm lúc nào cũng nhớ được cái bụng cạnh-chanh ấy, thì có nhẽ không ai dám gọi mình là trẻ con nữa, mà cái bụng cạnh-chanh ấy, nhớ hay là quên, trông-cậy về ông thầy.

Nhà-nước sửa-sang việc học ; các trường con giai, con gái ở các tỉnh, mỗi năm đều có lễ phát phần thưởng, mà phần thưởng không những của Nhà-nước mà thôi, các quan trên hay là các người danh-giá, ông bà nào cũng nó-nức nhau mà mua thêm sách-vở để phụ thêm cho các học-trò. Cái bụng nó-nức ấy, tự-bổ như các ông lại động nghe thấy có tô-tượng, đúc-chuông chỗ nào, thì của ít lòng nhiều đem tấm vào đó cho thành quả phúc, mà lễ phát phần thưởng lại là một quả phúc thực, mắt người ta trông thấy, thực là một cách tuyệt-diệu làm cho sự học trông tấn-tới. Chả khác gì cái cuộc đâu-sảo để làm cho công nghệ được tiến-bộ, các nhà khéo tay khéo chân, được nhân dịp mà phỏ cái tài-hoa của mình.

Tôi thiển-nghĩ các ông Tổng-sư đã có cái trách-nhiệm dạy trẻ, mỗi năm cũng nên bàn với các ông dân-anh trong hàng tổng và xin phép quan trên để làm một kỳ phát phần thưởng. Xin các ngài không nên bỏ cái trách-nhiệm mình, mà bảo : *việc học hỏng tổng là việc công, can gì lại mua việc nào mình*». Các ngài phải xét kỹ cho rằng : có cạnh-chanh thì mới có tiến-bộ, không cạnh-chanh thì không có tiến-bộ, quả nhiên là người ta ai cũng có cái tính : *gà tức nhau tiếng gáy*.

Nguyễn-bá-Học.

Gõ đầu trẻ

(Opinions d'un professeur de caractères)

VII

Kỳ có, không biết ý làm sao ? thỉnh-thoảng, một đôi khi, tôi lại còn thấy có ông thầy không lấy việc dạy trẻ làm vui, cho là một sự bất-cứng-bất-đắc-dĩ *(Sĩ diệc cùng thời thụ giáo nhi)*.

Học-trò trẻ con là một đám thiếu-niên tương-lai của xã-hội. Nhà-nước cải lương việc học, cũng lấy bậc tân-học làm quan-hệ thứ nhất, trông-mong thứ nhất ; mà các thầy dạy trẻ ngày nay, thực là trong tay đang giữ cái trách-nhiệm to-tát ấy, đang làm cái nghĩa-vụ chính-đính ấy, đáng nhẽ nên

lấy làm hoan-hỉ, lấy làm vinh-hạnh, dẫu có khó nhọc một đôi chút, cũng cứ vui lòng mà không quản công thì có dân lại nghĩ lẫn nghĩ thần : ai hỏi đến việc dậy trẻ thì có ý thọn-thùng, tự-hồ như người con gái mới đẻ con so, còn lấy việc nuôi con mọn làm sâu-hổ, không biết rằng việc nuôi con ấy, tức là một cái công gây-dựng ra xã-hội mai sau, người đã có giáo-giục, dám bảo việc nuôi con là bất-cứ-hạt-đắc-dĩ bao giờ. Nhưng mà dân bà nhỡ có người nào không hiểu bổn-phận mình, mà lấy việc nuôi con làm sâu-hổ, thì qua dứa con dẫu lòng rồi, tay bồng, tay mang, lại lấy việc chăn-nuôi dân-con làm sung-sướng hơn người, không chịu thua chi kém em ; thế thì cái sâu-hổ của đàn-bà còn có thì, chứ ông thầy lấy việc dậy trẻ làm sâu-hổ, thì chả có thì nào cả.

Chẳng qua cũng vì cái thói quen, sai-nhầm tự cổ lai di-chuyển lại : ông nào đã dậy được đông học-trò đại-tập thì gọi là ông thầy danh-giá ; còn ông nào dậy học-trò trẻ con thì gọi là ông thầy loàng-nhoàng, thường, khi có ông đọc chưa thông mạch sách, cũng dám dậy trẻ ; mà những ông văn hay chữ tốt, thì không thiết việc dậy trẻ và cũng không bàn đến việc dậy trẻ làm gì. Bởi vậy những nhà có con cho đi học, vẫn ngờ rằng trẻ con thì học ông nào cũng được, quí-hồ cho nó quen mặt chữ mà thôi, có nhà lại bảo rằng học cho nó đỡ chơi nghịch, buổi được buổi cái, học một nghỉ mười, thành ra việc dậy trẻ gặp sao hay vậy, không lấy gì làm quan-trọng lắm.

Vả lại cách dậy học không có chương-trình, chưa chia ra thứ-nào ; có ông vẫn dậy học, mà ai hỏi đến rằng : ông dậy *âu-học*, hay *tiểu-học*, hay là *trung-học* ? thì có khi mập-mờ không dám quyết-đoán là bậc nào cả, bảo rằng dậy trung-học, thì sợ thiệt mất học-trò âu-học, tiểu-học, mà người ta lại cười mình là kiêu-ngạo ; bảo rằng dậy âu-học, thì sợ thiệt mất học-trò tiểu-học, trung-học, mà người ta lại chê mình là tầm-thường. Có ông thì kiêm-chi-nhất-nhanh : vừa dậy âu-học, vừa dậy tiểu-học, vừa dậy trung-học. *tam-tự-kinh* cũng thưa thầy chữ gì, *Không-tử-viết* cũng thưa thầy chữ gì, *quan-quan-thư-cưu* cũng thưa thầy chữ gì, một mình coi cả bảy nhiêu lớp ; mà học-trò thì cứ học cầu-lâm : hết ngày này sang ngày khác, hết năm này sang năm khác, đọc một lòng trông một dạo, từ bé đến nhớn, theo riết một ông thầy, lấy việc đi học ông thầy khác, đi đến nhà trường khác, như người đàn-bà phải đi hai lần đò. Các ông thầy cũng không mấy ông dám ra mặt là mình chỉ dậy học-trò trẻ con, mà chỉ dậy trong 2 năm hay là 3 năm, rồi phải đi học ông thầy khác bao giờ.

Khi nhà-nước mới đặt trường Tổng-sư, cũng có ông còn chưa hiểu, chỉ biết mình là ông thầy trường hàng tổng, mà không biết mình là thầy trường âu-học, nhiều nhà lại không dám cho trẻ con ra học trường Tổng-sư. Tự lúc Nhà-nước phát chương-trình và kiểu-mẫu sổ-sách cho các trường Tổng-sư phải theo nhất-luật với nhau, thì các thầy Tổng-sư, ông nào cũng mới tỏ hẳn mình là một ông Giáo-sư bậc âu-học, phải tìm-tòi cách dậy trẻ, phải nghị-luận việc dậy trẻ, không còn ông nào cứ dậy học-trò đại tập để đi thi Cử-nhân, Tú-tài nữa.

Phải biết rằng thầy dậy trẻ là quan-hệ cho việc cải-lương nhiều lắm, dậy người nhớn khó một cách, mà dậy trẻ lại khó đi một cách, luyện được cho đủ cái tư-cách làm ông thầy dậy trẻ, thì tôi tưởng cũng không phải dễ đâu. Ông thầy làm mô-phạm cho học-trò, mà học-trò trẻ con thì trí-khôn hãy còn ít, nghiêm-khắc quá không được, mà dàn-lị quá cũng không được, lựa làm sao cho vào khuôn vào phép, khiến làm sao cho vừa mắt vừa tai, sự nghiệp của một đời dứa trẻ con, có nhẽ cũng bởi đó mà ra. Lại còn khó một nỗi nữa là việc giáo-giục riêng trong gia đình của xã-hội ta, còn chưa được phổ-thông cho lắm, đường thai-giáo, mẫu-giáo còn khuyết điểm nhiều đều, nên trẻ con cũng có dứa mất nết, khó dậy, mà cách dậy học thì lại phải dậy nết trước, phải uốn-nắn dần dần.

Thế thì dậy trẻ ở vào cuộc đời tân-học cựu-học dung-hóa với nhau này, như người lập nên để làm cơ-sở cho cái đạo văn-minh mai-hậu, nên lấy việc dậy trẻ làm một phần nghĩa-vụ để giúp Nhà-nước về sự giáo-giục, không nên lấy việc dậy trẻ làm một lối quyền-lợi riêng của ông thầy, mà bảo rằng : *« dậy năm ba đứa trẻ con, không cần phải qui-tắc chi cho lắm. »* Tôi xin các ngài hãi thi nhau về cái tài dậy trẻ, khó-nhọc bao nhiêu lại càng vui-vẻ bấy nhiêu.

Nguyễn-bỏ-Mục.

Số 27 Gõ đầu trẻ

(Opinions d'un professeur de caractères)

VIII

Học vụ-danh thì bao giờ nên thân, mà học không vụ-danh thì cũng chẳng bao giờ nên thân. Các thầy đạo-đức-tiên-sinh thường hay dặn học-trò rằng : *« Đừng có đi học vụ-danh mà mang tiếng »* vì rằng các ngài cũng từng thấy có cậu học-trò chỉ chăm chăm quần, áo, giầy, mũ, nắn bộ, tay cắp cái cặp sách, con mắt liếc ngược liếc suôi ; mà xét đến sự học thì lười biếng : lúc đến lớp thì thấy giảng thấy nghe, chẳng được câu nào để vào tai ; lúc về nhà thì chữ thầy giá thầy, chẳng còn tí gì in vào óc, đã là một người học trò không biết vâng lời, không biết lập trí, thì dẫu phạt việt, phạt ngồi thêm giờ, cũng chỉ nghé uống công thầy và uống cả công mình, cơm ăn cơm giờ, một ngày mấy buổi, cắp sách đi, cắp sách về, để mua lấy một cái tiếng vụ-danh vào mình.

Tôi thiết-tưởng người ta ai là chẳng vụ-danh, xuy cho cùng-kỳ-lý hai chữ vụ-danh, thì ông đi tàu ngậm dây bè, cũng là vụ-danh, mà ông cưỡi mấy bay lưng giời, cũng là vụ-danh, cả đến ông cầm bút mà làm một quyển sách gì, viết một bài văn gì, để tỏ cái ý-kiến đặc-biệt và cái tư-tưởng cao-xa của mình, toàn là vụ-danh cả.

Người ta chỉ lo rằng không biết vụ-danh, hay là vụ-danh mà không biết đường, đã biết đường vụ-danh, thì cái vụ-danh ấy hẳn có ích-lợi cho nhân-quần xã-hội, nếu không có ích-lợi cho nhân-quần xã-hội thì sao gọi là danh được.

Các cậu học-trò mà lười-biếng, học ít chơi nhiều, bảo là không biết vụ-danh thì cũng nhẽ, chứ bảo là vụ-danh thì chả phải chút nào.

Vụ-danh là gì ? Vụ-danh là mình có ý muốn cho mọi người đều biết mình là người tài-giỏi, thông thái, để cho nổi danh-giá mình ở đời bây giờ, hoặc ở đời mai-hậu, thì mới gọi là vụ-danh.

Thế thì người học-trò mà đã biết vụ-danh, tất phải cố công cùng sức, học cho ra học, không chịu thua anh thua em, để một-mai nên bậc tai-mắt ở trong xã-hội, gánh-vác những công-việc to-tát nhớn-nhao của loài người. Còn những cậu học-trò nào lấy chơi làm ích, chưa biết ham học, để đến nỗi tuổi một ngày một cao, học càng ngày càng khó, văn dốt, vũ dát, cấy không biết mà học cũng không hay.

bán rẻ mất cái danh một cậu học trò, thực là một người không biết vụ-danh ; vì rằng việc học là một việc tốn công, tốn của, ai lại chịu cái tốn ấy mà vụ lấy cái danh là cậu học-trò lười-biếng làm gì ?

Vậy thì vụ-danh cũng nên chia làm 2 thứ : một thứ *vụ-danh phải đường*, một thứ *vụ-danh không phải đường*. Vụ-danh không phải đường thì thường chỉ vụ trong độ ít lâu, để khoe-khoang với dàn-bà, con nít, cùng những người cũng vụ-danh như mình mà vụ chưa được. Nhưng mà mình dinh dối ai, chẳng qua mình lại dối mình, vì cái danh ấy không được dai-bền, mà cái bụng vụ-danh ấy cũng không được dai-bền ; bởi vậy có cậu học-trò lúc chưa đi học thì nô-nức, nghe có ý cầy-cục, lúc đã đi học thì chán-phè, làm ra bộ không cần.

Những người vụ-danh phải đường thì biết rằng cái danh không phải đem bụng giả-dối mà cầu được, mà nhất là việc học : vì học để làm gì ? học để cầu cho mình nên một người có danh, vậy thì mình học cho mình, có phải là mình vì cha mẹ mà đi học, hay là vì ông thầy mà phải học đâu : đã đi học thì phải tiếc công, đã tiếc công thì phải chăm học, một mai được thành tài, thì *hữu xạ tự-nhiên hương*, cái danh ấy mới thơm-tho mãi mãi.

Có người bảo rằng muốn cho mình được danh-tiếng, đó là *hiếu-danh*, không phải là *vụ-danh*. Vụ-danh nghĩa là làm việc gì không vụ-thực thì gọi là vụ-danh. Tôi tưởng hiếu-danh hay là vụ-danh, ý nói tuy khác nhau, mà rút cục-lại thì cũng là một nghĩa.

NGUYỄN-BỈNH-MỤC.

GỖ ĐẦU TRÈ

(Opinions d'un professeur de caractères)

IX

Tôi nói câu này xin các Ngài bỏ quá cho : cách dậy trẻ của nước ta xưa nay, *trí-giục*, *đức-giục* thì đã dành, còn *thể-giục* thì chắc hẳn phần-nhiều ông chưa lấy làm chăm-chút lắm.

Nhưng mà bảo rằng trẻ con nước ta tuyệt-nhiên không có thể-giục thì cũng không phải, nếu không có thể-giục thì sao người ta mỗi ngày một đông mà cũng có người sống lâu tám chín mươi tuổi đầu, hay là ngoại trăm. Thế thì nước ta có cái thể-giục tự-nhiên, không ai phải học, mà cũng không ai phải dậy, thành ra ai cũng có thể-giục, mà không biết là thể-giục, bởi vậy chưa có cái *danh* gọi là thể-giục, mà cái *thực* thể-giục thì thường thường vẫn có.

Bắt đầu từ lúc chưa biết ngồi, chưa biết bò, cũng đã nằm mà giơ tay giơ chân lên, để tỏ ra một người có thể-giục, đến lúc hơi nhớn lên thì cách thể giục, lại vẽ ra lắm trò : nào là *đông quay*, *đánh đáo*, nào là *nhảy vòng dạp xe*. thứ nhất là *quần-thảo* thì lại là một cách thể-giục mạnh mẽ quá.

Những cách chơi như vậy, tức là một cách thể-thao, để cử-động cho khí-huyết trong mình được chu-lưu khắp cả thân-thể, mà nở da nở thịt, ăn ngon ngủ ngon. Chỉ hiềm về một nỗi cách thể-thao ấy tự-do quá, không có điều độ, không có thì-giờ, lúc thì năm bảy ngày chẳng thể-thao, lúc thì thể-thao luôn cả ngày, đến cung nhọc-mệt quá, bỏ cả học cả hành, mất cả công cả việc : thè *mới biết cái gì quá cũng* hóa ra dở, ăn quá cũng sinh bệnh, ngủ quá cũng sinh bệnh, cả đến văn-minh quá cũng sinh bệnh, nữa là một việc thể-thao ; bởi vậy các nhà Giáo-giục nước ta, thường hay cấm trẻ con không được chạy chơi, chỉ được ngồi một chỗ mà học, mà viết, xong rồi thì ăn, thì ngủ, đứa nào ỷ ra như vậy, thì cho là con nhà gia-giáo, ngoan, không hay nghịch, thành ra cách thể-giục nhiều ông thầy ngờ không dám nói đến.

Xét ra cho kỹ thì cách thể-giục quan hệ về việc dậy trẻ nhiều lắm : thân-thể có khỏe-mạnh thì tinh-thần mới được thông-minh, tinh-thần có thông-minh thì học-hành mới được tấn tới. Vì dậy trẻ không có thể-giục, cho nên các ông *cấm cây* thì phần nhiều ông khỏe-mạnh, mà các ông *cấm bút* thì phần nhiều ông yếu-đuối : lại thêm một cái tục trọng học-trò quá, thành ra trọng cả cái yếu-đuối, của ông học-trò, bảo rằng giời phú-tính bẩm-sinh ra làm vậy, để ngồi sẹp-bằng-tròn mà lâm dâu từ-dâu !

Biết đâu là người làm ruộng cũng có một cách thể-giục riêng của người làm ruộng, tang-tảng sáng đã vác cầy đặt trâu ra đồng, hớp được nhiều không-khí trong-sạch, mạch máu trong mình vận-động được đều, lúc thì *đập đất*, lúc thì *nhổ mạ*, chẳng khác gì người *sách quả tạ*, hay là *kéo giây tran*, chút nào.

Còn như người học-trò thì chỉ quẩy hò mang nỏi cái quản bút, ôm nỏi quyển tự-vị, cặp nỏi cái cặp sách, là đủ khoe cái sức mạnh với anh em rồi, thảo nào mà yếu đuối.

Tự khi Nhà-nước cải-lương việc học đều giờ, cũng lấy việc thể-giục làm trọng, cả đến chương-trình học Âu-học của các thầy Tổng-sư, cũng có giờ thể-thao. Tôi tưởng các thầy dậy trẻ cũng nên lấy thể-giục làm một khoa học phổ-thông ai cũng phải có, mà thể-giục có cứ gì phải tập võ, miệng nọ, miệng kia, để mong lấy sức đè người hay sao ? Thể-giục nghĩa là chuyển động thân-thể, để cho khí giới được thay-đổi, mạch máu được lưu-thông, mà tránh khỏi những sự ồm-đau sầu-não.

Vậy nên nghề gì làm bằng tay chân, thì chính là hợp với cách thể-giục, mà nghề gì làm bằng trí-khôn, thì lại phải cần đến thể-giục nhiều hơn.

Thí-dụ như một vật gì bằng gỗ hoặc bằng sắt, không ai động đến, thì thường hay nát và gỉ, mà như cái *then cửa*, người ta động đến luôn, thì lại không thấy nát và gỉ mấy khi. Nếu học-trò không có thể-giục, thì dẫu sống lâu tám chín mươi, hay là ngoại trăm, mà lúc nào cũng gầy-gò, lệt-bệt *trói chẳng nổi con gà*, thì còn giúp việc Nhà-nước làm sao nổi.

NGUYỄN-BỈNH-MỤC.

Số 30

GỖ ĐẦU TRÈ

(Opinions d'un professeur de caractères)

XI

Trong việc dậy trẻ có một điều quan-hệ thứ nhất, ông thầy nào cũng phải nhớ đến luôn mà nhắc các cậu học-trò, để giữ-gìn cho được chọn-vẹn, làm một vật trân-trọng quí-báu nhất của nhà-trường, ai cũng phải yêu-dương, ai cũng phải kính-mến, bất cứ cựu-học, tân-học, nho-học hay là tây-học, xuốt từ cổ cho đến kim, khắp từ đông cho đến tây, càng văn-minh bao nhiêu, thì cách dậy trẻ càng phải chăm-chút về cái vấn-đề quan-hệ ấy.

Học để làm gì ? Học để rèn-tập lấy tư-cách làm người. Có phải là chỉ cầu lấy văn hay chữ tốt mà thôi đâu, có phải là chỉ luyện lấy mấy câu khẩu-đầu về mọi khoa để nói lòi cho lịch-sự cầu-

truyện mà thôi đâu, trước hết phải *giữ-gìn phẩm-hạnh*, cho thành một người có giáo-giục.

Ai đã gọi là một loài động-vật tinh-khôn thứ nhất ở trên địa-cầu này, biết ăn miếng ngon, biết mặc của tốt, biết nom ánh sáng mặt giời, thì phải biết giữ-gìn phẩm-hạnh, để khỏi phụ là con người : đầu đội giời, chân đạp đất, sai-khiến được vạn-vật.

Họp bao nhiêu con người có phẩm-hạnh, thì thành ra một xã-hội có thứ-tự, có pháp-luật, có khí-thế thịnh-vượng, có cơ-sở vững-bền ; mà họp bao nhiêu học-trò có phẩm-hạnh, thì thành ra một nhà-trường có phong-thể, có tân-tới, có *danh-tiếng vẻ-vang*, có qui-tắc nghiêm-chỉnh.

Phẩm-hạnh tức là một cái *giá-chi* đắt-đỏ quá, có bao nhiêu tiền cũng không mua được. Nếu mình không biết giữ-gìn mà bỏ hoài mất cái giá-chi riêng của một mình thì chớ, cũng nên tiếc cái giá-chi chung cho một nhà-trường, cũng nên tiếc cái giá-chi chung cho cả xã-hội. Muốn *cấu* cho toàn cái giá-chi ấy, tất phải lấy phẩm-hạnh làm gốc, mà muốn vun-giồng cái gốc ấy, tất phải bắt đầu từ lúc *còn bé*.

Lúc còn bé như cái cây còn non, nòn-nắn còn dễ; uốn-nắn khéo thì cây hóa đẹp, uốn-nắn vụng thì cây hóa xấu, mà phải uốn-nắn ngay, để đến lúc đã già-cứng rồi thì không thể nào mà nòn-nắn được nữa ; cũng như trẻ con lúc còn măng-sữa, thì dễ bắt nẹ bắt nét, đến lúc đã đứng tuổi, quen thân mất nết, thì khó lòng mà chữa lại được.

Thế nào là phẩm-hạnh người học-trò ông thầy phải lựa óc trẻ mà hiểu-dụ dần dần ; lại còn một cách khôn-khéo riêng của ông thầy, là cái nhời khen chê và cái quyền thưởng phạt, làm cho học-trò biết ganh-đua nhau : *nết-tốt* của học-trò những gì ? như là chăm-chỉ, thật-thà, lễ-phép, vân vân, thì ông thầy cần phải giảng đến luôn, cậu nào có những nết tốt ấy, thì khen, thì thưởng, để tỏ ra một người học-trò có nết tốt, ai cũng quí-trọng ; còn *nết xấu* của học-trò những gì ? như là lười-biếng, dối-dá, xấc-láo, vân vân, thì ông thầy cũng cần phải xét đến luôn, cậu nào có những nết xấu ấy, thì chê, thì phạt, để tỏ ra một người học-trò có nết xấu, ai cũng khinh-bỉ. Nhất là nhân lúc nghỉ-ngơi, hoặc lúc vui-vẻ, mà nói truyện, mà khuyên bảo : Nhà-nước trông-mong về người học-trò là nhường nào ! Người học-trò quan-hệ với xã-hội là nhường nào !

Những nhời dạy về phẩm-hạnh làm người của ông Khổng, ông Mạnh, và của các bậc thông-thái bên Âu-châu, từ xưa đến nay, biết cơ-man nào mà kể, câu nào cũng có ý-tứ khôn-ngoan, bài nào cũng có tư-tưởng đặc-biệt, kẻ biết học thì toàn là những nhẽ thực-sự, mà kẻ không biết học thì lại thành ra một lời hư-văn.

Người ta cho *cẩn-chương* của một người học-trò, khác nào như *nhan-sắc* của một người đàn-bà. Nếu người đàn-bà không biết giữ-gìn phẩm-hạnh, mà chỉ chăm-chăm *lông mày, tóc con, môi son, má phấn*, thì dẫu ngày hoa đêm nguyệt, cũng là một người *hữu sắc vô hương* ; mà người học-trò cũng vậy, nếu không biết giữ-gìn phẩm-hạnh, mà chỉ khu-khư *ngữ ngôn, thật ngôn, thượng lục, hạ bát*, thì dẫu nhả ngọc phun châu, cũng là một người *hữu tài vô hạnh*.

Bởi vậy ông thầy dạy học-trò, trọng nhất là khoa *luân-lý*, mà Nhà-nước chọn học-trò, cũng trọng nhất là nết *công-duyệt* (*conduite*). Có người bảo rằng : « Cách chọn học-trò mà chọn ở trường-thi, vẫn không bằng chọn ở trường-học vì chọn ở trường-học thì không những chọn văn-chương về mọi khoa học mà thôi, lại còn chọn được cả phẩm-hạnh nữa. » Xem thế thì biết phẩm-hạnh là bổn-lĩnh để làm cái thang cho người ta bước lên bậc thượng-lưu xã-hội.

Đã không có cái bổn-lĩnh ấy, thì ông thầy dẫu đủ trăm khôn nghìn khéo, cũng không tài nào mà làm mô-phạm cho vào khuôn-phép được ; học-trò dẫu hay tám vạn nghìn tư, cũng không tài nào mà lập công-nghiệp cho nên danh-giá được.

Thế thì học-trò ở vào cuộc-đời đổi cũ sang mới này, phải biết rằng : mình là một người ở trong xã-hội, phải có một phần trách-nhiệm ở trong xã-hội ; mà người ta *gửi mình* bao nhiêu, tức là người ta *mong mình* bấy nhiêu, người ta *mong mình* bao nhiêu, thì không khéo người ta lại *chán mình* bấy nhiêu ; để cho người ta yêu, người ta mong, mà đừng để cho người ta chán thì không gì bằng giữ-gìn phẩm-hạnh để làm gương cho mọi người, làm cho ai nấy đều biết rằng : *tinh-hoa tân-học*, không khác gì *tinh-hoa cựu-học*, mà *đạo-đức tây-học*, chẳng kém gì *đạo-đức nho-học* ngày xưa.

NGUYỄN-ĐỖ-MỤC.

GÓ ĐẦU TRẺ

(Opinions d'un professeur de caractères)

XII

Nói đến việc cải lương ngày nay, thì các ông nhiệt-thành quân-tử, phần nhiều hay lo về phong-tục : Ông thì bài-bác việc ăn uống : *miếng thịt là miếng nhục* ; ông thì chê-bai việc vàng-mã : *tiền thật mua của giả* ; ông thì báng-bổ việc chùa-chiền : *nam-mô một bồ dao găm* ; ông thì gièm-pha việc đồng-bóng : *người chương gian nói truyện âm-phủ* : cả đến việc

người ta đẻ má, mà cũng có ông mỉa-mai : *hòn đất mà biết nói năng, thì thầy địa-lý hòm rương chỉ còn*, có ông lại nói mát : *tổ-sơn từ Vân-nam chạy sang, mà mạch nước thì chảy ra cịnh Bắc-kỳ*.

Biết bao-nhiêu là những nhời nghị-luận hùng-dũng và ý-tứ cao-xa, để đánh thức người ta trong giấc chiêm-bao còn mê-hồ chưa tỉnh : thế mà rất cổ bỏng họng, mỏi mồm mỏi miệng, mà cái bệnh hư-đã lâu ngày ấy, vẫn chưa tìm được bài thuốc chữa nào là có hiệu-nghiệm.

Tôi thiết-tưởng muốn cải-lương phong-tục, không gì bằng cải-lương việc dạy trẻ, để theo lối tân-học ngày nay, mà đúc thành một bộ óc mới.

Phong-tục bởi đâu mà sinh ra ? Bởi cái tư-tưởng tự-nhiên của loài người. mỗi một việc làm, có một cái tư-tưởng, tư-tưởng phải lối thì việc làm văn-minh, tư-tưởng nhầm đường thì việc làm hủ-bại ; về sau dần dần thành ra một sự quen của mọi người, cha chuyền con nối, đời này sang đời khác, dẫu có lệ, quê có thói, khi đó mới gọi là phong-tục.

Thế thì phong-tục là tư-tưởng chung của cả đoàn-thể, không phải là tư-tưởng riêng của một vài người. Tư-tưởng có lúc biến-đổi, thì phong tục cũng có lúc biến đổi nhưng mà muốn biến-đổi một cái phong-tục gì, không phải là quyền-lực một vài người có thể làm nổi, tất là cả đoàn-thể phần nhiều người hiểu là nên biến-đổi, phần nhiều người thuận là nên biến-đổi, thì mới biến-đổi được.

Thí-nghiệm ngay như một thứ chữ quốc-ngữ thì biết : trước còn là một thứ chữ riêng của một vài người, sau thành ra một thứ chữ chung của cả đoàn thể. Đến lúc đã thành ra một thứ chữ chung của cả đoàn-thể rồi, thì dẫu

có một thứ chữ quốc-ngữ mới, hay hơn, tiện hơn mặc lòng, chứ đễ mỗi một lúc đã biến-đổi ngay được.

Vậy nên muốn biến-đổi phong-tục, trước hết phải biến-đổi tư-tưởng, mà muốn đem cái tư-tưởng mới, để thay cái tư-tưởng cũ, thì lại phải nghị-luận đến việc dậy trẻ, mà gây lấy cái tư-tưởng tân-học :

Tư-tưởng tân-học là lý-hội giải những việc thực-sự con-mắt ta hằng ngày trông thấy, để cầu cho loài người được yên-ổn, được sung-sướng, được sinh-sôi-nảy-nở. Có cái tư-tưởng ấy, thì linh-hồn mới được tỉnh-táo, không đến nỗi mê-hoặc : có học *bộ máy tiến-hóa*, thì *rượu đám trẹn, cơm đám giỗ*, mỗi ngày một bớt đi : có học *bộ giây thần-kinh*, thì *rín cúc cò, bóng cúc cậu*, mỗi ngày một nhạt đi : *nắm tàn-hương, bát nước thải*, chẳng qua vì chưa học *vi trùng ; cỗ mũ giấy, thoi vàng hồ*, chẳng qua vì chưa học *quỉ-đất*; đã bập-bẹ *thiên-văn*, thì mấy người còn *dưng sao giải hạn* ; đã võ-vẽ *địa-dư* thì mấy người còn *điểm huyệt phân kim* ; cả đến những điều nhảm nhí như là ; *ông Thiên-lôi, bà La-sát, đất có Thổ-công, sông có Hà-bá*, các cậu học-trò trẻ-con đã có tân-học, thì đều hiểu được là một sự tư-tưởng nhầm-đường.

Nói cho phải thì phong-tục nước ta, điều hay cũng nhiều mà điều dở cũng khá, nếu học-hành và tư-tưởng đã có tiến-bộ, thì những phong-tục hay, biết duy-chì mà giữ lấy ; những phong-tục dở, biết tỉnh-ngộ mà chữa dần, không cần phải công-kích chi cho lắm.

Có người cãi rằng : « Nhà-nước đem sự tân-học khai-hóa cho dân ta, đã bao lâu nay, mà phong-tục hủ-bại vẫn còn vô-số, thế thì bảo một đằng đằm quành một nẻo, ăn thua gì gì. » Tôi xin thưa lại rằng : chỉ vì sự học của dân ta chưa được phổ-thông, nay nhờ chữ quốc-ngữ mà chuyền đi khắp mọi nơi, nghe được hiểu mà dậy được mau, sự tấn-tới có phần trông thấy.

Một mai, làng nào cũng có trẻ con học, nhà nào cũng có trẻ con học, trường học con giai càng ngày càng đặt thêm, mà trường học con gái cũng càng ngày càng mở rộng, để gây nên những tay nội-trợ giỏi, thì sự cải lương phong-tục lại càng trông-cậy được nhiều hơn, vì rằng phong-tục hủ-bại, phần nhiều tại đàn-bà. Bởi vậy nhiều ông biết là văn-minh, mà *lịnh ông không bằng cồng bà*, các bà không bằng lòng, không cho phép, thì bất-đắc-dĩ cũng phải chiều, cũng phải nể. Lúc đã có học thì sự cải-lương của các bà, lại có phần nồng-nẩy hơn cái bụng nhiệt-thành của các ông.

Xem thế đủ biết sự tân-học cải-lương của nhà-nước đã mở-mang cho dân ta mà lấy quốc-ngữ làm gốc ấy, thực là một cái bài thuốc hay, để chữa các bệnh hủ, mà chữa một cách rất êm-ái, khỏi lúc nào không biết.

NGUYỄN-BÁ-HỌC.

Số 32

GÕ ĐẦU TRẺ

(Opinions d'un professeur de caractères)

XIII

Dậy trẻ là một sự cần, nhưng cần đến đâu mặc lòng, cách dậy trẻ cứ theo thứ-tự, bước dần từng bước, qua ấc nọ tới bậc kia, như người cầm tay mà giắt một đứa trẻ con, phải thong-thả, không có thể vội-vàng được.

Nếu vội-vàng mà không theo thứ-tự, thì chả những là ngã-nghiêng ngã-vẹo, chân nam đá chân siêu, lại còn sôi-bỏng-bóng-không, thầy dậy công cốc mà trò học cũng cơm tai, chỉ nghề nó-nhọc, chẳng câu-cú chi cả.

Thánh dậy rằng : « *dục-tốc-bất-đạt* » nghĩa là việc gì muốn trông thì làm không chạy, tất phải theo cái nhẽ tiến-hóa tự-nhiên của loài người.

Cái nhẽ tiến-hóa tự-nhiên của loài người bao giờ cũng thế : trước còn *đào hang ở lỗ*, sau mới *làm cửa làm nhà*, sau nữa mới *nằm tầng bảy tầng, trong kính ngoài tróp* ; trước còn *trần-truồng lông-lá*, sau mới *có áo có quần*, sau nữa mới *bộ năm bộ bảy, cổ thìa lưng ong*.

Tuy rằng : đời thượng-cổ loài người hãi còn *thơ-ấu*, việc gì cũng thảo-sáng tự ý riêng một vài người nghĩ ra, thì tiến-hóa có nhẽ vừa *vụng*, vừa *chậm* ; đời bây-giờ loài người đương độ *trưởng-thành*, việc gì cũng cóp-nhặt họp trí-khôn mấy mươi đời để lại, thì tiến-hóa có nhẽ vừa *khéo*, vừa *nhanh*; nhưng mà có *vụng* thì mới có *khéo*, có *chậm* thì mới có *nhanh*, có *thơ-ấu* thì mới có *trưởng-thành*, không bao giờ bỏ qua cái thứ-tự ấy đi được.

Suy ngay trong một đời người cũng vậy : kỳ-thủy còn *học lẫy, học bò*, rồi mới đến *học đứng, học đi* ; kỳ-thủy còn *học ngắm, học nhìn*, rồi mới, đến *học cười, học nói* ; nếu mình vội-vàng, muốn cho tróng việc : nó chưa biết đi, mà ép nó đi thì chỉ nghề làm cho nó ngã ; nó chưa biết nói mà ép nó nói, thì chỉ nghề làm cho nó khóc. Cứ theo cái trình-độ của nó mà chăm-chút dậy-bảo dần dần, thì chả mấy lúc mà nó đi vững, có phần lại khỏe tay khỏe chân ; chẳng mấy lúc mà nó nói sõi, có phần lại nhanh mồm nhanh miệng. Thế thì đem việc *nuôi trẻ* mà so-sánh với việc dậy trẻ, không khác nhau chút nào.

Nhà-nước cải lương việc dậy, cũng

phải theo thứ-tự mà chia ra từng lớp, lớp nào có chương-trình lớp ấy, điều gì dản-dị thì học trước ; điều gì cao-xa thì học sau : trước còn dậy sơ-lược để cho dễ hiểu, mà có đầu có đuôi, không đến nỗi tắt khúc ; sau mới dậy tỉnh-tế để cho kỹ-càng, mà đến nơi đến chốn, không đến nỗi nửa chừng. Có biết *đọc số, viết số*, rồi mới học đến *tính nọ tính kia* ; có biết *tên các phần đất, phần nước*, rồi mới học đến *ngũ-đại-châu, ngũ-đại-dương*, từ dễ đến khó, từ gần đến xa, thì không mấy khi : *con 6* ngỡ là *con 9*, mà *phương đông* ngỡ là *phương tây* bao giờ.

Dẫu nói một câu truyện cũng phải có thứ-tự : biết *không-khí* là thế nào, thì mới có thể nói truyện *máy-bay* ; biết *hơi-nước* là thế nào, thì mới có thể nói truyện *xe-lửa* ; biết *điện-khí* là thế nào, thì mới có thể nói truyện *giây-thép* và *đèn máy* ; mà có biết *tính* là thế nào, thì mới có thể nói truyện *Kim-cân-kiều* ; có biết *kỳ* là thế nào, thì mới có thể nói truyện *Tam-quốc-chí*. Cả đến nghề văn-chương hủ-bại ngày xưa cũng vậy : chưa biết *bảng-trắc* thì đừng nói truyện *Đường-thi* ; chưa biết *biền-ngẫu* thì đừng nói truyện *Tống-tứ-lục* ; chưa biết *phá-thừa-khai-khởi* thì đừng nói truyện *Nguyễn-mặc* hay là *Tuy-trần*.

Thế thì ông thầy cũng phải theo trình-độ trẻ mà dậy, bài nào nên dậy trước, bài nào nên dậy sau, theo cho đúng chương-trình của Nhà-nước đã đặt ra ; các bài học liên-cân với nhau như một cái giây, mà phải học dần từng đoạn, không có thể học cách quãng được ; bởi vậy đi học mà buổi đực buổi cái, nay dở, mai tết, ngày kia lãng vào đám, thì dẫu chương-trình đặt hay đến đâu, cách-thức thầy dậy giỏi và khéo đến đâu, cũng không

phép gì mà làm cho học-trò tân-tới, nên một người có học-thức và có giáo giục được

Nói rút lại thì ông thấy nào là chẳng muốn cho học trò trông giỏi, chẳng mong cho học trò trông thành tài, mà có theo thứ-tự thì thong-thả mà hóa ra trông, không theo thứ-tự thì vội-vàng mà hóa ra lâu, lại sinh ra nhiều cớ ngăn-chở, khiến cho sự học mỗi ngày một rật lùi.

Thế mới biết ăn vội thì hóc, mà học vội thì cũng chẳng ăn-thua, câu : «*dục-tốc-bất-đạt* » thực là một nhời nói hay, làm cho kẻ đi học đừng có nóng ruột mà đứng núi này trông núi nọ, hãy vững bụng mà tin-cậy ở ông thầy.

NGUYỄN-ĐỖ-MỤC.

Số 30

Luận về việc du-học

(*Sur l'envoi des étudiants en France*

Trong mấy năm nay, người an-nam hào-hức việc du-học. Vả lại thấy có kẻ vội vàng, tưởng nhà-nước bảo-hộ hợp lượng chẳng dạy, cho người đi ra ngoài, nghĩ đã đi học ngay được nghề văn-minh, tưởng đã làm ngay cho nước được cường-thịnh, biết dâu rằng đã chẳng hay cho nước được việc gì, mà lại vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp chẳng ra gì.

Những người thực lòng yêu nước, mà lại tin ở nước Đại-pháp mới đây có dựng nên một hội Du-học Bảo-trợ, để góp tiền nhau và lựa lấy những bậc thiếu-niên có tư-cách tốt, cho về nước Đại-pháp mà học.

Các bậc cựu-thần ở Đông-dương, có mấy viên quí-quan về nghỉ ở bên Đại-pháp, lại có lòng yêu-mến nước ta, mà lập nên ở bên quí-quốc một hội-đồng gọi là « *comité Paul-Bert* » để mà trông nom giúp cho ta những học-sinh ở Paris và ở các tỉnh, khiến việc học hành, và gìn giữ nết hạnh, cho những con-trẻ đi xa nhà, được có người thay cha mẹ mà săn nom cho.

Trong bốn năm, hội sai đi được chín người, chẳng mấy hai người khá nhất trong chín người ấy, phải nạn chết mất, làm thương sót cho lòng cha mẹ anh em, và ngã lòng cho những người lo lắng việc du-học ở đây.

Bởi vậy, hội Du-học lúc mới mở ra thịnh-vượng lắm, mà đến ngày nay, lửa nhiệt-thành của mọi người hình như tắt mất. Có người trong hội đã tưởng nên bãi hội đi, còn bao nhiêu tiền-nong của hội hãy còn (hơn một vạn đồng) đem giao cho hội « Alliance Française » nhờ hội ấy coi quản giùm cho mấy người học-sinh còn ở bên Tây.

Đến khi họp hội-đồng để tan-hội, phải đi mời từng người một, mới họp mặt được hơn 20 người. Đến lúc họp lại với nhau, mới vỡ ra nóng nổi ngao ngán ấy, thì hình như chút lửa nhiệt-thành vùi rập dưới tàn-gio, tự dưng lại bùng lên mà làm cho ai nấy đem lòng nghĩ ngợi, một chốc khó lòng mới gây dựng được nên một cuộc hay như vậy mà nay lại bỏ thì chẳng hóa ra, người an-nam đã thú ra rằng không đồng tâm làm nổi việc gì vững bền hay

sao. Tuy rằng giao lại cho Hội Alliance Française, thì có lẽ hội ấy nhờ có các quan lượng tốt trông nom cho, cũng được việc hơn là lũ chúng ta săn sóc lấy. Song tưởng các quí-quan sẵn lòng giúp-giọp, thì chúng ta cũng phải cố gắng mà tỏ luôn luôn một lòng sốt sắn, lấy sức mình, giúp lấy mình trước, nhiên hậu mới cầu người giúp cho.

Bởi thế hội Du-học không tan nữa, cứ ngay lấy hội-đồng trị-sự mới đặt quan tuần Thân-trọng-Huề, là người hữu tâm với quốc-dân ai ai cũng biết, làm chánh chủ hội. Từ nay nhất định khẳng khẳng lập lại cho hội « *Du học bảo trợ* » được mỗi ngày một thịnh vượng ra, tự-giúp cho kẻ đã đi du-học cho tốt nghiệp, và gây cho mỗi ngày càng lắm kẻ đi.

Tuy rằng ở đây nhờ ơn quan Toàn-quyền Sarraut cũng đã có trường trung-đẳng, mà nguyên các bậc học cũ, thì nay có học thêm ra, cũng chỉ đến trung-đẳng là cùng. Song việc du-học, nhất là việc Pháp-học vẫn là một việc tối-yếu, vì tư-cách người nước ta, tuy phần nhiều học hành không có qui củ nào, nhưng nhân-chất có cao lạ, học bậc nào cũng có người theo nổi, chẳng nhiều thì ít, cũng có đôi ba người. Và tuy rằng cao-đẳng học, trong nước xưa nay không có, nhưng mà dám thượng-lưu theo học-nho, thì những việc tiến-hóa bên Tầu, làm cho nghề nho học cũng nhân đó mà đổi thế đi ; người học nho, theo xem sách Tầu, thấy nước đông-văn tiến-hộ điều gì, cũng khao khát điều ấy, thực là phải nhẽ. Song chỉ ngại một điều, là Tầu nọi học tân-thuật Thái-tây đã vị chữ khó nên lắm điều sai lầm hư hại, mà ta học mượn chữ Tầu, lại sai lầm thêm một lần nữa, thì cái hại về sau, có lẽ thành to. Cho nên dân an-nam nay nhờ nước Đại-pháp dạy dỗ cần phải có cao-đẳng học pháp, để mà đối với cao-đẳng học mới của Tầu, và để khiến cho người ta không tị được rằng : giá thử theo Tầu thì nay cũng nhân được phong-trào mới của Tầu mà theo tiến-bộ.

Nhẽ nữa khiến cho ta phải cho người sang Đại-pháp học, là chẳng những ta cần phải có Pháp-học, mà lại còn phải có Pháp giáo-giục nữa, thì việc khai-hóa của nhà-nước ở đây mới dùng được người bản-quốc mà khai-hóa bản-quốc. Muốn cho người có giáo-giục Đại-pháp, thì không gì bằng cho thiếu-niên ta về Đại-pháp mà học. Ngày hai buổi đi học ở nhà-trường, lúc về thì ở nhà người Đại-pháp, noi theo lấy những gia-tục Đại-pháp, lấy cách ăn ở hằng ngày của người Đại-pháp, lấy tính-nết cần-kiệm, hay làm, có thứ tự, lấy tính ăn ở thực thà ngay-thẳng và khí khái của người Đại-pháp.

Trong khi những bậc thường theo học ở các trường bản-xứ cũng đã đủ mà dùng kiến-thức trong thời buổi bây giờ, thì những bậc có tư-chất trên người, có thể nhân duyệt-lịch những việc Thái-tây, nhân học-thức-cao, mà làm nên, nghĩ nên những việc hay cho nước, phải cho về Âu-châu mà rèn lấy não-chất ấy, mà tu lấy đức-hạnh ấy.

Bởi lẽ đó mà các viên Hội « *Du học bảo trợ* » nghĩ rằng chẳng những không nên tan hội, mà lại còn nên cố gắng rủ nhau cho hội ấy mỗi ngày được thêm thịnh-vượng, thêm đông người ra.

Chắc rằng quan Thân sẽ khéo chỉnh-đốn cho đồng-bào việc ấy, và những người đồng-trí với ngài, cũng như bản-quán đây, cũng hết lòng giúp đỡ ngài, để gây lại cho hội « Du học bảo trợ » được ngày càng thịnh-vượng.

Hôm nọ trong khi họp, các hội viên có trách một điều nghĩ cũng phải.

song cũng nên biết rằng, phàm người ta làm điều gì có bước trước bước sau. Bước trước có sai đường, có vấp ngã, thì bước sau càng lại vững chân.

Người ta trách hội rằng cho người về Tây cốt học theo trung đẳng, để một mai theo cao-đẳng học, mà sao lại chỉ cho vào học mấy trường sư-phạm, tiểu-học, toàn là những khoa có thể học ở tại bản-sứ được. Rồi lại tạ đi nên cho học điều thực-dụng, mà bắt học những công-nghệ thường annam không cần-dùng đến, hoặc là có cần-dùng đến, nhưng học rồi mà không có tư-bản để làm ra, về đến nhà có bằng tốt-nghiệp mà phải đi xin chỗ làm khó được, không ai dùng đến, chẳng những người Annam không dùng được đến mà người Đại-pháp cũng không dùng. Nhà-nước cũng như làm-phúc mà tạm dùng cho, như ban hậu ơn để khỏi phụ công-phu học hành mà thôi, thì học làm gì?

Điều ấy người ta trách, nghe ra thực là phải, nhưng phải biết rằng có thí-nghiệm qua thì mới biết rằng lý tưởng thực-dụng, cũng phải phân ra tổng-quyền thực-dụng, với chấp-kinh thực-dụng.

Mới nghe ra: đầu tiên đi học điều thực-dụng là phải. Thế mà kinh-nghiệm ra, thì muốn cho dân nước ta, xưa nay không có học thực-dụng mà nay học thực-dụng, thì trước phải gây lấy những bậc khiến nổi lòng người. Mà khiến được lòng người một nước trong việc học hành, tất lại phải là những bậc có cao-học, có thể cùng với Nhà-nước giúp việc chính-đốn ở trên mà xuống.

Như việc công-nghệ thì ngày nay nước ta cần-dùng phải có, nhưng mà không phải là tại ta không có học công-nghệ mà không làm công-nghệ.

Nguyên là không có lý-tưởng trọng công-nghệ cho nên không có. Nay muốn cho có, thì trước hết phải gây lấy cái lý-tưởng ấy đã, nhiên hậu mới có người làm, có người làm thì tất mới có người học. Phàm gây được một lý-tưởng như thế, ở trong một đám dân xưa nay chỉ biết làm ruộng với làm quan, thì tất phải những tay có đủ học-vấn mà kinh tế, mà khiến nổi nhân tâm, thì mới giúp được Nhà-nước Bảo-hộ, mà cổ động trong đồng-bào xã-hội, mà khiến cho người An-nam ta theo nghĩa tranh-cạnh đời nay.

Từ nay trở đi hội « *Du học bảo trợ* » nhân điều kinh-nghiệm trước, có ý khiến lại phương-trâm như thế. Dầu hội chẳng đủ lực mà mỗi năm cho đi vài ba người thì mỗi năm cho đi một người; mà mỗi năm một người cũng không được, thì ba năm, mười năm mới gây dựng được một người cũng bõ công hội thế-tất. Nhưng mục-đích của hội cốt phải gây làm sao cho An-nam ta có lấy vài tay thực giỏi, quảng bác, trước thành được tiếng-tăm chung cho cả nước, thì bên Đại-pháp có lẽ cũng phải biết đến dân ta là dân có người tài, là một dân đáng săn nom một cách riêng, sau cũng làm một cái gương cho kẻ khác, một rồi tất có mười, tất có trăm. Không ngại chi bàn dân phần nhiều ngày nay còn học kém tài mọn. Muốn gây cho nhiều người, cốt chỉ gây cho một vài người, chớ có theo nghĩa lầm mà bảo rằng trước phải cho học-vấn chung được tăng lên một đôi chút rồi sau mới gây nên người đại-học quảng bác.

Đó là một điều lầm đã cho ta uổng tiền uổng công nhiều lắm rồi.

V

CHỮ-NHO

Nên để hay là nên bỏ

(Faut-il ou non garder les caractères chinois?)

Có một điều ấy, bao nhiêu người nghị-luận, mà nghị-luận mãi không ra mối, cũng chỉ vì thường cứ hăm bỏ nên bỏ, hay không nên bỏ, nhưng mà để là để thế nào, để ở dân: nên bỏ thế nào, nên bỏ ở đâu, không hay hăm cho dứt-khoát, cho nên cứ bỏ-dở mãi. Người nói rằng bỏ đi là phải, vì học chữ nho mất hàng nửa đời người, mà trăm người học, không được một người hay; học được hay cũng chỉ-ích lấy một mình, không đem ra mà dùng cho đời được nhờ cái học-vấn của mình chẳng qua là một cái thú riêng-dùi mà thôi. Người nói rằng để lại là phải, vì nào-chất của người an-nam đã mấy mươi đời nay nghiên bằng đạo Khổng-Mạnh: phong tục, tính tình, luân-thường, đạo-lý, đều là ở đạo Nho mà ra cả. Vả lại tiếng an-nam ta nói, nước có nửa phần do ở chữ-nho mà ra. Lại nói rằng lối học nho là một lối, tuy không tiện, nhưng mà muốn bỏ đi, thì phải có lối nào mới, tiện hơn mà đem thế vào. Nay lối mới chưa nghĩ được tuyệt-diệu, mà đã bỏ đi thì ra bỏ cái nền cũ, mà chưa có cái gì mới thay vào sót cả.

Hai bên nói như thế, nghe ra cũng phải cả, thế mà cứ nói mãi, thì ra kéo dài trong trăm năm một câu truyện dằng-co.

Trước hết tưởng hãy nên phân ra hiện việc học của người an-nam, ngày nay có mấy lối, mấy đẳng; đẳng nào nên để cho học chữ-nho, mà đẳng nào nên bỏ chữ-nho đi.

Sau lại nên xét xem chữ-nho bây giờ đối với dân ta, đối với việc học của người an-nam, thì là thế nào, là cái gì?

Giả-nhời rằng: chữ-nho là một lối văn-tự cũ của nước Tàu, là một nước cho ta mượn văn-minh, phong-tục, tính-tình; chữ ấy sang đến nước ta, đổi cả cách đọc, đổi cả lối dùng, mà lại thấm nhiễm vào tiếng-nói của nước ta; lại thành ra một thứ văn riêng của đám thượng-lưu ta dùng, tuy là mượn của Tàu, mà có điệu riêng, hay dở không giống như hay dở văn Tàu.

Thế thì cái địa-vị chữ nho ở nước ta cũng khác nào như địa-vị chữ la-tinh ở bên nước Đại-pháp.

Dẫn ra như thế rồi, thì muốn giải cái vấn-đề: nên để hay nên bỏ chữ nho? cứ việc xem bên nước Đại-pháp đãi chữ la-tinh thế nào, thì ta nghĩ ra được ngay cách nên đãi chữ nho như thế.

Bên Đại-pháp, chữ la-tinh là gốc phần nhiều tiếng-nói nước nhà, văn-chương dựa lối la-tinh, cho nên ai học khoa ngôn-ngữ, các bậc vào cao-đẳng học, phải học tiếng la-tinh, phải nghiên văn-chương có la-tinh; ngôn ngữ văn-từ bên Tây mà pha tiếng la-tinh vào, cũng như bên ta người nói nôm thỉnh thoảng pha mấy câu chữ-sách. Còn người làm ăn, đi học qua bậc sơ-đẳng gọi là biết đủ nhân-cách, biết đọc, biết viết, thì tuy rằng tiếng nói của mình do tiếng la-tinh mà ra, nhưng không cần phải biết chi đến gốc rễ xa xôi ấy. Không ai dám bảo rằng: không học tiếng la-tinh thì không học được tiếng Đại-pháp bao giờ.

Thế thì chữ nho đối với tiếng an-nam mình cũng vậy.

Ai chuyên học văn-chương, tuy rằng phải gây cho an-nam mình có văn-chương riêng, nhưng mà cũng phải học

lấy cái văn-cũ, phải biết lịch-sử văn-chương của nước mình, phải biết gốc tích tiếng nói mình, thì mới hay được, thì mới gây được cho văn mình mỗi ngày một hay lên. Trong tiếng ta nhan-nhản những chữ-nho, dùng đến những chữ ấy, mà chẳng sao đừng dùng được, tất phải học tận căn-nguyên nó, mới biết hết nghĩa nó được, về sau có làm tự-vị, tự-điển tiếng an-nam, thì mới có cách biện-nguyên mà cắt nghĩa từng tiếng cho đủng được.

Còn những người thường, con nhà làm-ăn đến tuổi cho vào trường sơ-đẳng học (mới định nhưng thực còn chưa có) cốt để học lấy biết đọc, biết viết, biết lễ phép, phong tục, địa-dư, cách-trí mỗi thứ mỗi người gọi là phải biết qua-la một đôi chút, cho người nó khỏi như lũ xá-dại, ngây ngô chẳng biết chi chi. Hạng ấy thì cho học chữ-nho mà làm gì? Nhân-thân hạn sơ-đẳng học có ba năm giời, mà lại còn chiếu tục cũ, bắt học thêm chút chữ nho, thì thực là làm uổng thì-giờ của trẻ con, không được việc gì. Chữ nho không phải là một lối chữ học gọi-là được. Đã biết phải biết hẳn, không biết thì thôi; biết răm ba chữ, học một vài năm, thì có biết được mấy chữ cũng không được việc gì.

Chớ có nói rằng, trong tiếng nói an-nam có nhiều chữ nho, thì phải bắt trẻ học lấy vài ba chữ nho. Phàm chữ nho nào đã lẫn vào với tiếng-nói thông-dụng, thì là những chữ thành ra tiếng an-nam rồi, dẫu không học sách nho cũng biết nghĩa nó là gì.

Có kẻ bảo rằng nếu không cho trẻ học chữ-nho nữa, thì nay phải cho học ít nhiều tiếng Đại-pháp. Ấy cũng là một cách làm cho con trẻ mất thì-giờ vô-ích.

Việc học ta ngày nay nhà-nước đã phân hẳn ra làm hai lối. Một lối Pháp-việt-học để cho trẻ con ta học chữ Pháp, có từ sơ-đẳng cho đến chung-đẳng học. Nhà ai có con muốn học tiếng Đại-pháp, học-thuật Đại-pháp, văn chương Đại-pháp, thì đã có trường Pháp-việt. Tùy gia-tư mà theo học, muốn cho biết gọi-là để đi làm việc, hoặc là để buôn bán giao-thiệp với người Đại-pháp, thì cho vào các trường Pháp-Việt sơ-đẳng học, xong sơ-đẳng rồi, lại còn một khoa học lấy tốt-nghiệp nữa. Ai có của, muốn cho con học theo lối Đại-pháp, cũng được thì tùy-tài, thì đã có trường trung-đẳng mới mở ra ở Hà-nội, học phải mất tiền, muốn vào hạng học-sinh, một ngày hai buổi đến học cũng được; muốn vào hạng lưu-học-sinh, ăn ngủ ở trường mà học cũng được.

Lối thứ hai là lối học riêng của dân An-nam, đặt ra cho phần nhiều, cho trẻ con các nhà-quê, thực là một lối mới, xưa nay không có, vì lối học nho ngày xưa, không phải là một lối học phổ-thông, thực là một lối học đi làm quan Tàu, với cũng như lối Pháp-việt học bây giờ là lối học đi làm việc với nhà-nước Đại-pháp. Nhưng ai cũng muốn làm quan cả, cho nên ngày xưa đua nhau học nho thế nào, từ nay giờ đi đua nhau vào học lối Pháp-việt cũng thế.

Còn lối học riêng mới, cũng đặt ra tiểu-học, trung-học, lấy quốc-ngữ làm gốc, mà học cách-trí, vệ-sinh, địa-dư, phong-tục, mỗi thứ một đôi chút, để gây cho lấy nhân-cách của phần nhiều người trong dân An-nam, thì xét ra thực là một lối nhà-nước Bảo-hộ mới gia ân đặt ra, không kị được với lối học nho cũ, mà cũng không kị được với lối học Pháp-việt.

Trong lối học ấy, có hai bậc, một bậc sơ-đẳng để cho trẻ-con mới lớn lên, học lấy biết gọi-là mỗi thứ một chút. Trong bậc ấy, học có ba năm, tưởng không nên dạy chữ-nho, mà cũng không nên dạy chữ Pháp một tí nào. Còn bậc trung-đẳng, để đi thi cử, để nên những bậc có tài riêng an-nam ngày sau, chẳng phải hay chữ nho, mà cũng chẳng phải thông chữ Pháp, thực là những người thông chữ Ta, thì phải có học chữ Nho và chữ Pháp, chữ nho để mà am hiểu lịch sử nước mình, văn-chương nước mình, do ở đó mà ra; chữ Pháp là chữ của nước Bảo-hộ ta ngày nay, là chữ của ông thầy mới, mình trông mong mà học lấy thuật hay.

Nhà-nước Đại-pháp đặt thêm ra lối học ta ấy, thực đã tỏ ra lòng ngay thực với ta, muốn cho ta giữ được mãi quốc-thuý, vì nên nhà-nước cứ bắt ta học chữ Đại-pháp mới được làm quan làm việc, thì các ta cũng phải vì lợi mà theo học cả, như là ông cha ta ngày xưa vì lợi mà theo học nho.

Nhà-nước định ai có bằng tuyển-sinh mới được vào trường Pháp-việt ấy là giữ cho dân thế nào cũng phải theo lối học ta làm gốc trước đã, thực là đặt ra lối quốc-học, mà lại khiến cho người trong nước phải học theo quốc-học.

Trung-đẳng học ta thì nên bắt học cả chữ nho và chữ Pháp, nhưng Pháp việt-học, thì lại nên bỏ dứt chữ nho đi. Lối học ta mới, còn gần lối học nho ngày trước, cho nên học chữ nho được kỹ. Mà chữ-nho đã học không học dồi được, ở các trường Pháp-việt mà đem dạy chữ nho thì dạy buổi nào, học-trò thiệt mất buổi ấy. Phàm con-trẻ an-nam đã vào học Pháp-việt, toàn là đi học cướp-gạo cả, chỉ muốn cho chóng thông tiếng Đại-pháp mà đi làm việc hoặc để buôn bán với người Đại-pháp. Họa là mới có một hai người, học tiếng Đại-pháp để mà, tốt-nghiệp chi hậu, lại còn chăm vào việc học cho quán thông lịch-sử, luân-lý cũ nước Nam. Bởi thế ở các trường Pháp-việt, cứ hôm nào đến phiên mấy thầy giáo chữ nho dạy, thì học-trò cho như là một buổi phải nghỉ, ngồi mà ngủ gật, trong khi thầy giáo viết lên bảng những bài học nhỡ-nhàng, dễ quá cho kẻ biết rồi, khó quá cho kẻ chưa biết.

Tổng kết lại, thì chữ nho chỉ còn nên giữ lại để mà dạy ở khoa trung-đẳng nam-học mà thôi, đợi mai sau khi nào có cả khoa cao-đẳng nam-học, hoặc khoa ngôn-ngữ văn-chương ở cao-đẳng, bây giờ mới lại có nơi khác phải dùng đến chữ nho.

Bây giờ trẻ con xin nhất quyết đừng cho học chữ nho nữa, mà các trường Pháp-việt cũng xin bỏ lối dạy chữ nho đi.

V.

Chữ Quốc-ngữ

Số 33 — (*Le Quốc-nhữ*)

Chữ quốc-ngữ tuy rằng có mấy nơi khuyết-điểm, có mấy chỗ không-tiện, song đ với chữ-nôm ta, và chữ-nho thì thực là một lối tiện quá rồi, cho nên ai cũng đành cả rằng cứ nên để y như vậy mà dùng.

Mấy năm nay có người bàn cách sửa đổi chữ quốc-ngữ cho phải lẽ, nhưng mà chẳng lý nào bằng thói-quen của người ta, cho nên tuy đã có nghị-định y lối *Kuốk-ngữ tân-thức*, mà không ai chịu theo, tân-thức lại mang tiếng oan rằng khéo vẽ với cho nhiễu-sự.

Nay bản-quán lấy việc cổ-động cho chữ quốc-ngữ làm chủ-nghĩa, tưởng cũng nên đem hết các khuyết-điểm, các nơi không tiện ra mà bàn lại, chẳng dám đem cách nào mới mà xin thế vào lối cũ, sợ thiên-hạ lại bảo vẽ với, song cũng nên bàn các nơi bất-tiện ra để ai nấy lưu-tâm vào đó, thì để có ngày tự-dưng chẳng phải ai bàn mà chữ quốc-ngữ tự đổi dần dần đi.

Trước hết chữ quốc-ngữ không biết bởi ai mà thành ra, nhưng quyết được rằng những người dùng đầu-tiên, không phải là người Đại-pháp. Ý hẳn là bởi mấy ông cố-đạo Bồ-đào-nha đến đất Nam-kỳ từ đầu XVII thế-kỷ, cho nên nhiều vần không giống vần Đại-pháp. Sự ấy đến ngày nay thành ra khuyết-điểm. Vì giả thử chữ quốc-ngữ đặt theo vần Lang-sa, thì người học chữ quốc-ngữ vừa học được vần Lang-sa nhân thể mà trong văn quốc-ngữ giả có lộn tiếng Lang-sa vào, cứ viết theo cách Lang-sa ai ai cũng đọc-được. Chẳng may vần Lang-sa khác, cho nên những tiếng Lang-sa viết lộn vào văn quốc-ngữ, như là các tên người, tên các xứ, những tiếng cho các thứ đồ vật ta không có tên, phải dùng tiếng tây, thì không mấy người đọc được, muốn cho người ta đọc-được, lại phải dịch vần Lang-sa ra vần quốc-ngữ, nghe nó ngộ nghê khó chịu quá mà lại sai mất cả cách viết, mà trong tiếng Lang-sa, thì cách viết là một điều quan-hệ, như chữ *l'on (là người ta)* mà dịch lại ra vần quốc-ngữ *lông* thì có lẽ lẫn với tiếng *long (là dài)*, thì khác nào như chữ nho viết lẫn chữ 之 (*chi*) ra chữ 支 (*chi*).

Vì thử vần quốc-ngữ mà đặt theo vần Lang-sa thì có lẽ tránh được cái phiền phải đặt 2 chữ mới như chữ ơ và chữ ư. Chữ u Lang-sa thì đáng lẽ dùng tạm làm chữ ư quốc-ngữ còn chữ u quốc-ngữ thì vần tây viết ou.

Nghe đâu có mấy ông Tây dùng lối vần tây mà viết tiếng an-nam, chỉ thêm nấm dấu, thế mà dạy các quí-quan học tiếng ta tiện lắm.

Tôi ước ao rằng một ngày kia sẩy ra một lẽ gì làm cho lối mượn vần tây ấy thành ra lối *quốc-ngữ trung thực* thực điệu. Chỉ ước như thế chứ không dám bàn, vì một lối chữ đặt ra lúc nào không ai biết được, vì cớ gì mà theo lẽ nào cũng không phỏng định được, lúc tự-dưng nó đổi đi, xong rồi mới biết được nhờ tại làm sao, chớ ai có nên bàn cải thể thức một lối chữ, một tiếng nói, một văn-chương.

Còn như chữ quốc-ngữ có mấy điều người Bắc-kỳ ta tưởng rằng bất-tiện nhưng tôi đã nghiệm ra ở Trung-kỳ và ở Nam-kỳ thì thực là nên để như vậy.

Như những tiếng nên viết ch hay là tr ngoài Bắc ta thì không phân biệt chút nào, nhưng ở Nam-kỳ thì thật có phân biệt. Như con *trâu* mà viết làm *châu* (hạt châu), thì người Nam-kỳ không hiểu. Xét kỹ ra, thì sự phân biệt ấy có chữ quốc-ngữ rồi mới phân biệt, chớ không phải vốn vẫn phân biệt. Nghĩa là ngày xưa trong cách đọc cũng

có một cách đọc ch không uốn lưỡi với một cách đọc nặng **tr**, nhưng mà cách đọc khác nhau ấy không làm cho một tiếng khác nghĩa đi. Về sau có chữ quốc-ngữ rồi, đặt thành tự-vị, thì người sau theo người trước, mà lấy cái tình cờ làm ra một cái lệ, đến ngày nay quen mắt quen tai đi rồi, người nông nổi tưởng là vốn tiếng Nam-kỳ ngày xưa con trâu phải đọc nặng mà hạt châu phải đọc nhẹ. Việc này tôi đã thí nghiệm ở người không biết chữ quốc-ngữ thì thực họ không phân, chỉ có mấy người biết chữ quốc-ngữ thì cho cách phân biệt ấy là một cách của người có học. Sự này tôi đã có ý nghiệm từ Thanh-hóa vô tới Quảng-nam và ở Sài-gòn.

Còn như chữ **s** với chữ **x** thì cũng vậy. Ngoài Bắc với trong Trung-kỳ thực không phân. Còn Nam-kỳ thì bảo chữ **s** phải đọc uốn lưỡi như chữ **ch** tây, còn chữ **x** thì đọc như chữ **s** tây.

Chữ **gi** chữ **d**, chữ **r** thì ở Bắc-kỳ ta không phân, còn ở Nam-kỳ và Trung-kỳ phân biệt được chắc chữ **r** mà thôi, còn **d** với **gi** cũng đọc như chữ **y**, mà không mấy người biết chắc được tiếng nào đáng viết **d** hay **gi**.

— — —

Xét ra những cách phân biệt đó, tuy là có quốc-ngữ rồi mới sinh ra, (trừ ra chữ **r** thì nguyên bao giờ Trung-kỳ với Nam-kỳ cũng vẫn có) nhưng mà tưởng những cách phân-biệt ấy cũng làm cho tiếng an-nam thêm rõ ra được một đôi chút. Bây giờ ta cứ cho như vốn vẫn có cũng chẳng sao, mà những người dùng chữ quốc-ngữ sau cũng nên theo người dùng chữ quốc-ngữ trước.

Trong cách hai xứ đàng trong đàng

ngoài dùng chữ quốc-ngữ, lại còn một điều ngộ nữa, là đàng ngoài ta thì không phân biệt khai-khẩu âm, như **d, gi, r, ch, tr**, mà đàng trong thì lại hay lẫn bộ khẩu-âm.

Như *can* thì người Nam-kỳ hay đọc lầm viết lầm ra *cang*, mà có chữ phải viết có chữ **g**, (giọng mũi) về sau người Nam-kỳ lại yên trí rằng an đọc là ang thì bỏ chữ **g** đi. Như trong sách quốc-ngữ Sài-gòn, nhiều chữ *phang-kè* viết là *phan kè*; kính trình chư vị đáng *tòn*, (*tòn* Bắc-kỳ ta là *tường* đáng lẽ phải viết *tòng*). Khách *sạn*, trong ấy viết khách *sạng*.

Tài sắc, viết lầm là tài *sắt*,

Mà *sắt* đanh thì lại viết lộn là *sắc* đanh.

Bao nhiêu tiếng mũi dài, Nam-kỳ theo cách đọc sai, viết ra tiếng vắn: Như *cái bình* viết theo cách đọc ra *bìn*. *khánh*, viết là *khân*.

Trong vần Nam-kỳ có mấy vần ngoài Bắc ta không có, như vần *ươ* (thuở) *ươi* (thuởi) *ươn* (ngươn) *ươt* duợt). Ngoài ta thì bốn tiếng ấy đọc và viết *thuở*, *thoải*, *nguyên*, *duyệt*.

Vì chữ quốc-ngữ ở Nam-kỳ trước lại còn khuyết mất mấy vần đáng lẽ quốc-ngữ có đủ mà hóa ra không có. Như tiếng bo*ng* (chuông kêu) đáng lẽ viết ***bong*** mà hóa không được vì ***bong*** đọc là bong (vần *phong*). Chính lẽ thì *bong* là *bong-ra* phải viết ***bonh***, mà *bong* thì là tiếng chuông kêu; ***ông*** đáng lẽ phải viết ***ônh***. *Ong* thì lại đọc phải lẽ.

Đó là mấy nơi khuyết trống nên nhớ mà đợi khi nào có dịp thì sửa đi.

Dịp ấy là dịp nào, không ai nói được.

V.

PHỤ LỤC

ĐỀ IV

Anh (chị) hãy kể những điểm khác nhau giữa văn học mới với văn học cũ, để tìm xem nhóm Đông Dương Tạp Chí đã góp được những phần nào trong cuộc thoát xác văn học hồi đầu thế kỷ này.

NHẬN XÉT

Bài có hai phần rõ rệt, theo như đầu bài đã phân tách. Ta có thể tách thành hai phần khác nhau, hoặc là hòa hợp hai phần làm một (hòa hợp hai phần làm một, có thể sẽ làm cho bài linh động hơn, tự nhiên hơn, nhưng khó viết).

Ngoài ra, bài này chỉ đòi hỏi kể ra những tài liệu, kể ra cho giản dị, gọn gàng, rõ rệt và đầy đủ. Tuy nhiên, ta cũng có thể thêm một ít lời phê bình.

DÀN BÀI

Mở đầu.— Báo trước đại ý trong bài.

Thân bài.—

1.— **Những điểm khác nhau giữa văn học cũ và văn học mới.**

a) ngôn ngữ, văn tự.

b) về văn chương.

— những quan niệm đại cương về văn chương.

— những thể văn (một dàng là văn vần và biền văn, một đàng là văn xuôi.)

— tính chất hai loại văn chương cũ và mới (một dàng chật hẹp, một đàng rộng rãi), một đàng hoa mỹ, cầu kỳ, một đàng tự nhiên mà đầy đủ).

c) về tư tưởng và phạm vi.

— tính cách từ chương và tính cách thật tế.

— vấn đề học thuật.

— phạm vi.

2.— **Nhóm Đông Dương Tạp Chí góp phần xây dựng nào và bằng những công cuộc gì.**

a) công việc phổ thông chữ Quốc Ngữ và xây dựng tiếng nói. Gây phong trào yêu quốc văn.

b) công việc dịch, nêu ra những thể văn mới, những tư tưởng, những chân trời mới mà văn học có thể khai thác.

c) những ảnh hưởng vào tư tưởng và phạm vi trong văn học mới. Vị-trí văn học cũ.

3.— Ít điều nhận xét.

a) những điểm đã làm đúng.

b) những thiếu sót và những do dự.

Kết luận.— Bình luận tóm tắt về công cuộc của nhóm Đ.D.T.C.

BÀI LÀM

Mở đầu.— Nền văn học Việt Nam đã gặp một cơn biến đổi lớn lao trong thời kỳ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nguyên do chính là có cuộc tiếp xúc với văn hóa Âu Tây. Ngoài ra, lại phải kể đến ảnh hưởng của những văn gia tiền phong, đã biết nhận định đến sở trường, sở đoản của hai nền văn học Đông và Tây, để cố tạo ra một nền văn học mới.

Thân bài.—

Cuộc biến đổi thật là lớn lao, nếu chúng ta so sánh hai nền văn học cũ và mới với nhau. Nhiều lúc, chúng ta tưởng chừng như nền văn học hiện đại hoàn toàn cách biệt với nền văn học cổ.

A.— Những điểm khác nhau, thật vậy, rất là nhiều, và về nhiều phương diện.

a) trước hết là văn tự đã đổi khác hẳn. Từ lối chữ Nôm, viết theo chữ Nho, đến lối chữ viết bằng cách dùng mẫu tự La Mã để phiên âm, thật là hoàn toàn khác hẳn. Cuộc đoạn tuyệt thật sự với văn tự cũ đã có một cái lợi rất lớn, vì nhờ chữ Quốc ngữ dễ học, dễ viết, dễ phổ thông, mà phong trào yêu Quốc Văn đã phát khởi được và nền văn học mới bành trướng.

b) nền văn học mới bành trướng bằng lợi khí chữ mới, mà chữ mới lại chỉ phiên âm tiếng Việt, cho nên tự nhiên là tiếng Việt đưa lên ngai vàng văn học, và chữ Hán bị truất quyền. Văn học cũ, từ ngày ta lệ thuộc Tàu, vẫn cứ mang nặng cái thói « trọng chữ Nho, khinh chữ Nôm », mấy cuộc đổi mới không sao dứt đi được. Thậm chí cho đến đơn xin, thư gửi, cũng đều viết

bằng chữ nho cả. Chỉ có một số ít văn gia, thi sĩ nhất quyết dùng văn nôm làm thơ, được một số người tán thưởng, nhưng lại bị số đông các cụ Nho cho là « nôm-na mách quê ».

Dùng chữ Nho để viết, phạm vi văn chương và phổ biến văn chương đã thâu hẹp rồi, thế mà các cụ cổ lại còn tự hạn chế trong các thể văn. Các cụ chỉ viết những thể văn vần, thơ, ca, phú, — ngoài ra chỉ dùng thêm lối văn biền ngẫu, cũng là một thứ văn có vần điệu, để viết những bài kinh nghĩa, tứ lục, không có văn xuôi. Khuôn khổ thể văn như thế, thành ra bó buộc, chật hẹp, không diễn tả được cũng không chân xác và không tự nhiên. Làm thơ và làm văn biền ngẫu đã là một cách chơi chữ rồi, và đã chơi chữ thì văn không tự nhiên được.

Văn học mới dùng đến lợi khí là chữ Quốc Ngữ, lại chuyên chú đến tiếng Việt, cho nên đã mở ra một con đường rộng thênh thang nhờ biết xử dụng văn xuôi. Nhờ văn xuôi, mới viết được giản dị, linh hoạt, chân xác, và diễn ra hết ý nghĩ. Nhưng đừng tưởng cứ nói được là viết được văn xuôi. Đừng tưởng viết văn xuôi dễ: viết văn xuôi muốn hay, cũng phải biết mọi cách dụng văn, biết những nghệ thuật làm văn, biết hợp lời văn với hoàn cảnh, biết viết cho đúng văn pháp, biết tạo nên sự sinh hoạt giản dị biết dùng tiếng cho chân xác, v.v... Mỗi người viết văn xuôi lại phải tạo ra một giọng, điệu khác nhau, để có một cái đặc sắc riêng của mình.

Nhờ có văn xuôi, nên văn chương được diễn ra dưới nhiều hình thức : tiểu thuyết mọi loại, kịch, phê bình, văn châm biếm, văn báo chí, văn dịch, nghiên cứu, v.v... Bên cạnh văn xuôi, thơ mới cũng cố dành một chỗ ngồi. Nhưng tuy đã thoát ra khỏi nhiều cái gò bó, thơ mới vẫn không thể nào theo kịp văn xuôi đã tràn ngập trong văn học mới.

Cuộc cách mạng văn học đã đem lại cho chúng ta một lối văn giản dị, tự nhiên, đầy những đặc sắc, để

thay thế cho lối văn cầu kỳ, hoa mỹ, lắm điển cố, và kém tự nhiên của các cụ cổ đã dùng.

c) chữ Quốc Ngữ, lối văn xuôi bình dị và tự nhiên và cuộc đụng chạm với Âu Tây, cũng làm đảo lộn luôn cả tư tưởng và trường hoạt động trong văn học nữa.

Trước kia, văn học ta chỉ trọng từ chương mà bỏ thật tế. Ngày nay, văn học mới đã quan niệm rõ sứ mệnh của mình là phụng sự cuộc sống của con người, cho nên nó trở nên thật tế. Văn gia, thi sĩ ngày xưa thường lấy văn chương làm thú tao nhã riêng, thì văn gia, thi sĩ ngày nay lấy văn chương để tranh đấu và phụng sự. Xưa, người ta ưa tả những mối tình riêng; nay, người ta quan sát, nghiên cứu những cảnh vật thật tế, những hình thức thiên hình vạn trạng của cuộc sống trong xã hội, để mà khen, mà chê, mà bình luận, mà cải đổi. Và cũng vì vậy nên chúng ta không còn nhắm mắt tin tưởng rằng học thuật của Trung Hoa là hơn hết; chúng ta nhìn rộng ra thế giới, tìm hiểu học thuật ở các nước. Chúng ta cũng chăm chú xây dựng cuộc sống của dân ta, cho nên triệt để nói đến nước nhà, khơi ra tất cả những cái hay để mà biểu dương, và bươi móc những cái dở để mà trừ diệt. Chúng ta ngày nay không còn nhắm mắt tin ở cổ nhân, để làm mai một tất cả trí sáng kiến và chận đường cuộc tiến hóa. Chúng ta nhìn đến cuộc sống thật tế, chú ý đến kinh tế, chính trị, những cuộc tìm tòi khoa học, để mở đường tiến.

Tuy thế, ta cũng chưa có đi sâu vào con đường thật tế của Tây Phương để trầm mình vào vật chất. Ta vẫn còn phải cố duy trì nền tảng học thuật Đông Phương để giữ thân mình và duy trì căn bản tốt cho xã hội,... Công việc này cũng như công việc mở đường tiến hóa, đã do những nhà tiền phong hồi đầu thế kỷ chủ trương. Trong số những nhà tiền phong đó, có các văn gia trong nhóm Đông Dương Tạp Chí.

B.— Nhóm Đông Dương Tạp Chí đã làm những công cuộc gì và góp những phần xây dựng nào cho văn học mới? Xét những phát triển của văn học mới khác với văn học cũ, và xét những công trình dịch và sáng tác của nhóm Đông Dương Tạp Chí, chúng ta có thể nhận thấy nhóm đó đã góp những phần xây dựng rõ rệt.

a) chúng ta có thể nói rằng văn gia trong nhóm đã là những người đầu tiên viết văn xuôi bằng chữ Quốc-ngữ. Thật vậy, trước mấy ông, ở Bắc Việt không có ai xử dụng chữ Quốc-ngữ với một chương trình rõ rệt, để dễ xướng một công cuộc thật sự. Chỉ có nhóm ông Vĩnh, với 3 văn gia then chốt, đã dịch sách liên miên trong mấy chục năm trời, gây nên một phong trào phổ thông cho Quốc ngữ, và làm cho mọi người yêu Quốc Văn. Nhóm ông Vĩnh lại cố ý dịch những sách thật phổ thông (đây là điều khác với nhóm Nam Phong của ông Phạm Quỳnh) để cho ai nấy đều hiểu được, kể cả những giới bình dân.

Không những làm cho chữ Quốc ngữ phổ thông, nhóm Đông Dương Tạp Chí còn xây dựng tiếng Việt. Công cuộc xây dựng này không phải là không khó công, chứng cớ là ông Nguyễn Văn Vĩnh đã mò mẫm lâu dài, mới thoát được khỏi lối văn ngây ngô tối nghĩa, để tạo nên lối văn giản dị, dễ hiểu, lại chân xác, phong phú và có văn pháp rõ ràng. Hai ông Nguyễn Đỗ Mục và Phan Kế Bính cũng phải khổ công trình mới thoát được những thói quen dịch văn dựa theo cú pháp Hán. Nhờ công cuộc dịch văn, nhóm Đông Dương Tạp Chí cũng đã tìm ra được nhiều tiếng, đồng thời khám phá lại những thành ngữ và những cái phong phú của tiếng Việt từng bị mai một đi vì không được dùng đến... Trong việc xây dựng tiếng Việt, nhóm ông Vĩnh lại chú tâm tạo những lối đặt câu giản dị và dễ hiểu, khác với lối đặt câu nghị luận của nhóm Nam Phong. Chính lối văn đó đã ảnh hưởng nhiều đến các tiểu-thuyết gia về sau.

b) ông Vĩnh và các văn hữu đã dịch nhiều loại sách. Ông Vĩnh dịch các tiểu thuyết Âu Tây, chia ra nhiều loại. Tiểu thuyết tâm tình với văn nhẹ nhàng, tiểu thuyết phiêu lưu với văn hấp dẫn và tình tiết ly kỳ, tiểu thuyết có nghị luận. Ông còn dịch loại chuyện cổ tích, loại thơ ngụ ngôn, kịch, văn nghị luận. Ấy là ông cố ý nêu ra những thể văn mới để giới thiệu với người đọc, và như mách bảo những thể văn chương mới cho người viết. Thật thế, trước các sách dịch đó, người ta thấy ngay rằng không phải chỉ làm thơ với phú là làm văn, mà còn bao nhiêu cách khác nữa tự nhiên hơn và hay ho hơn. Văn học nhờ thế mà mở rộng phương tiện.

Qua những sách dịch, người muốn làm văn đều đã nhận thấy phải dụng văn như thế nào, tả tình, tả cảnh, kể chuyện, đối thoại, nghị luận, châm biếm, bố cục. Mỗi loại có những lối dụng văn khác nhau, nhận xét thấy rồi rút kinh nghiệm viết.

Nhờ những cách dụng văn, những thể văn mới ấy, mà chân trời văn học mở rộng ra. Dần dần, người ta nhận thấy, cùng một mục đích phổ biến một học thuật nào, mà người ta có thể dùng mọi lối văn, mọi thể văn, mỗi thể một đặc sắc.

c) không những chân trời mở rộng về các phương tiện làm văn, mà còn mở rộng về phần tư tưởng, về nội dung của văn chương. Những hài kịch chửi đời của Molière, những tiểu thuyết tâm lý và xã hội của Balzac, Hugo, mà ông Vĩnh dịch lại, mở đường cho người ta đến sự nhận xét xã hội, đến những khía cạnh thật tế của cuộc sống. Cũng như trong các tiểu thuyết ấy, người ta sẽ nhận thấy trong văn học mới, nên đề cập đến mọi giới người, giàu cũng như nghèo, sang cũng như hèn, đến mọi cảnh sống, đến các yếu tố chính trị, kinh tế, khoa học, đến cảnh vật thật tế bên ngoài. Người ta cũng thấy rằng trong văn chương, cái xấu, cái đẹp, cái dơ bẩn, cái trong sạch, kẻ anh hùng, người bần tiện, đều đáng chú trọng như nhau.

Do sự làm quen với các văn phẩm Âu Tây, người

ta mới để ý tìm tòi thêm, nhận xét, lý luận, phẩm bình và do đấy mới biểu lộ ra trăm nghìn sắc thái của xã hội và dân tộc. Thật quý giá biết bao.

C.— Nhận xét

Tuy nhiên, văn học trong đà tiến hóa của nó không thể thả lỏng như con ngựa không cương. Văn hóa nào cũng có những sở trường, sở đoản của nó, nên cũng cần phải tránh những tệ hại mà văn hóa Tây phương gây ra. Vì vậy, nhóm Đông Dương Tạp Chí cũng đáng tán thưởng ở chỗ vừa bố trí bước tiến của văn học, lại vừa lấy tinh thần Á Đông mà kềm chế và tránh những tai hại. Vì đã có những sự thận trọng như vậy (do công cuộc của các ông Bính và Mục), cho nên những hành động mở đường cho bước tiến là việc làm rất phải.

Nếu có gì đáng tiếc, chỉ là ở chỗ nhóm Đông Dương Tạp Chí còn những thiếu sót và có những do dự. Có người đã trách rằng nhóm ông Vĩnh đã mở đường tiến, mà chỉ chú trọng đến mấy cuốn tiểu thuyết không có ích cho lắm, và quên mất phần học thuật. Học thuật Âu, Á, cùng với mọi yếu tố đã làm cho nhiều nước trở nên văn minh, không được nhóm Đông Dương Tạp Chí chú tâm phổ biến. Nhóm ông Vĩnh lại có cái do dự lớn, là không nêu ra rõ ràng, không tích cực chọn lọc những cái hay của hai nền văn hóa để hợp lại. Tờ Đông Dương Tạp Chí chỉ đưa ra những tài liệu, rồi để tùy mọi người đọc cân nhắc và nhận định.

Kết luận.—

Nhưng ta cũng không thể hi-vọng một sự hoàn hảo tuyệt đối ở trên đời. Nhất là vạn sự khởi đầu nan: nhóm ông Vĩnh hoạt động đầu tiên ở Bắc Việt, kể từ ngày Pháp sang đây, trong mục đích xây dựng văn học mới, tất nhiên phải thận trọng. Nội công việc gây phong trào yêu quốc văn cũng đáng quý rồi, huống chi nhóm lại còn xây dựng tiếng Việt thành cơ-ngũ, nêu ra các thể văn mới, mở ra những chân trời văn học mới và sưu tầm những tài liệu văn chương cổ... thế cũng là quý lắm rồi.

MỤC LỤC

	ĐDTC Số / NGÀY	TRANG
- Lời nói đầu : Thế kỷ XX là Thế kỷ Cách Mạng Đổi mới thành công ở nước ta.		1÷4
- Đông Dương tạp chí đưa dân tộc ta vào cuộc Đổi mới học tập, nâng cao dân trí		7÷17
- TUYỂN TẬP SỐ 3 : 21 bài ĐDTC 1913 về Khai dân trí.		
1. Chữ nghĩa	ĐDTC Số 2 22/5	19÷21
2. Học hành	— Số 2 —	21÷22
3. Học cũ học mới	— Số 5 12/6	23÷24
4. Quốc ngữ nguyên huấn	Số 9 10/7	25÷27
5. Văn chương An Nam	Số 9 10/7	27÷29
6. Công luận về viết tên riêng	Số 7 26/6	30÷32
7. Công luận về cách dịch tiếng triết lý	Số 10 17/7	32÷34
8. Gã đầu trẻ I	ĐDTC Số 20 6/10	35÷36
9. - - - - II	— Số 21 13/10	36÷37
10. - - - - III	— Số 22 20/10	37÷38
11. - - - - IV	— Số 23 27/10	38÷39
12. - - - - VI	— Số 25 10/11	40÷41
13. - - - - VII	— Số 26 17/11	41÷43
14. - - - - VIII	— Số 27 24/11	43÷44
15. - - - - IX	— Số 28 1/12	44÷45
16. - - - - XI	— Số 30 15/12	45÷47
17. - - - - XII	— Số 31 22/12	47÷48
18. - - - - XIII	— Số 32 29/12	48÷50
19. Luận về du học	— Số 30 15/12	50÷52
20. Chữ nho nên để hay bỏ	Số 31 22/12	53÷55
21. Chữ Quốc ngữ	— Số 32 29/12	56÷59
- PHỤ LỤC : Nhóm ĐDTC của Trần Việt Sơn Đề IV ĐDTC đã góp được những gì vào cuộc Đổi mới văn học đầu thế kỷ XX		60÷67
- MỤC LỤC		68

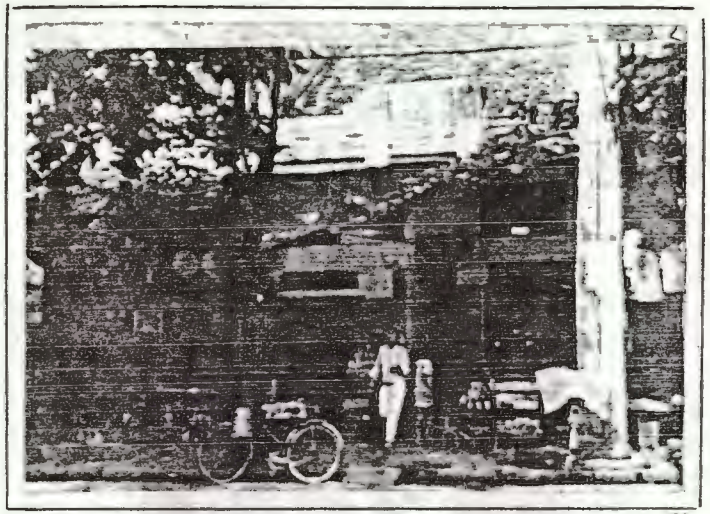

NHÀ 46 PHỐ HÀNG GIẤY HÀ NỘI - NƠI SINH ÔNG NGUYỄN V. VĨNH

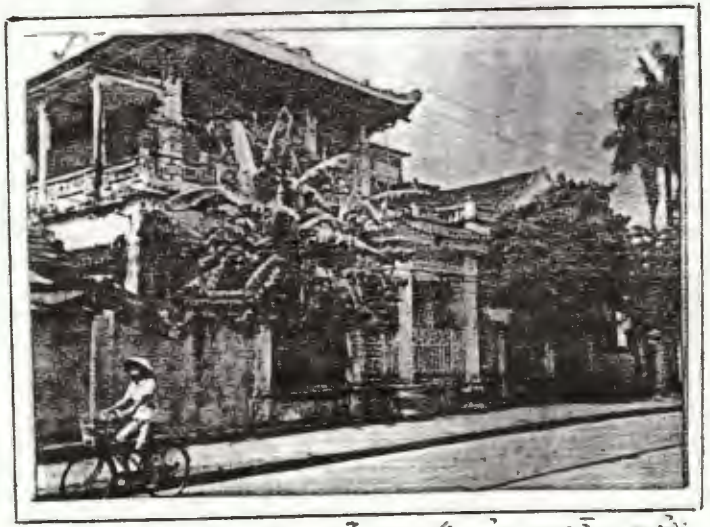

NHÀ Ở GIA ĐÌNH ÔNG NG.V.VĨNH TRƯỚC CỬA TRƯỜNG ĐỜI (TRƯỜNG CHU VĂN AN - HÀ NỘI)

KỶ NIỆM
116 NĂM
NGÀY SINH
ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH
15-6-1882 o 15-6-1998

1882 o1936

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI
1906 o 1936